

trên đường thiên lý

Nối tiếp *ON GỌI MIỀN TRUNG* của cùng tác giả Phạm Văn Liêm, *TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ* ghi chép những gian khổ, hy sinh to tát của Đoàn Hướng Đạo Trung Kỳ. Với đức tin thiết thạch, và trong ánh sáng thiêng liêng soi dẫn, hàng hàng lớp lớp người xưa ấy đã đi đầu dắt nhau, anh trước em sau, kiên trì vượt qua ngàn dặm đường xa nguy nan cách trở, để truyền bá đạo Lê Trời hay Đạo Trời trên dải đất miền Trung vốn lắm phong ba bão táp. Hai chữ Thiên Lý trong nhan đề vì thế hàm ngụ hai ý nghĩa: Thiên Lý 千里 là ngàn dặm, mà Thiên Lý 天理 cũng là Lê Trời hay Đạo Trời.

PHẠM VĂN LIÊM

TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ



PHẠM VĂN LIÊM

trên đường thiên lý

TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TRÊN ĐƯỜNG
THIÊN LÝ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

PHẠM VĂN LIÊM
TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ
IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH
Biên tập: LÊ HỒNG SƠN
Vẽ bìa: LÊ ANH HUY
Trình bày, kỹ thuật, sửa bản in: DŨ LAN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
☎(04)37822845 – Fax: (04)37822841
In ba ngàn bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
☎38153971 – Fax: 38153297
Số xuất bản **721-2013/CXB/95-106/TG**, ngày 04-6-2013.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2013.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh TRẦN VĂN QUANG
59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653

Quyển **41-2** trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
Kỷ niệm năm năm ấn tổng hoàng pháp (tháng 6-2008 / tháng 6-2013)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

PHẠM VĂN LIÊM
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ

IN LẦN THỨ HAI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Hà Nội 2013

Cùng một người viết:

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng
Kinh Sách Đại Đạo liên kết
Nhà xuất bản Tôn Giáo (Hà Nội)

Đã xuất bản:

CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ – 2009 (*in hai lần*), 2012
ĐẠO ÁO TRẮNG – 2009, 2010
HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI – 2009, 2012
ƠN GỌI MIỀN TRUNG – 2010, 2011
TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ – 2011, 2013
TIẾNG CHIM QUYÊN (*thơ*) – 2011

Thượng Giáo Sư PHẠM VĂN LIÊM giữ bản quyền.
All Rights Reserved © Vietnam 2013



Môn sanh Chiếu Minh LONG VÂN ĐÀN, Mỹ Tho:

Chơn linh hiền tử **LA THỊ THẬU**

công quả ba mươi triệu đồng (đợt 75 và 77)

ấn tống lần thứ hai gồm ba ngàn quyển.

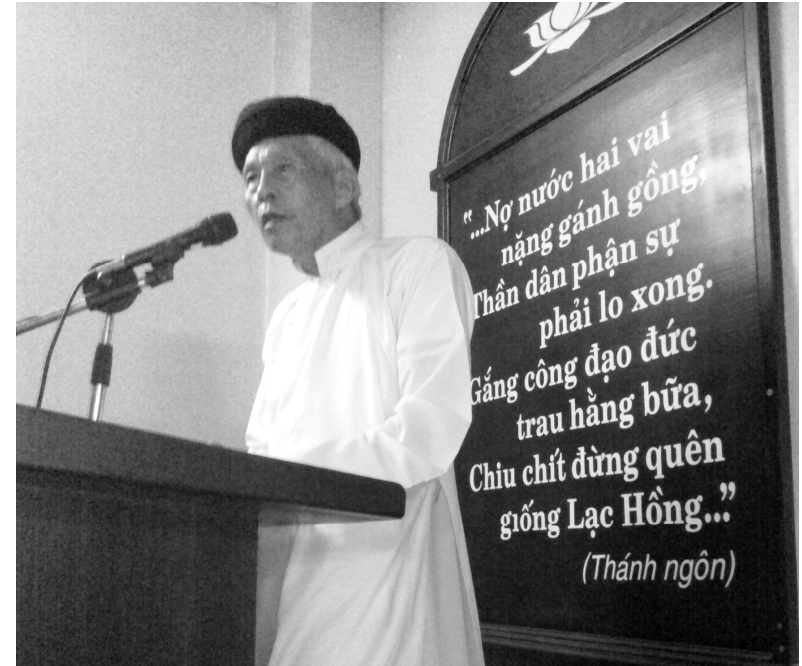
*Kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.*

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do Chương Trình *Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

Ban Ấn Tống



Thượng Giáo Sư PHẠM VĂN LIÊM
Thánh thất Trung Đòng 20-5-2013
Ảnh: H.Kh.

MỤC LỤC

Nối tiếp *On Gọi Miền Trung* ⁽¹⁾ của cùng tác giả Phạm Văn Liêm, ***Trên Đường Thiên Lý*** ghi chép những gian khổ, hy sinh to tát của Đoàn Hướng Đạo Trung Kỳ. Với đức tin thiết thạch và trong ánh sáng thiêng liêng soi dẫn, hàng hàng lớp lớp người xưa ấy đã dìu dắt nhau, anh trước em sau, kiên trì vượt qua ngàn dặm đường xa nguy nan cách trở, để truyền bá được Lễ Trời hay Đạo Trời trên dải đất miền Trung vốn lắm phong ba bão táp. Hai chữ *Thiên Lý* trong nhan đề vì thế hàm ngụ hai ý nghĩa: *Thiên Lý* 千里 là ngàn dặm, mà *Thiên Lý* 天理 cũng là Lễ Trời hay Đạo Trời.

Lời Giới Thiệu	9
Thanh Quang Thánh Tịnh	11
Từ Quang Thánh Thất	23
Nam Trung Hòa Thất	37
Nặng Phần Trách Nhiệm	49
Đạo Mạch Lưu Thông	63
Trung Thành Thánh Thất	89
Mở Mang Cơ Đạo	112
Đại Hội Vạn Linh	140
<i>Phụ lục: Đại Hội Long Vân Đệ Bát</i>	149
<i>Phụ bản</i>	157

⁽¹⁾ Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2011. Quyển số 23 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài.

LỜI GIỚI THIỆU

Đạo mạch Tam Kỳ như một dòng trường giang mới phát nguyên. Môn sinh nhà đạo hoặc đang ở trên dòng hoặc di chuyển hai bên bờ sông. Con người và dòng sông hòa thành nhất thể. Trường giang trôi chảy và môn sinh là những phần tử chức năng tạo nên sức sống, định hình, tạo dáng, tăng giảm tốc độ, phân chi rẽ nhánh, làm cho dòng nước mát ngọt hay nhiễm phèn, vẩn đục...

Những người như chúng ta may mắn được là phần tử của trường giang ở buổi khai nguyên và tác giả cũng vậy nhưng còn khác hoặc hay hơn chúng ta ở chỗ theo dõi dòng sông, ghi chép thành chuyện kể. Nhờ vậy cái biết của mỗi người chúng ta có thể mở rộng ra đến khúc trên khúc dưới, đoạn trước đoạn sau của trường giang và biết thêm các phụ lưu đang chảy ra khắp chốn.

Hẳn nhiên, tác giả chưa giúp chúng ta biết được toàn thể vì công trình chỉ mới bắt đầu với cơ Đạo miền Trung.

Người xem truyện thường có những tâm lý khác nhau. Người chú ý cốt chuyện thì muốn biết kết cuộc thế nào. Có người thích thú với tính cách của nhân vật. Và chắc chắn có rất nhiều người nhập lưu vào giòng trường giang để tầm cầu tu học. Họ bị lôi cuốn vì những chi tiết đạo lý, huyền diệu, thần kỳ, nghĩ suy về những thuận nghịch thị phi cõi thế. Rất nhiều vấn nạn họ tự đặt ra, nhiều trường hợp họ giải thông và cũng lắm vấn nạn đành bỏ tay chờ đợi...

Tính cách của trường giang là trôi chảy và phải chịu ảnh hưởng của thế đất, thổ nhưỡng, cảnh quang thiên nhiên và môi trường nhân văn. Thời kỳ đầu, dòng sông mới chỉ gập sườn cao, dốc đứng tạo nên thác ghềnh hoặc các doi đất lún dòng, đá ngầm dưới đáy. Đi xa nguồn, trường giang rộng thêm chảy qua các bãi dâu, đồng lúa, phố thị, chắc chắn không tránh khỏi các thứ nước thải chảy vào, không chừng cũng có các loài thủy quái quậy phá...

Trường giang càng dài rộng bao la, tâm cảnh người theo sông càng phong phú, trầm lắng, xúc động.

Hãy cùng người kể chuyện theo dòng.

Đây là phần chuyện thứ nhất – tác giả dự định kể tiếp cho đến lúc trường giang trôi đi mà mình không đi theo được nữa.

Chúng ta cảm ơn tác giả. Cầu chúc tác giả được dài tuổi thọ, có đủ sức khỏe và bút lực dồi dào để có thể kể nhiều chuyện hơn về dòng trường giang với nhiều phân lưu đang tỏa ra khắp hướng.

Đồng sự
Thượng Văn Thanh

THANH QUANG THÁNH TỊNH

MỘT

Tam Giáo Minh Sư là một trong Ngũ Chi Minh Đạo, truyền từ Trung Hoa sang nước Việt. Tại đất Quảng Nam, trước khi có đạo Cao Đài, đạo Minh Sư đã được sùng mộ hơn cả đạo Phật. Theo một số nhà nghiên cứu thì Minh Sư là “Tiên Thiên Đại Đạo” thuộc hệ Thiên Tông của Phật Giáo nhưng có pha trộn Nho và Lão. (Thiên Tông do Tổ thứ 28 của Ấn Độ là Bồ Đề Đạt Ma truyền sang Trung Hoa.) Chùa của Minh Sư gọi là Phật Đường. Minh Sư tu theo pháp thượng thừa “*giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự*”, tức là đạo pháp trực truyền bằng khẩu khuyết, không qua chữ nghĩa, kinh sách.

Tại làng Quảng Đợi, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, có một Phật Đường Tam Giáo Minh Sư do Lão Sư Trần Văn Định, thường gọi là Lão Sư Đương làm chủ.

Hôm ấy Lão Sư Đương vừa điếm tâm xong, còn ngồi thưởng thức bát chè xanh ở nhà trai, chợt nhìn ra cổng thấy một thanh niên xăm xăm vào ngõ. Lão Sư vội vàng khoác áo dài, bung theo bát nước chè xanh lên phòng khách sự.

Thanh niên ấy mặc nguyên bộ đồ tây trắng, dáng người mảnh khảnh, gương mặt khôi ngô. Lão Sư Đương bước ra tận hiên đón. Khách vội cúi thấp người, lễ phép:

- Kính chào Lão Sư.
- À, chào cháu. Vào đây cháu.

Trong phòng khách, Lão Sư hỏi han:

- Cháu người ở vùng này?
- Thưa Lão Sư, cháu ở La Kham.
- Vậy à, cháu đến Phật Đường có việc gì?
- Thưa Lão Sư, cháu là con trai ông Nguyễn Duy Trinh ở làng Điện Thành, La Kham.

Lão Sư Đương vồn vã:

- À, té ra cháu là con ngài Chánh Tổng Diệm. Tội nghiệp, ngài Chánh Diệm mất quá trẻ! Cháu năm nay bao nhiêu? Vẫn còn đi học chứ?

- Thưa Lão Sư, cháu năm nay mười tám. Thầy cháu mất rồi, cháu không còn điều kiện theo học ban Thành Chung ở Huế. Cháu đến đây muốn xin thọ giáo Phật Đường. Kính Lão Sư xem xét và cho cháu biết về thể lệ cầu đạo.

Lão Sư Đương gọi người pha trà, rồi nhìn người khách trẻ, vừa ân cần vừa ái ngại bảo:

- Cháu muốn mượn cửa từ bi để giải cơn buồn khổ thì cứ đến đây, lúc nào cũng được. Còn việc quy y cầu đạo, phải từ từ rồi tính sau. Nếu quy y để tu tại gia thì dễ, còn thọ giáo xuất gia phải cố đại nguyện mới được.

Lão Sư Đương đưa tay mời trà người khách trẻ, còn mình uống tiếp bát chè xanh một hơi dài rồi giảng giải:

- Người tu Minh Sư tại gia thì bắt đầu phát nguyện cầu Hộ Đạo, rồi tiến đến Cầu Sám. Xong cứ như vậy hòa cùng tín chúng giữ gìn quy giới tu trì. Còn phát nguyện xuất gia thì phải trường trai tuyệt dục, tu cầu giải thoát, thọ pháp, trì giới từ Nhất Bộ, lên Nhị Bộ, đến Tam Bộ. Xong ba tầng bậc này ít nhất ba năm sẽ được cầu Châu Viên, lãnh Thiên mạng. Người được vào hàng Châu Viên thọ Thiên Ân, có thể lập Phật

Đường tiếp tăng độ chúng, rồi tiếp tục tu lên cao hơn nữa sẽ thọ Chứng Ân có pháp tự chữ *Minh*. Lên Dẫn Ân có pháp tự chữ *Xuong*. Lên Bảo Ân có pháp tự chữ *Vinh*. Bậc tu có pháp tự Minh, Xuong, Vinh này là hàng giáo phẩm trung cấp. Lên cao cấp thì thọ Đảnh Hàng, pháp tự chữ *Vạn*. Lên Thập Địa Lão Sư, pháp tự chữ *Đạo*. Đến chữ Đạo là phẩm tột cao của Minh Sư, chỉ còn chờ truyền tổ nghiệp nữa mà thôi.

Lão Sư Đương dừng lại hắng giọng rồi nói tiếp:

- Bác nói tổng quát vậy để cháu rõ, còn việc phát nguyện của cháu thì tùy duyên tùy phận.

Người khách đến gặp Lão sư Đương là tiền bối Nguyễn Quang Châu, trưởng nam của Chánh Tổng Nguyễn Duy Trinh, thường gọi là Chánh Diệm. Mẹ tiền bối là Phan Thị Vân, ở làng Điện Thành, La Kham, thuộc vùng Gò Nổi, Quảng Nam. Tỉnh Quảng Nam có thể nói là vùng đất văn vật, quê hương của những nhà chí sĩ như Hoàng Diệu, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài...

Ông Chánh Diệm là người ưu thời mẫn thế, quyết un đúc cho con mình một năng lực vượt trội để thi thố với đời trên đường góp công canh tân xã hội. Chẳng may ông mất sớm, khi tuổi đời vừa bốn mươi bốn. Tất nhiên tiền bối Nguyễn Quang Châu phải nghỉ học, ở nhà giúp mẹ, lo cho em. Chính vì thân phụ mất quá sớm, tiền bối phải đối mặt với nhiều ảnh hưởng trong cuộc sống nên tâm trí lúc nào cũng trĩu nặng suy tư về kiếp nhân sinh, về sự mất còn của cõi người, về lĩnh vực tâm linh... Tiền bối tìm đọc các sách báo về triết lý tôn giáo, đạo học, tâm linh như *Niết Bàn Tạp Chí* của Thông Thiên Học Sài Gòn, *Từ Bi Âm* của Hội Phật Học Nam Kỳ, *Viên Âm* của Hội Phật Học Trung Kỳ, *Đuốc Tuệ* của Hội Phật Học Bắc Kỳ, rồi đọc đến *Phật Giáo Tân Thanh Niên* của Sư Thiện

Chiếu. Đồng thời tiền bối cũng tìm đọc những tài liệu chấn hưng Phật Giáo của bác sĩ Lê Đình Thám, người cùng tỉnh Quảng Nam cùng cấp.

Đã thấm nhuần đạo học khá sâu, dường như tiền bối Nguyễn Quang Châu cảm thụ rằng nền tảng tâm linh trong tâm khảm của mình được định hình gồm có nếp sống đạo theo Nho, quy giới theo Phật và hành trì pháp tu theo Tiên. Do vậy tiền bối tìm đến Phật Đường Tam Giáo Minh Sư.

Sau buổi diện kiến Lão Sư Đương, tiền bối Nguyễn Quang Châu về xin phép thân mẫu cầu tu theo Phật Đường của Lão Sư Đương với bước đầu là Hộ Đạo rồi đến Cầu Sám.

HAI

Gia đình ông bà Chánh Diệm vào bậc trung lưu trong xã hội. Ông là Chánh Tổng, rất nghiêm túc. Bà là một phụ nữ hiền thực, đoan trang, cởi mở và lịch thiệp trong giao tiếp. Từ ngày ông Chánh Tổng mất, gia đình như gặp phải một biến cố. Nay tiền bối Nguyễn Quang Châu phát nguyện đi tu, lại thêm một khủng hoảng tiếp theo.

Vốn sinh sống bằng nghề tầm tang, bà Chánh Diệm và con gái phải quần quật mỗi ngày. Chẳng là người ta thường nói *làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng*. Đúng vậy, nuôi tằm thì không có thời giờ, dù là để ngồi ăn cơm.

Từ lúc chọn kén giống đặt vào thúng, khi ngài (bướm) phá kén chui ra, chỉ trong một ngày bà Chánh Diệm phải để trọn thời giờ vào các công đoạn. Đầu tiên, đưa hết ngài (bướm) vừa nở vào một cái nong. Ngài này gồm cả con cái (to, tròn) và con đực (nhỏ, dài), chúng sẽ tìm nhau từng cặp để giao phối.

Chỉ từ sáng đến chiều, bà Chánh phải tách rời từng đôi, rút

con đục quặng cho gà, và đặt từ năm đến mười con cái vào một tờ giấy trắng. Chúng sẽ đẻ trứng từ trung tâm tờ giấy, quần ra ngoài thành từng vòng tròn. Trứng mới đẻ có màu trắng sau đó sẫm dần, đến cuối tuần biến thành đen và nở ra tằm con.

Tằm con chỉ nhỏ hơn con lăng quặng, giống như con sâu, nằm sùi lên trên vỏ trứng. Bà Chánh dùng một chiếc lông gà đã tước hết phần phiến gốc, chỉ còn phần ngọn, vầy cho tơi, dùng làm chổi quét. Bà quét tách rời tằm riêng ra một tờ giấy khác, bắt đầu lấy lá dâu xắt thật mịn rắc cho tằm ăn. Lá dâu phải tươi, ráo nước.

Tằm bò lên trên lá dâu ăn rất nhanh, lớn rất chóng. Chỉ qua một ngày thì thành tằm ăn một, lá dâu xắt lớn hơn. Qua hai ngày thì tằm ăn hai, lá dâu xắt lớn hơn nữa. Qua ngày thứ ba, tằm ăn lá dâu không cần xắt. Cả nong, tằm ăn rào rào ở cách xa vẫn nghe tiếng.

Đây là lúc tằm ăn lên, thân tằm từ màu xanh lục chuyển sang màu xanh ngọc lợt rồi trắng dần, tiếp tục ngả sang màu vàng là tằm chín. Bấy giờ trong bụng tằm chứa đầy tơ. Nuôi tằm phải rất sạch sẽ, cẩn thận cử kiêng từng ly từng tí, để tránh tằm nhiễm bệnh. Có câu rằng *một nong tằm bằng năm nong kén, một nong kén bằng chín nén tơ...* Nếu xui xẻo tằm nhiễm bệnh thì tiêu tan tất cả.

Công đoạn kế tiếp là dùng cây có nhiều nhánh, tốt nhất là cây chà rang, cột lại tạo thành tổ cho tằm kéo kén. Khi bỏ tằm lên tổ, tằm tự tìm nơi bám rồi nhả tơ kéo kén. Chỉ từ sáng đến chiều là bao nhiêu tơ tằm rút ruột nhả ra hết, quần quanh mình tạo thành chiếc kén vàng óng, bên trong là thân tằm dần dần biến thành nhộng.

Chỉ một số ít kén được chọn để giống, còn tất cả được cho vào nồi uơm, kéo sợi tơ từ mịn đến thô, cung cấp cho người

dệt lụa, thao, đũi. Còn lại xác nhộng bán làm thức ăn bổ dưỡng.

Nuôi tằm là nghề truyền thống lâu đời của dân quê miền trung du đất Quảng Nam. Bà Chánh Diệm chăm lo cái ăn cái mặc cho gia đình nhờ vào nghề này. Nhưng bây giờ bà chấp nhận bỏ nghề. Tiền bối Nguyễn Quang Châu sau khi thọ giới trường trai, quyết tu đồng chơn thoát tục, đã bàn với mẹ thôi không theo nghề cũ nữa, vì tiền bối cảm thấy ái truat cho những con bướm ngài đục bị vút ra sân cho gà ăn và những ấu trùng (nhộng) nằm trong tổ kén bị đun nước sôi khi uơm tơ.

Tiền bối chuyển sang dùng sức lao động trồng, cấy để có hoa màu điền thổ. Đồng thời tiền bối xin một chân thầy giáo, kiếm món tiền hàng tháng bù vào chỗ hồng kinh tế gia đình. Tiền bối cảm thấy rất thoải mái trong việc chuyển đổi này.

Về phần Phật Đường của Lão Sư Đương, từ khi có tiền bối Nguyễn Quang Châu, mọi sinh hoạt tín ngưỡng có phần thăng tiến hơn. Những buổi tập hợp đạo hữu có thêm phần giảng giải của thầy giáo Châu rất thu hút tín chúng.

Bằng tấm lòng chân thành quyết tu, quyết lập công hành đạo, tiền bối Nguyễn Quang Châu được Lão Sư Đương quý mến và bổn đạo trong Phật Đường rất kính trọng. Bản thân tiền bối cũng thấy tấn tới rất nhiều về việc am tường lý đạo và cảm thụ huyền cơ.

Tiền bối nhanh chóng cầu Nhất Bộ, rồi Nhị Bộ, đồng thời biến ngôi từ đường của gia tộc thành Đồng Chơn Tự. Tăng chúng quanh vùng thường lui tới Đồng Chơn Tự tham vấn, học hỏi. Nhờ tiền bối đọc sách báo nhiều, nghiên cứu với tinh thần phóng khoáng Nho, Phật, Lão nên thỏa mãn được lòng sùng mộ Tam Giáo của tín chúng.

Tiền bối Nguyễn Quang Châu cảm thấy mình cứ từng ngày vươn lên phơi phới trên dặm dài tu cầu giải thoát. Tiền bối sắp cầu Tam Bộ, tức Châu Viên, để tiến vào hàng Thiên Ân.

BA

Vừa khôi ngô tuấn tú, thông minh, vừa hiểu biết rộng, tiền bối Nguyễn Quang Châu với vai trò tu sĩ rất được nể phục mà với vai trò thầy giáo cũng được tin tưởng, kính mộ. Qua ba năm gõ đầu trẻ, thầy giáo Châu rất yêu nghề, luôn tận tụy với chức năng, nên giữ vững được việc mưu sinh. Thân mẫu tiền bối hết tất bật với nghề chăn tằm kéo tơ, chỉ lo chu toàn việc khách tình, gia sự. Nếp sống gia đình không dư giả nhưng tương đối êm đềm, xây vắn với năm tháng.

Năm đó (1933), thầy giáo Châu dạy học ở nhà ông Phó Trang và năm sau dạy ở nhà Kiểm Huyền. Hai nhà này đều cùng làng Dinh Trận, giáp liền làng Bất Nhị. Tiền bối Nguyễn Quang Châu có nghe nói về một mối đạo mới, một nền tân giáo lý được nhóm thanh niên ở Bất Nhị say sưa tín mộ. Tiền bối muốn đến với nhóm thanh niên này để tìm biết nguồn đạo có danh xưng nghe rất lạ lẫm: đạo Cao Đài.

Nhóm anh em làng Bất Nhị cũng biết tiếng thầy giáo Châu, và ái mộ một thanh niên vào hàng trí thức đương thời ở La Kham đã có đại hùng, đại lực trên lộ trình vào tâm linh. Do chỗ đồng cảm, họ rất dễ dàng đến với nhau, thông cảm, sẻ chia và quý mến nhau. Tiền bối Nguyễn Quang Châu được mấy anh em làng Bất Nhị cho mượn thánh ngôn, thánh giáo, kinh sách anh em đang có.

Tiền bối rất thích bài *Ngu Đồi* của Đức Lý Thái Bạch giảng bút. Để tâm chiêm nghiệm mới thấm thía được nội dung cảnh tỉnh thế trần qua từng câu từng chữ. Tiền bối cũng ngộ được rất nhiều về kinh *Tu Chơn Thiệp Quyết* và *Giác Mê*

Khải Ngộ. Qua đó, tiền bối cảm nhận cái không mới mà mới của một tôn giáo có tôn chỉ Tam Giáo quy nguyên.

Mối thiện cảm giữa những con người trẻ mỗi ngày một sâu đậm. Việc sẻ chia kinh sách là cơ hội gặp gỡ, tham cứu, trao đổi về đạo học. Mặc dù là tu sĩ đồng chơn Minh Sư đang chuẩn bị cầu lên Châu Viên, là phẩm cấp có thể làm chủ một Phật Đường, nhưng khi tiếp xúc với thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài, tiền bối Nguyễn Quang Châu nhận định rằng Tam Giáo Minh Sư là một tiền đề chuẩn bị cho nền giáo lý quy nguyên của đấng Chủ Tể càn khôn.

Tiền bối bàn bạc với Lão Sư Dương về đạo Cao Đài, một tôn giáo mới phát sinh tại miền Nam Việt Nam. Lão Sư gật gù và cho tiền bối biết rằng Đức Thái Lão Trần Đạo Quang, vốn là thầy của các Phật Đường Tam Giáo Minh Sư miền Trung đã sớm quy hiệp Cao Đài, thọ Thiên phong phẩm vị Ngọc Chương Pháp tại thánh thất Gò Kén (Tây Ninh) vào rằm tháng 10 Bính Dần (1926).

Lòng tiền bối Nguyễn Quang Châu như mở cờ, vì tiền bối đang mong mở rộng thêm lý đạo, dò tìm nguồn cội tâm linh. Năm 1933, khi nhóm bạn bè Bất Nhị vào Sài Gòn, tiền bối bỗng dựng như ôm áp một niềm tin rằng sẽ có cái gì màu nhiệm cho thời kỳ đạo pháp. Tiền bối vẫn mong ngóng theo dõi cho đến khi nhóm anh em Lương Hữu Thành, Lê Văn Phụng, Lê Văn Qui, Trần Công Sĩ được tuyên dụng phò loan, tập luyện, khai khiêu làm Tứ Linh Đồng Tử tại thánh tịnh Đại Thanh ở Gò Vấp, Gia Định. Tiền bối cứ ước ao ngày tái ngộ để thỏa ý mong cầu hiểu biết, để nhìn ngắm một khung trời mà tiền bối tin là mới lắm, nhiệm màu lắm, xán lạn lắm.

Vào tháng 9 Giáp Tuất (1934), nghe tin nhóm anh em Bất Nhị đã trở về, tiền bối Nguyễn Quang Châu vội vàng đến thăm, với bao nhiêu điều mong đợi để hỏi han. Tiền bối được

cho biết là nhóm anh em làng Bất Nhị được Thiêng Liêng tuyển dụng thiết lập bộ phận thông công và trở về Trung với sứ mạng phổ thông chơn đạo.

Tuy đang cần kín nhem với chính quyền, nhưng đã xem tiền bối Nguyễn Quang Châu như người đồng hội đồng thuyền, nên anh em cho tiền bối xem các bài thánh thi về truyền đạo Trung Kỳ được giảng bút ở thánh tịnh Đại Thanh.

Như có một linh diệu thâm lặng trong tâm khảm, tiền bối Nguyễn Quang Châu cảm thấy tác động mạnh khi đọc từng lời thánh thi tiền hành:

*Nghìn dặm xa xôi cánh nhận trương
Kê vai xóc gánh Đạo lên đường
Ân Thầy bao quản thân vùi dập
Nghĩa bạn cùng chung gót trời buơn
Quyết phá cho tan màn hắc ám
Toan xoay trở lại mối cang thường
Thân tu thiên hạ an bình đặng
Hồ thi nam nhi đáng để gương.*

Tiền bối Nguyễn Quang Châu cảm nhận một năng lực vô hình nhưng rất thực, rất gần với hữu hình. Tiền bối bày tỏ ý muốn được hầu đàn cơ. Tất nhiên anh em rất vui đón nhận tiền bối ngay trong kỳ đàn mừng 1 tháng 10 sắp đến, tại nhà Giáo Sư Trần Công Ban (nhà ông Xã Xước làng Bất Nhị).

Trong đàn cơ ấy Đức Cao Đài giảng dạy, khuyên tiền bối Nguyễn Quang Châu nhận định rõ về thời phục hưng chánh đạo, quy hiệp Tam Kỳ, hoằng dương chánh pháp, tận độ quần sinh. Tiền bối Nguyễn Quang Châu cảm thấy rất diễm phúc được Ôn Trên điểm hóa, nguyện sẽ tuân mạng, nhưng phải thừa lại với thân mẫu và Lão Sư Đương để trọn tình trọn nghĩa.

Kỳ đàn tiếp theo vào mùng 8 tháng 10 Giáp Tuất, tiền bối Nguyễn Quang Châu đã đến phục mạng quy hiệp Cao Đài. Đồng thời tiền bối xin Đoàn Sứ Giả đến Đồng Chơn Tự thiết một kỳ đàn để tiền bối lập minh thệ.

BÓN

Nhóm thanh niên làng Bất Nhị từ chỗ bạn đồng khí tương cầu, nay đã trở thành bộ phận phò loan đặt dưới sự chỉ dẫn của Giáo Sư Trần Công Ban, gọi là Đoàn Sứ Giả Phổ Thông Chơn Đạo. Vào đêm 14 rạng 15 tháng 10 Giáp Tuất, Đoàn Sứ Giả được lệnh Đức Lý Giáo Tông cho lập đàn tại nhà tiền bối Nguyễn Quang Châu. Kể từ khi vâng lệnh Thiêng Liêng về Trung, đã đúng một tháng, và kỳ đàn ấy là lần thứ ba.

Tiền bối Nguyễn Quang Châu mời bà con và số bôn đạo Minh Sư khoảng hai mươi người. Vì là nhà cựu Chánh Tổng nên chính quyền không để ý. Đêm đó Đức Lý Giáo Tông giảng cơ chứng lễ lập nguyện của tiền bối Nguyễn Quang Châu, đồng thời dạy qua ý nghĩa cơ phổ độ, nhất là tầm quan trọng về việc truyền giáo Trung, Bắc Kỳ. Tiếp đến Đức Chí Tôn lâm đàn ban ơn cho tiền bối Nguyễn Quang Châu và gia đình cũng như toàn đàn. Đức Chí Tôn nhắc nhở tiền bối Nguyễn Quang Châu rằng đã có Thiên mạng độ đời, nên hãy gia nhập Đoàn Sứ Giả, hết lòng với nhiệm vụ tiên phong.

Tiền bối Nguyễn Quang Châu phấn chí vô cùng. Tâm tư tiền bối chập chờn ẩn hiện một khung trời huyền diệu, lung linh khác thường. Tiền bối lại xin kỳ đàn kế tiếp cũng được lập tại Đồng Chơn Tự, để thân mẫu và gia đình cùng lập nguyện.

Kể từ đó cứ một kỳ đàn lập tại Đồng Chơn Tự, một kỳ tại nhà Giáo Sư Trần Công Ban. Mỗi lần ra đàn, bài thánh giáo được Giáo Sư Trần Công Ban diễn ngâm theo cách đọc thánh

giáo miền Nam rất du dương truyền cảm. Sau đó tiền bối Nguyễn Quang Châu dẫn giải nghĩa lý để mọi người cùng hiểu. Nhờ học vấn khá vượt trội, lại đã nghiên cứu thâm đắc Tam Giáo Minh Sư nên tiền bối Nguyễn Quang Châu giảng giải rất cụ thể, dễ đi vào lòng người, đánh động được những tâm hồn đang chơi vơi trong bể đời thiên diễn. Vì vậy cứ mỗi kỳ đàn lại có thêm năm ba người nhập môn cầu đạo, và cũng có cả tín đồ Minh Sư quy hiệp.

Càng ngày người nhập môn càng đông, vấn đề lễ bái, hội học trở nên khó khăn. Tiền bối Nguyễn Quang Châu bèn thưa với thân mẫu hiến ngôi nhà để *cải gia vi tự* (biến nhà thành nơi thờ tự). Tiền bối là đích tôn trưởng tộc, ngôi nhà là từ đường, tuy đặt tên là Đồng Chơn Tự nhưng vẫn là nơi thờ cúng tiên linh dòng họ. Tuy nhiên bà Chánh Diệm đã thu xếp để mỗi người trong tộc đều đồng ý, mọi việc trôi chảy, nhờ vậy thánh sở vẫn có nơi cho bá tánh hành lễ.

Ngày rằm tháng 11 Giáp Tuất, kỳ đàn lập tại Đồng Chơn Tự, tiền bối Nguyễn Quang Châu bạch ý nguyện với Ôn Trên, được Thiên Liêng chấp thuận và ban thánh hiệu là *Thanh Quang thánh tịnh*.⁽²⁾ Đây là thánh sở đầu tiên của công cuộc phổ thông chơn đạo ra Trung Kỳ. Bồn đạo Phật Đường Minh Sư tuần tự quy hiệp Cao Đài tại Thanh Quang rất nhiều.

Để tạo sự yên lòng cho những đạo hữu đã có pháp danh ở Phật Đường Minh Sư, tiền bối Nguyễn Quang Châu nhân một

đàn cơ, bạch với Đức Lý Giáo Tông xin cho ai có pháp danh được giữ y. Đức Giáo Tông chấp thuận. Do vậy tiền bối Nguyễn Quang Châu (pháp danh Chơn Khai) được gọi là Nguyễn Chơn Khai. Thân mẫu tiền bối (Phan Thị Vân, pháp danh Tịnh Chuyển) gọi là Phan Tịnh Chuyển.

Việc cải gia vi tự, Thánh ý đã thuận, Thánh hiệu đã ban, nhưng điều kiện vật chất thật chật vật. Từ khi tiền bối Chơn Khai quyết lập công hành đạo, đã nghỉ dạy học nên kinh tế gia đình thu hẹp. Việc khách đạo mỗi ngày mỗi đa đoan. Ý tiền bối Chơn Khai muốn tạo lập cơ ngơi đủ thờ phượng, lễ bái và hội họp mà ngân khoản thì không có. Tất cả Đoàn Sứ Giả rất vui, lại cũng rất lo, nên có ý muốn chằm chằm, nhất là ý kiến bà Tịnh Chuyển cũng muốn từ từ. Trái lại tiền bối Chơn Khai cương quyết đặt kế hoạch thực hiện sớm.

Tiền bối cho đốn một số cây mít già trong vườn làm cột, vay mượn mấy đồng bạc mua thêm gỗ, vận động người ủng hộ tranh tre. Về thợ làm thì đã có bồn đạo lập công quả. Công việc tạo tác đến thượng tuần tháng 5 thì xong. Trần thân an vị vào ngày rằm, và kế tiếp, theo Thánh lệnh tổ chức khánh thành ngày 30 và 01 tháng 6 Ất Hợi (01-7-1935). Trước lễ khánh thành, Đức Chí Tôn lâm đàn ban cho hai câu liên thờ:

Tam Giáo quy nguyên bách thế Thanh tôn Thiên phước hậu.

Ngũ Chi phục nhất vạn niên Quang lạc Phật tâm thành.

⁽²⁾ *Thanh Quang thánh tịnh*: Tất cả các họ đạo của Hội Thánh Truyền Giáo đều là thánh thất, riêng với Thanh Quang Ôn Trên ban cho danh xưng thánh tịnh và vẫn giữ đến ngày nay để kỷ niệm sự tiếp nối Thánh điển từ thánh tịnh Đại Thanh. Thanh Quang thánh tịnh đã di chuyển nhiều nơi vì chiến tranh. Hiện nay được xây dựng Tam Đài tại thôn Phong Thứ 3, xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, với số tín đồ trên năm trăm người.

TỪ QUANG THÁNH THẤT

MỘT

Vùng Gò Nổi (tỉnh Quảng Nam) gồm các làng Phú Bông, Thi Lai, Bảo An, Xuân Đài, La Kham. Đây là vùng phát triển mạnh về tiểu công nghệ và thương mại. Thịnh hành nhất là tơ tằm. Việc thông thương buôn bán làm cho nếp sống vùng này khá tân tiến. Từ cái ăn cái mặc đến cách sinh hoạt, vui chơi giải trí, đều luôn luôn bắt kịp theo kiểu Sài Gòn, Hà Nội. Thậm chí các môn ăn chơi ở Đà Nẵng, Hội An chưa có, mà vùng Gò Nổi đã dập dùi.

Tầng lớp trẻ ở đây phần đông học rất giỏi, mà cũng không ít người lêu lổng bạt mạng. Tại thôn Ngọc Sa (Phú Bông), có thanh niên Nguyễn Văn Minh, thường gọi Hương Niên. Đó là tiền bối Nguyễn Đán, con ông Nguyễn Bình, người xứ Nghệ An, vào sinh sống bằng nghề thuốc bắc tại Quảng Nam. Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Quán, sinh ra hai gái một trai. Tiền bối Nguyễn Đán là con thứ hai.

Lúc tiền bối Nguyễn Đán mới mười sáu tuổi thì thân phụ qua đời sớm. Vì mẹ quá nuông chiều, nên tiền bối hóa ra lêu lổng, bỏ học chữ, đi luyện tập võ nghệ. Đến năm mười tám tuổi, tiền bối lưu lạc giang hồ, tham gia các hội hè, thi đấu võ, đấu quyền, rồi sa vào cờ bạc. Khi dấn nát đất Quảng Nam, tiền bối lang bạt ra Thừa Thiên, lên cao nguyên, vào Sài Gòn, qua Nam Vang. Tiền bối đến những trung tâm thương mại, các xí nghiệp, những đồn điền. Bất cứ ở đâu và gặp đối tượng nào tiền bối vẫn được tôn là hiệp khách. Vì tiền bối là người

ôn hòa, điềm đạm, xử sự có độ lượng, luôn bênh vực kẻ yếu, giúp người nghèo, cô thế.

Về nghiệp võ, tiền bối học nhiều thầy ở Quảng Nam, Bình Định, Sài Gòn. Tiền bối học cả võ ta, võ Tàu, môn nào cũng đạt đến mức tinh tế, từ thể chất mạnh mẽ, đến tinh thần thượng võ của võ đạo. Khi bạn bè muốn hiểu qua một vài miếng võ, tiền bối vui vẻ biểu diễn cho xem. Tiền bối vạch xuống đất một vòng tròn, đường kính chừng một mét rưỡi, rồi đi một đường quyền thất bộ, theo võ Thiếu Lâm. Đường thảo bảy bộ, mà chỉ giới hạn trong vòng tròn vạch sẵn, không dẫm chân ra ngoài. Còn võ ta, tiền bối biểu diễn một đường quyền cước tự do rồi giải thích công năng của nó. Tiền bối nói thêm về việc thi triển động tác võ công của đôi tay bằng cách cùn lúc vận dụng cả thể đánh khuỷu tay, bàn tay và ngón tay. Khi tham dự võ đài, tiền bối chỉ đấu với những võ sĩ có hạng, hoặc võ sư tầm cỡ như Xã Thám ở Bàu Nghè, Trợ Địch ở Tư Phú, Chánh Ngẫu ở Phú Bông... Tiền bối từ chối những trận đấu mua vui kiếm tiền hoặc đấu thuê, đánh mướn.

Về cờ bạc, tiền bối chơi với những giới sang trọng từ nội thành Huế, hoàng thân quốc thích, đến công tôn vương tử, các mục, các mẹ, các quan lại viên chức, các điền chủ, hội đồng, kể cả Tây đầm... Nhân vật nào có máu đỏ đen, có nghề đồ bác, tiền bối đều gặp mặt. Nhờ thông minh lanh lợi và từng trải, nên tiền bối luôn luôn thành công trong mọi cuộc đọ trí so tài. Đó là lợi thế để được nhiều tài chủ đứng sau lưng tiền bối, cung cấp tài khoản lớn cho những trận đồ đen kếp xù. Tất nhiên trên bước giang hồ tầm cỡ ấy, tiền bối đã gặp không biết bao nhiêu là tình huống đối đầu sinh tử.

Một lần ở Sài Gòn, tiền bối được rủ vào chơi sòng bạc lớn ở đại lộ Charner (nay là đường Nguyễn Huệ). Các con bạc là chủ đồn điền, giám đốc sở cao su, chủ công ty xí nghiệp,

thương gia. Cùng đi với tiền bối có một tài chủ và một tà lọt mang theo cặp tấp tiền.

Bắt đầu vào cuộc chơi, tiền bối nhường hiệp nhưt. Hiệp hai chuyển sang có ăn có thua. Hiệp ba phần thắng do tiền bối nắm trọn, cả bàn tiền được tiền bối hốt vào hầu bao. Các con bạc đều nóng mặt. Một người khá sang trọng, cặp đôi với cô đầm lai đứng dậy móc súng lục đưa vào mặt tiền bối, dọa phải cho mượn lại tiền. Tức thì tiền bối chụp ngay cô đầm lai xốc nách đưa lên làm bia, bước ra cản đường cho tài chủ và tà lọt thoát ra phía cầu thang. Tiền bối tiếp tục đưa cô đầm đang vùng vẫy vừa lui dần xuống đến tầng cuối, hát cô đầm về phía đối phương rồi phóng ra đường có xe chực sẵn, đón cả ba người lao vút vào hẻm phố mất dạng.

Năm ấy, tiền bối vào tuổi nhi lập, hết mười năm giang hồ phiêu lãng với bao nhiêu được thua thắng bại. Thực sự thì tiền bối được nhiều hơn thua, thắng nhiều hơn bại. Nhưng khi được, tiền bối cảm nhận rõ nỗi bi đát của kẻ thua, khi thắng tiền bối ném được mùi chua cay của người bại. Tất cả đều như bọt nước bèo trôi, phù pha như sương sớm mây chiều. Thế rồi, trên chón giang hồ tự nhiên không còn thấy bóng hiệp khách Hương Niên. Tiền bối đã phủi bụi phong trần, về lại làng quê Quảng Nam, âm thầm dưới mái nhà xưa để tìm lại một ý nghĩa sống mà trước kia chưa bao giờ tiền bối nhận thức được.

HAI

Đó là năm 1934, tiền bối Nguyễn Đán về lại với cảnh cũ người quen. Cảnh cũ không có gì thay đổi lắm. Vẫn đường đất quanh co, ngõ xóm, bờ tre, thôn làng yên ả. Nhưng người quen thì hầu như ít ai muốn gặp mặt tay giang hồ, từng trôi nổi đó đây với cuộc sống bạc bẽo đen đò.

Tiền bối không vì thế mà thấy cô đơn bởi lẽ đang muốn ẩn mình trong thanh vắng, chuyên cần đọc sách báo. Nào báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng, tạp chí *Niết Bàn* của Thông Thiên Học ở Sài Gòn, các truyện Tàu như *Tây Du Ký*, *Đông Du Bát Tiên*, *Bắc Du Chơn Võ*, *Phong Thần Diễn nghĩa*... Tiền bối đọc cả truyện thơ Việt Nam như *Phạm Công Cúc Hoa*, *Lục Vân Tiên*, *Bà Chúa Ba*...

Đặc biệt tiền bối nghe nói về sinh hoạt tâm linh của nhóm thanh niên làng Bất Nhị, trong đó có thầy giáo Châu. Một nhân vật nổi tiếng vừa là thầy dạy học vừa là thầy tu, ở vùng La Kham, Gò Nổi. Nhiều lần tiền bối thấy thầy giáo Châu, một thanh niên khôi ngô tuấn tú, phục sức trang nhã, với áo lương dài, quần trắng, đội khăn đóng lượt, chân đi giày bố, che dù nâu, đeo kính râm, tay cầm chuỗi hạt. Bên cạnh có chú em đệ tử tay xách cặp da. Hình ảnh thầy giáo Châu là mẫu người vừa như một quan trường đề lại, vừa như một nhà tu hành nghiêm cẩn, làm cho tiền bối Nguyễn Đán nảy sinh thiện cảm, muốn tìm dịp hội kiến vị đạo sĩ tân thời này.

Tiền bối Chơn Khai cũng có biết tiếng tay hiệp khách Hương Niên đã dừng bước giang hồ, về sống với gia đình tại Phú Bông. Mỗi lần có dịp đi ngang ngôi nhà của tiền bối Nguyễn Đán, tiền bối Chơn Khai đều luôn để mắt nhìn vào, có ý tò mò muốn thấy con người lang bạt, đã hồi hương. Tiền bối cũng mong rằng có ngày sẽ gặp gỡ, chuyện vãn về đường đời xuôi ngược, về cuộc thế đảo điên. Biết đâu cơ duyên chung đường tín ngưỡng sẽ từ đó nảy sinh.

Do chỗ đồng khí tương cầu, nên buổi sáng nọ, hai tiền bối đã chung chén trà đàm tại nhà tiền bối Nguyễn Đán. Trong câu chuyện sơ giao, tiền bối Chơn Khai hỏi tiền bối Nguyễn Đán:

- Tại sao vốn là con nhà nông chắt phác, anh lại dấn thân

vào nẻo giang hồ, hơn thua thành bại trên võ đài, trong canh bạc?

Tiền bối Nguyễn Đán trần tình:

- Võ đài là nơi tranh về thể lực, sòng bạc là nơi tranh về tài lực. Tài đây là tiền bạc. Hai cái đó là mục tiêu mà tuổi thành niên là đầu mối thúc giục phải tìm biết. Người ta thường nói cuộc đời là đấu trường, là canh bạc. Đối với tôi, mười năm ném trái cũng tạm thấu biết thế nào là ý nghĩa cuộc đời. Một điều tôi rất hãnh diện là tôi đã dùng thể lực để bình kẻ yếu nhược, dùng tài lực để giúp kẻ khó nghèo. Bởi vậy tôi mới được mỹ danh là hiệp khách. Nhưng bây giờ quyết phải tay. Vì tôi thấy đó là mặt trái, là bề ngoài. Tôi muốn tìm vào phía mặt thật, chỗ đích thực bên trong của cuộc sống.

Tiền bối Chơn Khai nở nụ cười đặc ý nói:

- *Cúc thủy nguyệt tại thủ, lộng hoa hương mãn y.*⁽¹⁾ Chơi hoa giỡn trăng cũng vương được chút hương, vờn được chút bóng, nhưng rồi liền tan vôi phai. Người ta bảo rằng gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Tôi rất phục anh, gần mực mà không đen. Bây giờ mong anh hãy gần đèn để được sáng. Đèn đây không phải là tôi. Tôi chỉ là cái chân đèn, còn giáo lý điển quang của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mới là ngọn đèn và ánh sáng.

Vì đã chú ý muốn độ dẫn người bạn đồng hương, nên tiền bối Chơn Khai vừa tự tin về năng lực và tư cách, vừa chủ động về sứ mạng của một hướng đạo. Tiền bối Chơn Khai chân thành tâm sự:

- Anh hơn tôi bảy tuổi, chúng mình đều sớm mất cha như nhau, nhưng bước chân đầu đời mỗi người đặt vào môi trường mỗi khác. Nay thì hy vọng rằng chúng mình sẽ cùng

⁽¹⁾ Vóc nước trắng nơi tay, đùa hoa hương đầy áo.

duyên hội.

Nhìn ánh mắt và thái độ có vẻ cầu đạo của người đã từng đọc ngang trời biển, tuy mới sơ ngộ nhưng tiền bối Chơn Khai muốn đem một phần sở đắc của mình về con đường tâm linh Cao Đài, được soi rọi bởi điển quang qua cơ bút làm chất men đầu đời với tiền bối Nguyễn Đán.

Tiền bối Chơn Khai đọc bài thi trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*:

*Viết thử Thiên thơ với nét trần
Hầu sau bền giữ nghiệp Hồng Quân
Chuyển luân thế sự đưa kinh Thánh
Trừ diệt tà ma múa bút Thần
Kìa lóng non Kỳ reo tiếng phụng
Này xem nước Lỗ biến hình lân
Công danh nước Việt tay đành nắm
Mưa móc dân sanh gắng gọi nhuần.*⁽²⁾

Tiền bối Chơn Khai nêu ra những điểm chính rằng Ôn Trên dùng ngôn ngữ trần gian – ngôn ngữ Việt – để viết sách Trời (Thiên thơ) hầu gìn giữ vững bền cơ nghiệp của Tạo Hóa. Sách Trời là những kinh luật, thánh ngôn, thánh giáo viết ra do cơ bút. Đó là kinh Thánh giáng ban bằng Thiên điển để chuyển hóa cuộc đời, cải tạo con người. Khử trừ tà ma là diệt thất tình lục dục của nội thân; danh vị, tình tiền của ngoại cảnh. Xưa thời nhà Thương phụng gáy Kỳ Sơn có Thánh Nhân xuất thế. Nay Việt Nam, một nước yếu nhược nhỏ nòi, nhưng Thượng Đế đã dạy: “*Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc, ngày sau làm chủ mới là kỳ.*” Cũng như nước Lỗ bé nhỏ của Trung Hoa đã xuất hiện vị Tổ Vương Khổng

⁽²⁾ Tòa Thánh Tây Ninh, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II. (Thi Văn Dạy Đạo.) Bản in 1972, tr. 220.

Thánh. Việt Nam làm chủ đây là làm chủ về tâm linh. Đó là cái danh Việt Nam được nắm. Đó là ân phước mưa móc, phải gắng công gắng sức gội nhuần.

Tiền bối Chơn Khai nói tiếp:

- Ông Trên dùng bút Thần để viết nên lời Thánh và cái huyền diệu đó đang ban ân chuyển về Trung Kỳ qua bộ phận Tứ Linh Đồng Tử, là nhóm thanh niên làng Bất Nhị. Trong thời gian mới mấy tháng đã tạo lập nên thánh sở, phổ độ nhiều tầng lớp nhân sinh, kể cả tín đồ Minh Sư cũng quy hiệp...

Tiền bối Chơn Khai càng nói như càng mở nguồn mạch giác ngộ thấm thấu vào tận tâm can của kẻ dày dạn phong trần. Và điều tiền bối Nguyễn Đán mong mỗi sẽ có cơ hội hiện thực: hội ngộ nhóm Tứ Linh Đồng Tử làng Bất Nhị.

Lần gặp ấy tuy sơ ngộ, mà hai tiền bối đã rất khẩn khít, bởi một bên thông đạo, một bên lịch đời. Sau đó thêm nhiều dịp hai vị gặp nhau luận bàn đạo sự và trở thành thâm giao.

Tiền bối Nguyễn Đán bắt đầu tập ăn chay, chờ ngày hẹn đến hầu đàn cơ do Tứ Linh Đồng Tử thiết lập để được tận mắt tận tai về năng lực màu nhiệm điển quang của Thiêng Liêng.

Hôm 23 tháng Chạp Giáp Tuất, tiền bối Nguyễn Đán trai giới tinh nghiêm, đến nhà ông Xã Xước ở Bất Nhị hầu đàn cơ. Thật hữu hạnh vô cùng, kỳ đàn này Thiêng Liêng vừa dạy chung toàn đạo vừa có phần riêng cho tiền bối Nguyễn Đán.

Phần dạy chung đại ý khuyên chúng sinh hãy biết rằng được làm người là đã vào bậc cao của nấc thang tiến hóa. Đừng đem điểm Thiên lương và phẩm giá cao quý phung phí vào những cuộc truy hoan vô nghĩa. Nó chỉ thỏa mãn thị dục thấp hèn, kết cuộc sẽ bị cuốn vào bánh xe oan nghiệt luân hồi. Mỗi người hãy đem cái lương tri, lương năng cao quý phục

vụ cho chơn lý, cho lợi ích quần sinh.

Riêng phần tiền bối Nguyễn Đán, Ông Trên khuyên rằng vốn có căn lành và có chí nguyện, trong thời ân xá này may duyên gặp hội, hãy hết lòng hồi hướng, cùng sánh vai sứ mạng phổ độ nhân sinh.

Tuần sau, đêm 30 rạng mùng 1 tháng Giêng Ất Hợi (1935), đúng ngày Tết Nguyên Đán, tại thánh tịnh Thanh Quang, tiền bối Nguyễn Đán thọ lễ nhập môn do tiền bối Chơn Khai dẫn tấn, tiền bối Giáo Sư Trần Công Ban bảo cử. Trong một đàn cơ sau đó, Ông Trên ban cho tiền bối Nguyễn Đán thánh danh Như Sơ.

BA

Việc tiền bối Nguyễn Đán nhập môn Cao Đài làm cho nhiều người ngạc nhiên. Họ nghĩ rằng đạo Cao Đài có sức huyền diệu nào đó. Nhất là khi gần gũi tiếp xúc với tiền bối Nguyễn Đán, mọi người đều thán phục về cách sống rất đạm bạc trong ăn uống, dung dị trong trang phục, và chân thành trong giao tiếp. Hình ảnh một tay giang hồ khét tiếng hầu như biến mất. Từ đó nhiều thanh niên trong vùng Gò Nổi lần hồi nhập môn Cao Đài.

Tiền bối Nguyễn Đán đã quay cuộc sống trở về chỗ *nhân chi sơ*. Tiền bối sớm thấm nhập nguồn tân giáo lý để cùng với tiền bối Chơn Khai và Tứ Linh Đồng Tử phụng hành sứ mạng phổ thông chơn đạo.

Thấy tình hình tín chúng tại Phú Bông mỗi ngày đông thêm, tiền bối Nguyễn Đán phát nguyện hiến sườn gỗ ngôi nhà của mình và tìm đất tạo dựng thánh thất để tín đồ có nơi lễ bái tu học.

Cùng làng này có bà Lê Thị Tịnh, thường gọi bà Xã Nho, một quả phụ tu theo Minh Sư. Bà là chỗ quen biết với tiền bối

Nguyễn Đán. Khi nghe tiền bối nhập môn Cao Đài bà rất bất ngờ. Nhưng rồi bà Xã Nho lại làm nhiều người khác bất ngờ hơn khi bà tiếp xúc đàm đạo với tiền bối Nguyễn Đán vài lần, bà đã quy hiệp Cao Đài và liền phát tâm hiến hai sào đất để lập thánh thất.

Đối với tiền bối Nguyễn Đán thì đây quả thật là *nhơn nguyện Thiên tòng*. Sẵn sườn nhà rồi, nay thêm có đất, tiền bối đến trình với các tiền bối Chơn Khai, Trần Công Ban tâm nguyện của mình và rất được hiệp ý.

Để tiến hành tâm nguyện trên, một đàn cơ thiết lập tại nhà cụ Trần Công Trác ở làng Bất Nhị cầu xin lệnh Thiêng Liêng vào đầu tháng 3 Bính Tý. Ôn Trên chấp thuận việc lập thánh thất tại Phú Bông.

Khi các môn sanh xin hiệu thất thì Thiêng Liêng hỏi ý kiến tiền bối Giáo Sư Trần Công Ban để chuyển Thánh hiệu Từ Quang vốn đã đặt cho nhà cụ Trần Công Trác, thân sinh tiền bối Trần Công Ban. Tiền bối Trần Công Ban rất hoan hỷ về việc chuyển hiệu thất này sang thất mới ở làng Phú Bông.

Việc xây dựng thánh thất Từ Quang là một nỗ lực lớn của tiền bối Nguyễn Đán. Tiền bối miệng lái vai phu, vừa vận động người, vừa đích thân xông xáo vào các việc nặng nhọc như gánh đất đắp nền, vác cây chuyên đá. Các tín đồ không chỉ ở tại Phú Bông mà cả vùng Gò Nổi đều dốc lực góp công góp của cho công trình để kịp khánh thành vào ngày rằm tháng 5 Bính Tý (1936).⁽³⁾

⁽³⁾ Thánh thất Từ Quang bằng sườn gỗ lợp tranh, khánh thành ngày rằm tháng 5 Bính Tý (1936). Năm 1937, bà Xã Nho hiến chùa Tam Giáo Minh Sư do bà tạo lập cho người anh là Đạo Sư Võ Xương Kinh (thầy Chín Phú Bông). Sau khi thầy Chín quy thiên, chùa ấy không người thừa kế, bà Xã Nho hiến lại cho thánh thất Từ Quang. Thế là dỡ chùa đưa về Từ Quang xây tường lợp ngói, khánh thành

Mọi việc tạo tác hoàn tất, chỉ còn vài hôm nữa làm lễ khánh thành. Bất ngờ ngày 13, thân mẫu tiền bối Nguyễn Đán từ trần. Thật là bối rối giữa việc đạo và việc hiếu. Cố gắng giữ bình tĩnh, tiền bối Nguyễn Đán quyết định phân tang lễ do phía gia đình lo, còn tổ chức khánh thành, bốn đạo vẫn xúc tiến.

Ở vùng Gò Nổi nhiều người có tài trang hoàng đình đám, bông chung lễ hội rất khéo tay. Tất cả đồ xô về Phú Bông chia nhau cùng lúc phục vụ hai đám. Do vậy lễ khánh thành thánh thất Từ Quang thành công tốt đẹp. Tiếp đến bà con đạo hữu cùng đưa tang thân mẫu tiền bối Nguyễn Đán theo nghi thức Cao Đài, thực sự trang trọng chưa từng có tại miền quê này.

Hai sự kiện, một hỷ sự, một hiếu sự, đã gây ảnh hưởng rộng rãi trong quần chúng, tạo tiếng vang rất tốt đẹp cho cơ phổ độ, không chỉ ở vùng Gò Nổi mà cả tỉnh Quảng Nam.

Sau lễ khánh thành thánh thất Từ Quang, con đường phổ độ như rộng mở. Nhiều thiện tâm ở Cẩm Lậu, Thi Lai, Hà Mật, Mỹ Xuyên, Nam Phước, nhất là tại Phú Bông, lần lượt nhập đạo khá nhiều. Lại có một số đạo tâm phát nguyện xuất gia lập công thường trực tại thánh thất như tiền bối Hồ Thanh Đạm, tiền bối Ngô Khuyến...

Giai đoạn này đoàn hương đạo tăng thêm hào khí, tiền bối Nguyễn Đán rất nhiệt tâm, năng nổ trên mọi đạo sự. Nhưng vì tiền bối còn trách nhiệm với gia đình nên phải thu xếp tạo một gian quán hàng chạp phở cạnh thánh thất để làm kế mưu sinh.

Trong cõi người luôn luôn có thuận có nghịch, có thị có

vào cuối năm 1938. Trong chiến tranh, thánh thất Từ Quang hư hỏng, năm 1992 được cất mới. Năm 1998 hình hiện được Nhị Đài rời tiến đến Tam Đài. Số tín đồ hiện có 232 người.

phi. Kết quả tạo lập ngôi thánh thất đang làm cho nhiều người phấn khởi, là niềm hân hoan cả thôn xóm. Bỗng dung trên báo *Tiến Đân* có đăng một bài đề cập đến tiền bối Nguyễn Đán. Nội dung bài báo viết rằng tay Hương Niên là một người bài bạc giang hồ, nay đến lúc thời cùng vận bĩ, chuột chạy cùng sào, trở về đội lột tôn giáo, lợi dụng lòng mê tín dị đoan, xúi giục xây chùa cất thất để trục lợi... Tiền bối Nguyễn Đán rất bức bối, dò tìm kẻ ác ý thì biết là con rể bà Xã Nho. Vì tức tối việc mẹ vợ hiến hai sào đất, nên ông ta thuê người đăng báo, gây mất lòng tin trong tín chúng.

Tiền bối Nguyễn Đán quyết đăng báo biện minh, nhưng hỏi ý kiến thì tiền bối Chơn Khai bàn không nên. Tiếp theo thêm một bài báo thứ hai rồi thứ ba, lời lẽ nặng nề hơn, lại có thêm phần bài bác tôn giáo, cho rằng Cao Đài là đồng bóng ma thuật.

Lần này tiền bối Nguyễn Đán thưa với tiền bối Chơn Khai rằng không cần đăng báo mà sẽ cho người ta một bài học đích đáng. Tiền bối Chơn Khai bảo tiền bối Nguyễn Đán:

- Anh là người võ nghệ cao cường, nay muốn đem ngón nghề ra cho kẻ võ mồm bài học đích đáng, gây hình sự, sẽ đến tai phủ huyện rồi thấu đến Nam triều, rất bất lợi cho việc phổ thông chơn đạo. Anh nên dùng thuật vô chiêu thắng hữu chiêu thì chuyện đăng báo sẽ chìm xuống.

Tiền bối Nguyễn Đán tuân theo ý ấy. Việc báo chí tạm yên thì một thử thách khác lại xảy đến. Đạo hữu Chương có xích mích với một người ngoại đạo muốn nhờ tiền bối Nguyễn Đán phân giải. Nghĩ rằng người trong nhà đạo nên nhịn người ngoài đạo là hơn, nên tiền bối Nguyễn Đán bèn rầy đạo hữu Chương.

Cảm thấy bị chèn ép nên đạo hữu Chương âm ức, tìm đủ cách gây sự. Tiền bối Nguyễn Đán vẫn bỏ qua. Do chỗ bắt

đồng sinh bắt kính, đạo hữu Chương tìm mọi cơ hội công kích tiền bối Nguyễn Đán.

Hôm đó, trong đám tang cụ bà Trùm Ván, thân mẫu điển ký Thân Đức Giang, chỉ vì một đụng chạm nhỏ, đạo hữu Chương đã thịnh nộ, quăng chuỗi châu lên người tiền bối Nguyễn Đán, làm đứt dây đồ xòa. Tiền bối Nguyễn Đán vẫn điềm tĩnh, lượm lại từng hạt châu và ôn tồn khuyên đạo hữu Chương việc đâu còn đó, về bên nhà sẽ bảo nhau, đừng gây sự ở đây làm thất lễ với giác linh người quá vãng, gây ảnh hưởng xấu với tang gia và mọi người.

Tiền bối Chơn Khai biết việc hiềm khích của đạo hữu Chương. Nhân có việc ghé thánh thất Từ Quang, tiền bối Chơn Khai gọi đạo hữu Chương đến cùng với tiền bối Nguyễn Đán để giải hòa.

Đạo hữu Chương cứ cho là mình phải lý, dùng lời lẽ khiếm nhã, không kiêng nể bề trên. Tiền bối Chơn Khai càng khuyên giải, đạo hữu Chương tỏ ra được nước, càng vô lễ, lớn lối.

Tiền bối Nguyễn Đán không còn cách nào hơn, bèn đứng dậy nói rất cương quyết:

- Thưa anh lớn, chú em này thật quá đáng. Đến như anh lớn mà chú không biết nể lời, lại còn tỏ ra phách lối. Em thật ra là một tay võ biền đã quy tùng chánh đạo, học hạnh nhà Phật, học đức nhà Tiên, học nghĩa lý nhà Thánh. Bấy lâu em đã nhịn nhục phân trần nhưng nay anh lớn để em hành xử theo cách của thần nhân, cho chú em này một bài học. Em xin phép lên bửu điện làm lễ Thầy trước và sau đó sẽ cho chú em này ném mùi thần lực.

Nói xong tiền bối Nguyễn Đán mặc áo, đội khăn, lên bửu điện thắp nhang, đánh chuông đánh lễ. Khi bước xuống, đạo hữu Chương đã rút êm và từ đó không còn hung hăng nữa.

BÓN

Nhận ngọc chỉ truyền đạo Trung Kỳ, Đoàn Sứ Giả non trẻ lên đường vào ngày rằm tháng 9 Giáp Tuất (1934). Chỉ trong vòng hơn tám tháng, thánh sở Cao Đài đầu tiên là thánh tịnh Thanh Quang được thành lập tại La Kham ngày mùng 1 tháng 6 Ất Hợi (1935) và gần một năm, thánh sở thứ hai là thánh thất Từ Quang tạo dựng tại Phú Bông, khánh thành ngày rằm tháng 5 Bính Tý (1936).

Diễn tiến của giai đoạn đầu tiên đưa Đạo về Trung thật đúng theo tinh thần Thiên nhân hiệp nhất, phù hợp với câu “*THANH, TỬ trở mặt QUANG, QUANG*” trong bài thánh giáo ban lệnh truyền Đạo Trung Kỳ đêm 23 rạng 24 tháng 8 Giáp Tuất (1934) tại thánh tịnh Đại Thanh ở Gò Vấp, Gia Định.⁽⁴⁾

Thánh tịnh Thanh Quang tiếp nối dòng đạo ở thánh tịnh Đại Thanh, một trong bảy mươi hai thánh tịnh của Tiên Thiên. Điều này nói lên ý nghĩa đạo pháp bắt nguồn từ trong cái tịnh của Tiên Thiên mang tính tâm truyền để rồi chuyển sang thánh thất Từ Quang mang tính công truyền mở cơ phổ độ. Hai giáo sở này lại liên hệ bởi hai nhân vật. Một từ trong cửa đạo có pháp danh là *Chơn Khai*; một từ ngoài trường đời gió bụi trở về, có pháp danh là *Như Sơ*.

Chơn Khai là mở ra cái chân thật từ cửa Đạo, còn Như Sơ lấy ý từ câu *Tu hành như sơ thành Phật hữu dư*. Như sơ là như buổi ban đầu. Sống với trần thế, bị vật dục dẫn đưa, nếu biết quay lại buổi đầu thì bờ giác ở đó, đúng như câu *Nhất niệm hồi cơ tâm đồng Thượng Đế*.

⁽⁴⁾ Xem Phạm Văn Liêm, *On Gọi Miền Trung*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2011, tr. 67. (Quyển 23 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài.)

Nghiệm lại từ thời mở Đạo tại miền Nam, có hai vị tiền bối được chọn vào phẩm Đầu Sư cầm quyền hành pháp. Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, một đạo sĩ từ trong cửa đạo Minh Đường. Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, một Thượng Nghị Viên có Bắc Đẩu Bội Tinh từ ngoài trường đời gió bụi. Hai giáo phẩm cầm quyền hành pháp, một Nhựt một Nguyệt, một dương một âm, một động một tịnh, một từ trong cửa Đạo và một từ ngoài trường đời. Phải chăng đây là ý chỉ lập cơ giáo hóa của Thượng Đế?

NAM TRUNG HÒA THẤT

MỘT

Đoàn Sứ Giả Phổ Thông Chơn Đạo ra Trung Kỳ gồm có chín vị: Trần Công Ban, Nguyễn Chơn Khai, Nguyễn Như Sơ, Thân Đức Giang, Thanh Long, Bạch Phụng, Kim Qui, Xích Lân, Trần Quang Châu (Bạch Hồ), và thêm một đạo hữu tháp tùng là Thanh Chuyên. Các vị thường đồng phục áo dài đen, đội mũ trắng, đi giày trắng, vai mang cặp da đựng kính sách và một đại ngọc cơ, bọc trong túi vải trông như một cây đàn. Các điểm đến của Đoàn là nhà ông Xã Xước, thánh tịnh Thanh Quang, thánh thất Từ Quang, rồi có thêm nhà ông Đỗ Chấp Trung (Cửu Xoa).

Ông Đỗ Chấp Trung ở làng Ô Gia, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Họ Đỗ nổi tiếng bởi cụ Đỗ Đăng Tuyển (thường gọi cụ Tú Ô Gia) là một nhà ái quốc được cụ Sào Nam trông cậy. Ông Đỗ Chấp Trung là tín đồ Minh Sư quy hiệp Cao Đài. Theo mật nguyện của ông, Đức Giáo Tông chấp thuận chọn nhà ông làm thêm một nơi khai đàn phổ độ. Vì thế hàng tháng Đoàn Sứ Giả đến lập đàn tại nhà ông một kỳ.

Kỳ đàn phổ độ lần đó khá nhiều người tham dự. Trong số người tham dự có ông Lê Kỳ đưa gia đình đến nghe Thần Tiên giảng đạo. Vốn sẵn có cảm tình với đạo Cao Đài qua người anh vợ tu ở Tòa Thánh Tây Ninh, kỳ đàn này ông Kỳ còn được Ôn Trên gọi tên khuyên tu nên cả gia đình ông rất tín mộ, phát nguyện ăn chay nhập đạo.

Ông Lê Kỳ có người chú ruột là cụ Lê Trí Hiễn, một hưu quan. Biết chú mình rất thích cơ bút, vì lúc còn đương chức ở triều đình Huế cụ Lê Trí Hiễn hay tham gia hầu đàn câu Tiên. Ông Lê Kỳ chép các bài thánh giáo cùng với quyển *Huấn Nữ Từ Âm* đem cho cụ Lê Trí Hiễn đọc. Mấy hôm sau, cụ Lê Trí Hiễn báo cho ông Lê Kỳ là muốn mời Đoàn Sứ Giả đến lập một kỳ đàn tại tư thất của cụ.

Cụ Lê Trí Hiễn thường gọi là Hường Hiễn, tuổi Kỷ Mão (1879), con trai thứ Chánh Tổng Lê Giáng, quê làng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm hai mươi lăm tuổi đỗ Cử Nhân khoa Quý Mão (1903), về sau được vào ngạch quan trường. Chức phẩm đầu tiên là Hành Tẩu Bộ Lễ (triều đình Huế). Mấy năm sau cụ được bổ Tri Huyện, rồi Tri Phủ Hoảng Hóa, Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cụ Hường Hiễn bản chất thông minh, cần cù, xử thế, trị thế rất xuất sắc. Cụ có óc canh tân, muốn cải lương hương chánh, nghĩa là cải tạo đời sống thôn xã, xây dựng phủ huyện kiểu mẫu tại Quảng Hóa, Hoảng Hóa. Cụ chủ trương mở rộng hương lộ, trồng cây hai bên đường. Dọc hương lộ cứ cách một quãng cho đào một hầm chứa rác làm phân, cấm dân phóng uế bừa bãi, tổ chức nông trại kiểu mẫu, khuyến khích dân khẩn hoang, mở mang nghề trồng mía làm đường, trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa...

Cụ về quê Quảng Nam đưa cả thợ làm xe ép mía, thợ nấu đường, thợ ươm tơ dệt lụa và dụng cụ máy móc ra Thanh Hóa giúp cho tỉnh này phát triển. Ngoài ra trong thôn làng có đặt lệ phạt vạ những trường hợp gây mất trật tự, đánh lộn chửi lộn... Tiền phạt vạ bỏ vào quỹ xã hội.

Nhờ công cuộc mở mang này cụ Hường Hiễn được thăng chức Án Sát. Nhưng cụ xin ở lại Tri Phủ Quảng Hóa để tiếp tục trông nom chương trình còn dở dang. Giai đoạn ở Thanh

Hóa cụ Hường Hiền hay tham dự các đàn Tiên ở Phố Cát, Đền Sòng. Về sau thăng chức hàm Quang Lộc Tự Khanh, làm việc ở triều đình Huế, cụ thường đến hầu đàn giáng bút ở đền thờ Đức Thánh Trần. Càng cao tuổi sắp về hưu, cụ càng đi dự đàn cầu Tiên nhiều hơn và rất khâm phục lời giáng bút của vô hình.

Cụ Hường Hiền có biệt tài viết chữ Nho rất đẹp, có thể viết cả bằng chân. Ở Quảng Nam, phủ Thăng Bình thời trước, danh tiếng viết chữ đẹp nhất là Thượng Thư Hà Đình. Nhưng Hà Thượng Thư chỉ giỏi ở một thể cốt tịt, còn cụ Hường Hiền giỏi cả thể chữ cứng, chữ mềm, chữ xương, chữ thịt, chữ thảo, chữ thiệt.

Khi đạo hữu Lê Kỳ bày tỏ ý muốn của cụ Hường Hiền về việc xin lập đàn tại nhà riêng, Đoàn Sứ Giả Phổ Thông Chơn Đạo rất mừng, vì đây là mong ước của tập thể. Cụ Hường Hiền là một hưu quan được tôn quý; cụ bà lại người hiền thực, đức hạnh. Nếu được gia đình này nhập đạo thì công cuộc phổ độ sẽ có thêm bề thế. Đoàn sẽ có thêm bậc lỗi lạc chung tay gánh vác việc nhân sinh.

Tuy nhiên việc lập kỳ đàn tại nhà một hưu quan phải cân nhắc đắn đo, nhất là cần xin Thánh ý. Cho nên một đàn cơ được thiết lập để xin lệnh Thiên Liêng. Ông Trên chấp thuận nhưng buộc gia đình phải trai giới tinh nghiêm trước một tuần. Tuy có phần khó khăn đối với cụ Hường Hiền nhưng nhờ nhiệt tâm của cụ bà và tinh thần hào hứng thúc đẩy của chị trưởng nữ (Cửu Diễm) nên tất cả đều tốt đẹp.

HAI

Buổi chiều xuân Ất Hợi (1935), khí trời mát mẻ, Đoàn Sứ Giả Phổ Thông Chơn Đạo sửa soạn thật chu đáo, từ phục sức đến hành trang, chuẩn bị cho một kỳ đàn quan trọng tại nhà

hưu quan Lê Trí Hiển.

Anh em trong đoàn dặn chừng nhau cẩn thận, đừng sơ suất để bảo trọng đạo hạnh của đoàn. Khi vào cổng, anh em rất e dè, cẩn thận, nhưng được cụ bà ra đón rước niềm nở. Cụ bà vồn vã bằng những cử chỉ vừa thân thiện vừa kính trọng, không hề biểu lộ chút gì quan quyền. Anh em vào phòng khách thấy thoải mái như đến một nhà đạo hữu đã chung hội chung thuyền.

Cụ bà gọi người pha trà mời khách và nói:

- Quan tôi bầm chất yếu, lại chuẩn bị đêm nay thức để hầu đàn, nên giấc trưa này quan tôi dậy trễ hơn mọi ngày.

Tiền bối Chơn Khai thưa:

- Dạ bầm không sao. Cứ để yên cho cụ nghỉ. Chúng tôi còn nhiều việc sửa soạn.

Anh em uống trà xong, xin phép xem xét bố trí nơi lập đàn, cho người sắp đặt lễ phẩm, hương hoa, trà quả. Bộ phận phò loan thì sắp xếp vị trí theo sự chỉ dẫn của Giáo Sư Trần Công Ban.

Trong lúc thông thả, anh em có dịp quan sát nhà cụ Hường Hiền. Tuy không giàu mà sang, không phú mà quý. Ngoài một số tủ chè sập gụ, trường kỷ chạm trổ, cảnh xà cừ theo kiểu Bắc, kiêu Tàu, còn nhiều hoành phi, liễn đối nét chữ tuyệt đẹp và một số tranh cổ.

Sau giấc ngủ trưa dài, cụ Hường Hiền khấn áo chỉnh tề ra tiếp Đoàn Sứ Giả. Hai bên chủ khách đàm đạo ân cần vui vẻ.

Cụ Hường Hiền hỏi nhiều về cơ Đạo tại miền Nam. Tiền bối Giáo Sư Trần Công Ban trình bày những nét đại cương về sự hình thành và phát triển đạo Cao Đài ở Tây Ninh và Tam Giang. Đặc biệt đề cập những nhân vật đến với nền tân pháp là các điền chủ, nghiệp chủ, đốc phủ sứ, công chức, tư chức,

các nhà trí thức... Tiền bối Trần Công Ban nêu ra một vài người tên tuổi như Thượng Nghị Viên Lê Văn Trung, nhà trí thức Tây học Nguyễn Phan Long, Đốc Phủ Nguyễn Văn Ca, Đốc Phủ Lê Bá Trang... dụng ý để khuyến khích cụ Hường Hiền. Cụ Hường Hiền tỏ ra rất hài lòng như đã hợp căn duyên với nền Đạo mới, mong sẽ có ngày sánh vai cùng các bậc lỗi lạc miền Nam.

Sau buổi trò chuyện, Đoàn Sứ Giả cùng dùng cơm tối với gia đình cụ Hường Hiền.

Trước khi lập đàn, tất cả anh em vào tịnh dưỡng một tiếng đồng hồ, rồi sắp đặt mọi nghi thức cầu đàn. Cụ Hường Hiền rất thành kính trong trang phục triều đình: áo rộng xanh, trước ngực có thêu kim tuyến. Cụ đến ngồi trước sập gụ chân quỳ, tựa vào gối xếp bốn tầng, viết một lá sớ chữ Hán. Viết xong cụ cho vào phong bì, đến trước vị trí lập đàn mật khẩn rồi tự đốt sớ.

Giáng đàn hôm ấy, trước tiên là Đức Quan Thánh dạy về vận hội mới của nhà Đạo. Tiếp theo có Đức Cao Đài lâm đàn dạy riêng cụ Hường Hiền.

Đức Cao Đài cho biết cụ Lê Trí Hiền là người có nguyên căn, đến thế gian để làm chứng cho một sứ mạng mới. Trong cuộc sống đời đã đeo đuổi theo danh cao vị trọng, nếm mùi nhục vinh thua được; nay đến lúc lập thân hành đạo giúp đời, hãy xả thân nhận lãnh sứ mạng. Thượng Đế sẽ dành cho nhà này nhiều ân phước.

Tiếp theo phần tán vãn, Đức Thượng Đế cho một bài thơ trường thiên dạy cả gia đình và nhắc lại quá trình cuộc đời cụ Hường Hiền. Chỉ riêng cụ mới thấu hiểu những lời dạy đó nên cụ vô cùng khâm phục.

Sau đàn cơ tuy cụ chưa quyết định nhập môn, nhưng cả gia

đình giữ giới ăn chay. Đoàn Sứ Giả cứ mỗi tháng đến lập đàn cơ tại nhà cụ một lần, để tạo điều kiện cho nhiều người muốn tìm hiểu nguồn tâm linh điển quang. Vì là nhà một hưu quan ít ai dòm ngó, các giới chức làng tổng cũng chẳng theo dõi nên khá thuận tiện.

Gần một năm đặt tâm vào cơ bút để tìm hiểu, học hỏi xây dựng đức tin vững chắc, vào ngày 18 tháng Giêng Bính Tý (10-02-1936), cụ Lê Trí Hiền và cả gia đình phát đại nguyện nhập môn. Gồm có cụ ông Lê Trí Hiền, cụ bà Lê Thị Khái, người con gái đầu Lê Thị Cả, các người em Lê Trí Phú (Cửu Tào), Lê Phổ (Phó Thám), các cháu Lê Thị Nờ (tức Cử Nhiếp, bút hiệu là Oanh), Lê Thị Tam (tức Âm Tôn, bút hiệu là Ngọc Liên).

Gia đình cụ Hường Hiền nhập môn, gây ảnh hưởng rất thuận lợi cho công cuộc truyền giáo phổ độ. Nhiều thân hào, nhân sĩ, cựu viên chức hương lý, huyện tổng cũng như gia đình khá giả trong vùng, kể cả người đã tu Minh Sư, trước đây tuy có thiện cảm với Cao Đài nhưng còn e ngại, nay thấy cụ Hường Hiền nhập môn nên đã mạnh dạn vào Đạo. Đó là các trường hợp như Huỳnh Châu (Hương Hân, thánh danh Như Thi), Hà Tư (Xã Ngại), Nguyễn Đình Lý (Giáo Mại), Nguyễn Ngọc Hành, Đội Hòa (quản trị các quan võ về hưu), và nhiều người khác nữa, đã lần lượt đến nhập môn tại nhà cụ Hường Hiền.

BA

Sau khi cụ Hường Hiền nhập môn và sớm trở thành nhân tố quan trọng của tập thể tâm linh Cao Đài, bấy giờ tập thể này không còn gọi là Đoàn Sứ Giả mà thường gọi là Đoàn Hường Đạo Truyền Giáo.

Theo ý cụ Hường Hiền, nên sớm tìm cơ hội đem Đạo vào

đời. Anh em cùng nhau toan tính vạch định chương trình, kế hoạch, thời gian hành đạo.

Tháng 3 Bính Tý (1936), cụ Hường Hiền quyết định đi thượng nguồn, mục đích thăm viếng các bạn đồng liêu cũ để giới thiệu về đạo Cao Đài. Cụ Hường Hiền thăm cụ Nguyễn Đình Hiến, một cụ Tổng Đốc hàm Thượng Thư.

Được đạo hữu Hương Hân thông báo, nhiều thân hào nhân sĩ đã từng nghe tiếng tăm cụ Hường Hiền, nay biết cụ là hướng đạo Cao Đài nên đến thăm, đồng thời tìm hiểu về nền Đạo mới.

Theo kế hoạch, chương trình đã tính, cứ có buổi gặp gỡ đông đảo thì các tiên bối Nguyễn Chơn Khai, Trần Công Ban, Nguyễn Như Sơ thuyết đạo, đọc và bình thánh giáo. Phần giải đáp thắc mắc do cụ Hường Hiền đảm trách.

Chuyến hành đạo lần này khá tốt đẹp, nhiều thiện tâm nhập đạo. Cụ Hường Hiền cảm thấy hăng hái vô cùng, nên nhiều chuyến đi được tiếp tục tổ chức, đến Đại Bình, Trung Lộc, lên Dù Chiên, Tý, Sế, Phú Gia.

Suốt mấy tháng cuối năm ấy đã độ được ông Võ Kỳ (Giáo Thơ, một nhà Nho uyên bác, một đông y sĩ danh tiếng), ông Nguyễn Kha (thánh danh Như Liên), ông Hương Dung, ông Phó Cang, ông Chánh Hoanh, ông Phó Thông, ông Giám Minh. Những người trẻ hơn thì có Giáo Hoài, Giáo Kháng... Đặc biệt có hai thành viên được thâm nhận vào Đoàn Hướng Đạo là tiên bối Lê Thành Tiến và tiên bối Trần Quốc Luyện.

Tiên bối Lê Thành Tiến là con cụ Cửu Khải (Lê Như Hùng). Cả gia đình cụ phát tâm nhập môn từ rằm tháng Giêng. Tiên bối Lê Thành Tiến là một tâm hồn say sưa thi phú, sách báo, lại có giọng đọc kinh và diễn ngâm thánh giáo rất hay. Gia đình đã sắp xếp cho tiên bối theo Đoàn Hướng

Đạo. Nhà cụ Cửu Khải cũng trở thành trạm dừng chân đưa đón cho những lần xuôi ngược của các bậc hướng đạo.

Tiên bối Trần Quốc Luyện nhập môn vào Đạo là cả một quyết tâm kiên chí. Khi đạt được ý nguyện, bằng nhiệt lực tuổi thanh niên, tiên bối xin vào Đoàn Hướng Đạo. Để tỏ ra dứt bỏ thế tục, tiên bối cạo đầu, mặc áo nhật bình, tay cầm chuỗi hạt, mang cặp táp sánh vai cùng tiên bối Nguyễn Chơn Khai rảo khắp các làng, các chợ Bảo An, Xuân Đài, Phú Bông.

Những nơi này thuộc kẻ chợ, nam nữ thanh niên rất tân tiến, đua đòi thời trang, hấp thu phong trào văn minh phố thị. Tiên bối Nguyễn Chơn Khai và tiên bối Trần Quốc Luyện cũng là hàng trí thức đương thời, nên đủ lịch lãm gây tạo sự kính mến cho giới thanh niên, thu phục được cảm tình đối với Cao Đài.

Có thể nói tiên bối Trần Quốc Luyện là hiện thân của giới trẻ, có ý hướng rất mạnh, rất dứt khoát trên đường tâm linh.

Tiên bối Trần Quốc Luyện tuổi Canh Thân (1920), con trai độc nhất của cụ Trần Hữu Lang (Câu Lang), là cháu gọi chí sĩ Trần Công Chương bằng chú, ở làng Tư Phú, tỉnh Quảng Nam.

Cụ Câu Lang là viên chức làm việc ở Phù Cát, Bình Định, nên tiên bối Trần Quốc Luyện theo học trường Qui Nhơn đến hết ban Thành Chung. Khi sắp thi tốt nghiệp thì cụ Câu Lang qua đời, gia đình phải dọn về Quảng Nam. Tiên bối Trần Quốc Luyện buộc phải thôi học. Tuy tuổi mới mười bảy nhưng trước bước ngoặt của gia đình làm rung chuyển cả tâm tư, thay đổi cả hướng đời, nên tiên bối đã để tâm vào ý nghĩa kiếp nhân sinh.

Nghe tin tại vùng Gò Nổi có một nguồn tâm linh cơ bút

điền quang đang rất được nhiều tầng lớp sùng mộ, tiền bối biết Trần Quang Châu (Bạch Hổ), người bà con trong tộc, là thành phần của bộ phận cơ bút điền quang này, nên nhờ tiền cử đề tham gia tìm hiểu.

Sau khi tiếp xúc Đoàn Hương Đạo cũng như bộ phận phò loan, tiền bối Trần Quốc Luyện háo hức như được khơi đúng mạch tín tâm, bắt gặp sự vẫy gọi thích nghi cho vùng rỗi mù của tâm trí. Tiền bối Trần Quốc Luyện quyết định về xin mẹ nhập môn Cao Đài, theo chân Đoàn Hương Đạo.

Tiền bối Trần Quốc Luyện là con một, lại trưởng tộc, thêm vào đó cụ bà đã chọn nơi dặm hỏi vợ, chuẩn bị khi mãn tang chồng sẽ tính bề đôi lứa cho tiền bối để có người nối dõi tông đường. Do vậy, mặc dù có tiền bối Nguyễn Chơn Khai, người được cụ bà nể trọng đến can thiệp, nhưng cụ bà nhất quyết không chấp thuận. Chẳng thể làm gì khác hơn, tiền bối xin mẹ ăn chay, cụ bà cũng không cho. Đến bữa tiền bối tự ý ăn cơm với muối. Cụ bà trộn thức ăn vào cơm, tiền bối lại nhin ăn, hoặc chỉ ăn mít luộc.

Vì bốn phận với tộc họ, với tông đường và cũng vì lòng thương con, cụ bà Cừu Lang tỏ ra cương quyết, nhưng thấy con còn cương quyết hơn, nên cụ bà đành thuận tâm theo ý nguyện của con.

Khi tiền bối Trần Quốc Luyện chung tay với Đoàn Hương Đạo đã thêm sức cho tiến trình phổ độ, gây nhiệt hứng cho các thành viên trẻ tuổi. Vì tiền bối mới mười bảy tuổi nhưng đường học vấn thì trội hơn cả trong Đoàn. Tiền bối có bản chất thông minh, tính tình trầm tĩnh, ý chí kiên nhẫn, luôn luôn phục thiện. Đặc biệt khi đọc sách hay viết bài, dù ngoại cảnh có biến động đến mấy cũng không chi phối tâm ý.

Cụ Hường Hiền rất thích nhân cách của tiền bối Trần Quốc Luyện. Cụ nhận chân ở con người Tây học này có sức sống

đạo, học đạo và hành đạo rất độc đáo, dựa theo giáo lý mà không hoàn toàn phụ thuộc vào giáo điều.

Có lần anh em ngồi lại, vui trong câu chuyện tâm tình, tiền bối Trần Quốc Luyện nói:

- Tôn giáo người ta đã trải mấy ngàn năm, những nhà truyền giáo là đạo sư, thiên sư, đạo sĩ, giáo sĩ tu học thâm hậu, còn tiêu đệ mới nhập đạo mà cũng được tháp tùng với anh lớn đi truyền đạo, quả thật “*muốn là được*”.⁽¹⁾

Cụ Hường Hiền vỗ vai cười khích lệ:

- “*Nam nhi tự hữu xung thiên chí. Hưu hướng Như Lai hành xứ hành.*”⁽²⁾ Phật Giáo mấy ngàn năm cũng chỉ là khai ngộ tri kiến, còn việc ngộ có khi nhiều kiếp, có khi chỉ nhất thời.

BÓN

Cơ đạo miền Trung đến giai đoạn phát triển mạnh. Về nhân sự, tương đối kết hợp được thành phần tâm nguyện, tạo nên năng lực chung trong tinh thần Thiên nhân hợp nhất. Về phía chính quyền, dường như có ý lơ cho, vì người theo Đạo phần đông là các nhân vật có chức phận cũ, được dân kính phục tín mộ. Về phần trợ đạo, được các thiện tâm công quả bằng nhiều cách: hoặc tiền bạc phẩm vật, hoặc hiến nhà hiến đất. Cụ Hường Hiền cũng phát nguyện hiến ngôi tư thất làm nơi lễ bái tín ngưỡng chung.

Mùa hè Bính Tý (1936), trong đàn cơ tại nhà cụ Hường Hiền, Đức Hưng Đạo Vương giáng bút minh định chánh pháp

⁽¹⁾ Nói theo ngôn ngữ Pháp “*Vouloir c'est pouvoir.*”

⁽²⁾ Thơ Thiên Sư Quảng Nghiêm (1122-1190) đời Lý:
*Làm trai tự có chí xung trời
Thôi dìm lại chẳng cần theo dấu Phật.*

trung hưng của nền tân giáo Cao Đài là sứ mạng trọng đại. Sứ mạng ấy đại ý là trung vạn pháp, hưng vạn giáo, hòa vạn chủng, thân vạn loại. Phát huy tư tưởng dung thông, hòa đồng, tổng hợp. Xây dựng một xã hội cộng đồng nhân loại trước Thượng Đế và con người. Mục đích giải thoát con người toàn diện, đem lại chân thiện mỹ, bình đẳng, tự do, hạnh phúc cho nhân quần.

Đức Thánh Trần dạy:

- ... Tại miền Nam cơ Đạo gặp tình trạng phái chi chia rẽ, làm cho ý nghĩa đó bị lu mờ. Thánh ý mới chuyển ra Trung, đặt cứ điểm trung tâm nước Việt, cũng là một miền đất Phật, Lão, Không với tư tưởng Tam Giáo đồng nguyên đã ăn sâu gốc rễ, để xiển dương sứ mạng cao trọng ấy... Đó là nhiệm vụ thiêng liêng cao cả mà các hiền đệ vinh dự được phụng hành và Bản Thánh hết lòng phò trợ.

Ngài hỏi:

- Để thi hành sứ mạng cao cả ấy, thời gian tới các hiền đệ chuẩn bị xây dựng Trung Hưng Thánh Tòa để tiếp với miền Nam đót đuốc trung hưng, chuẩn bị truyền bá ra phương Bắc... Các hiền đệ nghĩ sao?

Tiền bối Lê Trí Hiền bạch:

- Sứ mạng quá trọng đại, chúng đệ tử chỉ biết có nhứt tâm thi hành không dám có ý kiến. Chỉ e danh xưng Trung Hưng Thánh Tòa lầm lẫn với Trung Hưng Hội, tổ chức cách mạng của Trung Hoa, nhà nước có làm khó khăn không?

Đức Trần Hưng Đạo trả lời:

- Chưa dám Hưng Hưng thì Hưng Trung, có sao đâu?

Đức Trần cho biết sẽ có sự chuyển hóa tạo mối liên kết với các chi phái miền Nam qua việc đặt liên giao với Liên Hòa Tổng Hội.

Liên Hòa Tổng Hội thành lập năm 1936 do tiền bối Nguyễn Phan Long làm Tổng Trưởng, tiền bối Trần Văn Quế làm Thư Ký. Tổng Hội có mục đích kêu gọi các chi phái Cao Đài hòa hợp nhau để hoằng dương chánh pháp. Theo lệnh Ôn Trên, Liên Hòa Tổng Hội tổ chức mười hai Hội Long Vân.

Đền Hội Long Vân thứ ba tại Trước Tiết Tàng Thơ ở miền Nam, Ôn Trên ban bửu kinh *Đại Thừa Chơn Giáo*. Đồng thời tại miền Trung, Ôn Trên dạy ngày 25 tháng 11 Bính Tý đón đồng tử Liên Hương (Bảo Pháp Trần Thánh Thơi) ra Trung gặp tiền bối Lê Trí Hiền chuyển giao Thánh lệnh.

Đồng tử Liên Hương đáp chuyến tàu lửa ra Trung, khi đến ga Kỳ Lam được các tiền bối Trần Công Ban, Nguyễn Quang Châu, Trần Quang Châu, Nguyễn Thanh Chuyên và đồng tử Thanh Long đón về tư thất tiền bối Lê Trí Hiền.

Đoàn Hướng Đạo hôm đó có mặt đầy đủ, thiết lễ nghinh đón Thánh lệnh. Tiền bối Lê Trí Hiền tiếp phong bì từ tay đồng tử Liên Hương chuyển cho tiền bối Nguyễn Chơn Khai tuyên đọc.

Nội dung Thánh lệnh nhấn mạnh về cơ đạo Trung Kỳ, đã đến lúc Nam Trung cần hợp sức để cơ phổ độ phát triển rộng rãi thêm, cho khỏi trễ mất cơ hội. Cũng trong Thánh lệnh này Thiêng Liêng ban hiệu cho tư thất tiền bối Lê Trí Hiền là Nam Trung Hòa thất để tiêu biểu cho tinh thần Nam Trung hòa hợp. Thất này sẽ là nơi giao tiếp giữa hướng đạo các chi phái miền Nam và hướng đạo Trung Kỳ.

Trong phần cuối Thánh lệnh, Thiêng Liêng phủ dụ tiền bối Lê Trí Hiền hãy xả thân vì tiền đồ của cơ phổ độ, vì đạo nghiệp chung. Tiền bối Lê Trí Hiền rất cảm động, biểu lộ sự vui mừng tuân mệnh Thiêng Liêng.

NẶNG PHẦN TRÁCH NHIỆM

MỘT

Tiền bối Thanh Long tên quai nôi là Lương Tam Sách, tên khai sinh là Lương Hữu Thành. Tiền bối là con cụ Lương Cao Đệ, một nhà Nho, nhà đông y có tiếng ở làng Bảo An, vùng Gò Nổi, Quảng Nam. Cụ Lương Cao Đệ là học trò trường làng của cụ Phó Bảng Hồ Trung Lượng. Sau đến học với Cử nhân Lê Tự Cung tức Huấn Đạo làng Nông Sơn là thân sinh Sở Cường Lê Dư. Về sau nữa học với tiến sĩ Trần Quý Cáp. Cụ không có duyên khoa bảng, năm mười tám tuổi ra kinh (Thuận Hóa) thi không đậu. Hoàn cảnh nhà nghèo, cụ Lương Cao Đệ đành thôi đeo đuổi thi cử, lo tìm kế sinh nhai theo kiểu tiến vi quan, thối vi sư, bằng cách dạy học và hành nghề đông y. Năm Mậu Ngọ (1918) tại Quảng Nam đói khủng khiếp, người dân phải ăn đến lá cây để sống. Cụ Lương Cao Đệ tìm cách mở sinh kế vào đến tận Bến Tre, hành nghề thuốc và mở trường dạy chữ Hán.

Tiền bối Thanh Long chào đời năm Mậu Ngọ (23-3-1918). Lớn lên trong hoàn cảnh thiếu thốn điều kiện kinh tế, nên tiền bối Thanh Long chỉ học đến yếu lược trường làng, rồi chuyển sang học chữ Hán và nghề đông y với thân phụ. Tiền bối Thanh Long rất sáng dạ, học mau hiểu, chóng thuộc, nhớ dai. Buổi sáng học bài, buổi chiều nghe sách và làm bài. Tiền bối chỉ lo học, ít tham gia vào các cuộc chơi của tuổi trẻ. Năm lên chín tiền bối bắt đầu được thân phụ cho theo chân đi đây đi đó. Mỗi khi ra khỏi nhà đều mặc quốc phục chính tề. Nhờ đi

nhiều, nghe nhiều, thấy nhiều, gặp gỡ nhiều nên tiền bối Thanh Long sớm dần dĩ ăn nói, lịch lãm giao tiếp. Năm mười ba tuổi tiền bối được thân phụ cho vào Bến Tre, mục đích vừa để biết xứ người, vừa giúp việc tiệm thuốc bắc tại chợ Cái Núa. Kể từ năm mở đường kinh tế vào Bến Tre, cụ Lương Cao Đệ xoay sở khỏi cảnh túng quẫn của gia đình. Hằng năm cứ tháng Giêng vào Bến Tre, đến tháng 11 lại về quê. Qua mấy năm, kinh tế gia đình trở nên khá hưng thịnh. Nhà mua thêm ruộng, mở mang việc trồng dâu nuôi tằm.

Tiền bối Thanh Long không được tiếp tục theo đường học vấn quốc ngữ ở nhà trường, nhưng thân sinh luôn chăm chút cho tiền bối về Hán học và nghề đông y. Cụ Lương Cao Đệ thường khuyên con phải cố gắng trau dồi y nghiệp, vì đó là nghề truyền thống của dòng họ Lương. Nghề này là nghề lương thiện, nghề tự do, dù ở đâu, lãnh vực nào cũng cần thiết. Nhờ vậy tiền bối Thanh Long tương đối có vốn Hán văn khá và nghề làm thuốc cũng gắn vào hạng danh y ở tuổi còn rất trẻ.

Năm 1932, cụ Lương Cao Đệ lâm trọng bệnh rồi qua đời. Tiền bối Thanh Long mới vào tuổi 15 đang tràn đầy hy vọng, nuôi nhiều mộng ước tương lai, phải đành thúc thủ trước cảnh gia biến. Trong thời gian cư tang, tiền bối ngày ngày đến chăm sóc linh sàng phụ thân mà lòng đầy bi thống. Nhớ lại những lời cha giảng dạy lúc sinh tiền. Nào những bài thơ xưa, những câu văn sách, những y thuật, y đức, những tấm gương của các nhà chí sĩ Quảng Nam, những cách xử thế tiếp vật. Nung nấu lòng yêu nước, yêu đồng bào, giữ gìn đạo hiếu. Lúc nằm trên giường bệnh, người đã tâm sự như những lời trăng trối:

- Đòi thầy bất hạnh, hữu chí vô tài, không làm gì đáng kể. Thầy hy vọng tương lai ở con, nhưng thầy e ngại, đời con gặp

nhiều cảnh khó khăn. Cái khó khăn đánh Tây, chiến tranh ly loạn đã đành, cái khó khăn của chủ nghĩa, học thuyết tranh chấp mới phiền phức. Thầy nghĩ các con không nên dấn thân vào con đường ấy. Nếu muốn tham gia vào một sinh hoạt mới thì nên theo đạo Cao Đài. Vì đạo này xuất phát từ trong nước ta, tư tưởng không ngoài Tam Giáo và tín ngưỡng truyền thống của ông bà ta từ ngàn xưa. Mấy năm ở Bến Tre, thầy được biết về đạo này khá nhiều. Các người quen thân ở trong đó khuyên thầy nhập đạo Cao Đài, thầy còn suy nghĩ. Thầy muốn sau này thầy qua đời rồi, việc tưởng niệm ông bà nên đơn giản đạm bạc, cúng chay càng tốt, cốt ở lòng thành...

Đang ở tuổi mới lớn, tuổi của đua bơi, khơi mở, nhưng gặp buổi gia biến đã làm nhạt nhòa tất cả viễn ảnh tương lai. Những sáng tươi của cuộc đời trước mắt đều sẫm lại. Cái biên giới của tử sinh, cái ý nghĩa của kiếp người, cứ vụn vẹo trong tâm tư tiền bối, gây nên bất ổn, phiền muộn rồi trở nên xót xa trống vắng. Tiền bối Thanh Long nghĩ đến câu nhắn nhủ của phụ thân: “Nếu muốn tham gia vào một sinh hoạt mới thì nên theo đạo Cao Đài, vì đạo này xuất phát từ trong nước ta, tư tưởng không ngoài Tam Giáo và tín ngưỡng truyền thống của ông bà ta.”

Tiền bối Thanh Long đã để tâm đến đạo Cao Đài, lại có nhân duyên, người chị cả Hương Bồn (dâu bà Mục Cưu) mỗi lần về thăm nhà, thường mang những bài thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài do gia đình bên chồng nhận từ miền Nam cho tiền bối đọc. Từ đó cuộc sống khép kín của người thiếu niên đang đau buồn được giải tỏa bớt.

Tiền bối Thanh Long thường đến vậy đoàn với nhóm con bà Mục Cưu và con ông Xã Xước ở Bất Nhị. Giai đoạn này nhà bà Mục Cưu và ông Xã Xước đã tin theo đạo Cao Đài do ông Thủ Toàn và người con đầu của bà Mục Cưu (anh rể tiền

bối Thanh Long) tiếp thụ từ miền Nam. Tiền bối Thanh Long thâm nhập thánh ngôn thánh giáo nên đã nhập môn tại Thiên bàn nhà bà Mục Cưu vào ngày mùng 9 tháng Giêng Quý Dậu (03-02-1933).

Nhập môn xong, việc trước tiên, tiền bối xin thiết lễ cầu siêu cho thân phụ và cầu thọ cho thân mẫu. Vì buổi đầu các nghi thức cầu siêu, cầu thọ chưa rành rẽ. Bấy giờ có ông Xã Ba ở làng Dinh Trộn Đông, tu theo Tam Giáo Minh Sư, đệ tử Thái Lão Trần Đạo Quang. Ông đã lãnh Thiên Ân lần thứ hai nên pháp hiệu có chữ Xương, gọi là Khúc Xương Viên. Từ khi Đức Thái Lão quy hiệp Cao Đài, ông Khúc Xương Viên rất thân thiện với gia đình bà Mục Cưu. Nhân gặp ông Khúc Xương Viên ở nhà bà Mục Cưu, tiền bối Thanh Long hỏi ý kiến cụ về cách thức cầu siêu và cầu thọ. Ông Khúc bảo:

- Việc cầu đạo cốt ở trai giới và lòng chí thành. Đối với người có đạo rồi thì rất dễ. Cầu siêu tụng ba ngàn biến danh hiệu A Di Đà và ba ngàn biến Vãng Sanh. Cầu thọ thì ba ngàn biến A Di Đà và ba ngàn biến Cứu Khổ. Đồng thời nên bố thí và phóng sinh.

Theo lời ông Xã Ba, tiền bối Thanh Long nguyện ăn chay luôn và xin thiết bàn thờ tại nhà, tụng niệm suốt thời gian ba tháng đủ mười hai ngàn biến kinh.

Thời gian ba tháng thực hiện lễ cầu siêu, cầu thọ này gây ảnh hưởng tốt cho lòng tin đạo, mộ đạo của cụ bà thân mẫu và người chung quanh. Cụ bà thân mẫu cũng phát nguyện ăn chay nhập đạo. Phần tiền bối Thanh Long, đó là dịp gắn bó hơn với nhóm thanh niên Bất Nhị cùng nhau tu học. Họ say sưa cuồng nhiệt với thánh ngôn, thánh giáo đến độ không cạo râu cắt tóc, chân đi đất, luôn luôn bận quốc phục (áo dài đen, đầu vấn khăn nhiễu).

HAI

Tại làng Bất Nhị, bà Mục Cưu và cụ Lương Cao Đệ là thông gia. Ông Xã Xước là anh ruột bà Mục Cưu. Hai gia đình làng này đã nhập môn đạo Cao Đài trước tiên. Nhóm thanh niên con hai gia đình này rất mộ đạo, nay có tiền bồi Thanh Long làm cho nhiệt lực tin đạo thêm lên cao. Ban ngày họ làm ruộng, kiếm sống, tối đến họ tập trung đọc kinh sách, nghe thánh giáo. Họ thực hiện mọi điều thiện lành, giúp người nghèo khó, cứu người lúc lâm nguy. Ra đường thấy vật nguy hiểm, miếng bát, miếng chai, gai nhọn, luôn thu dẹp. Thấy sinh vật chết nhặt đem chôn, thấy giấy chửi rơi rớt họ gom đốt bỏ dòng nước... Họ thực hiện theo câu kinh Phật: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.*” (Các việc ác đừng làm, các việc lành vâng làm.) Với tinh thần đừng thấy việc thiện nhỏ mà bỏ qua, cũng đừng thấy việc ác nhỏ mà để duôi. Trong bốn thời cúng Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu họ thực hiện đầy đủ. Giờ Dậu tụng thêm kinh Sám Hối, xong quỳ tiếp một nhang, giờ Mẹo tụng thêm kinh Cứu Khổ. Ngoài ra mỗi người còn có một quyển sổ tay gọi là “Công quá cách” ghi những ý nghĩ, việc làm thiện hay ác hằng ngày. Cuối mỗi tuần, anh em ngồi lại kiểm điểm, giúp nhau phát huy điều tốt, cải thiện điều xấu. Tất cả anh em tuân thủ quy ước tự nguyện, không ai thấy khó khăn, ngược lại rất thích thú, rất thanh thản. Phong trào tu theo đạo mới ở làng Bất Nhị thật sự lan rộng. Chỉ mấy tháng mà số đạo hữu nhập môn khá đông. Dù kín đáo đến đâu, hiện tượng tâm linh Cao Đài không thể lọt khỏi con mắt của mật thám Pháp. Tổng Đốc Ngô Đình Khôi đã nhận lệnh phải theo dõi đạo Cao Đài. Tiếp theo là những khám xét, bắt bớ, phạt vi cảnh, phạt tù.

Dường như do vận hội và thời kỳ thúc giục trong tâm thức từng người, khi bén duyên là họ liền nhập đạo. Gia đình bà

Mục Cưu và ông Xã Xước lại còn quyết chí hơn. Họ cùng nhau thu xếp vào Nam mong được tự do tu học, vì họ có các con là Lê Văn Liêm, Lê Văn Bắc, Trần Công Ban làm ăn và nhập môn trong đó rồi.

Việc xuôi Nam tìm đạo đã cho nhóm người làng Bất Nhị cơ hội đón nhận một ơn gọi. Đó là Đức Lý Giáo Tông cho lập Tứ Linh Đồng Tử là bộ phận thông công gồm bốn thanh niên tuổi chỉ 15-17. Chính những con người trẻ tuổi vô danh này được Ôn Trên giao phó trách nhiệm trong Đoàn Sứ Giả Phổ Thông Chơn Đạo ra Bắc, Trung Kỳ.

Trong bài thánh giáo tiếp được ở thánh tịnh Đại Thanh đêm mùng 8 tháng 9 Giáp Tuất (1934), Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Vạn lý quan san Thánh mạng truyền
Trường đồ tận lực khả tri Thiên
Đương vi phận sự thiên vi kế
Nhứt nhứt đồ lao vạn sự thiên.*

...

*Cười thay thế sự đa đoan
Mảnh thân đứng giữa trần hoàn mà ghê
Trong cơ quan lăm bẻ lặn độn
Ngoài nhân sanh xâm lấn đủ phương
Thấy người hướng đạo mà thương
Gánh chung thiên hạ sao vương lấy mình
Gánh mối Đạo hy sinh vì Đạo
Thương nhân sanh hoài bão nhân sanh
Trời đâu phụ kẻ tâm thành
Tiên Đồng ra giúp đức tin cho đời
Lập Hội Thánh cho rồi mỗi mỗi
Ban cấp bằng sẽ hội nhân sanh*

*Thượng ban Trời đã sẵn dành
Làm cho mỗi Đạo lưu hành Bắc Trung.*⁽¹⁾

BA

Bộ phận phò loan Tứ Linh Đông Tử do Đức Lý Giáo Tông thành lập, giao cho tiền bối Chương Pháp Lê Kim Ty đào luyện. Bộ phận phò loan này gồm hai cặp, mỗi cặp có một đồng tử âm và một đồng tử dương. Họ được chăm sóc rất đặc biệt. Hằng ngày buộc phải học đạo, học kinh, học thánh ngôn, thánh giáo. Từ thời luôn cúng nước quý hương, tịnh định. Công việc chăm sóc hướng dẫn này do tiền bối Lê Văn Liêm (con bà Mục Cưu) đảm trách.

Nhân thấy đồng tử Thanh Long có thiên tư đặc biệt, lại ưu thời mẫn thế nên tiền bối Lê Văn Liêm thường cho phép đi theo thăm viếng đó đây. Lại chọn một số sách báo bên ngoài cho đọc. Tiền bối Thanh Long nhờ vậy có dịp giao tiếp nhiều nơi, hầu nghe quý vị hướng đạo, các bậc thiện tri thức giảng minh về lẽ đạo tình đời. Nhất là biết nhiều tình hình chung về đạo mới, về thực trạng xã hội, về nỗi khổ đau, tủi nhục của người dân mất nước và ý thức được các cuộc khởi nghĩa của các nhà ái quốc chủ xướng.

Từ đó tiền bối Thanh Long không thể đứng dưng trước cảnh xã hội và nội tình cơ đạo. Tiền bối đã đặt đời mình trong ý hướng “quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”. Càng đặt tâm ý vào tinh thần này, tiền bối Thanh Long càng thấy băn khoăn thắc mắc rằng tại sao Thượng Đế tá danh Cao Đài lập đạo Kỳ Ba với tôn chỉ Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, tận độ chúng sanh, mà nền Đạo mới hình thành chưa

⁽¹⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 17-18.

đầy một thập niên đã lâm vào cảnh phân chi rẽ phái, canh cải chân truyền.

Những ngày tháng tập luyện đồng tử đã trôi qua và con đường sứ mạng mở ra trước mắt. Khi đọc hai câu thi cuối của bài tứ tuyệt truyền chỉ phổ thông Chơn Đạo ra Trung Kỳ:

*Thượng cơ quy nhất minh Chơn Đạo
Đế mạng chừ ai gánh vác cùng.*⁽²⁾

tiền bối Thanh Long cảm thấy niềm ưu tư áp ủ lâu nay đang được bùng dậy, đồng thời nỗi lo sợ cũng kèm theo. Tiền bối hiểu rằng Đế mạng là sứ mạng Thượng Đế giao phó. Sứ mạng này là quy nhất và làm sáng Chơn Đạo. Hai chữ quy nhất in sâu vào tâm tư của tiền bối thật đậm nét. Quy nhất như thế nào? Thật còn lăm mịt mờ!

Kể từ rằm tháng 9 Giáp Tuất (1934) đến tháng 9 Ất Hợi (1935) là đúng một năm, công cuộc truyền giáo có nhiều thuận lợi. Trong ba tháng đầu, ân điển thiêng liêng đã độ được hai nhân vật tiêu biểu. Một người trong cửa đạo Minh Sư là tiền bối Nguyễn Chơn Khai, một người ngoài trường đời là tiền bối Nguyễn Như Sơ. Chưa đầy sáu tháng sau một hưu quan Nam triều cũng về trong cửa Đạo, đó là tiền bối Quang Lộc Tự Khanh Lê Trí Hiển.

Ba nhân vật này đã làm chỗ dựa hình thành ba thánh sở thể hiện ba yếu tố tiếp truyền đạo mạch, phổ độ chúng sinh và liên hòa Nam, Trung không phân chi phái. Họ đã tạo được bề thế cho đoàn hướng đạo trong công cuộc phổ truyền chánh giáo. Nhưng thật oái ăm, song song với những điều đáng mừng ấy lại có những nỗi đau dòn dập kéo theo. Đó là sự ra đi vĩnh viễn của cặp đồng tử anh em Bạch Phụng, Kim Qui (con bà Mục Cưu) cách nhau không đầy ba tháng.

⁽²⁾ Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 7.

Ngày ở thánh tịnh Đại Thanh, bộ phận Tứ Linh tập luyện xong, Ôn Trên vừa ban lệnh chuẩn bị về Trung hành sự thì hai huynh trưởng Lê Văn Liêm, Lê Văn Bắc anh ruột của Bạch Phụng, Kim Qui đã lia trần trong vòng mười hai tiếng đồng hồ. Đối với tiền bối Thanh Long, đây là một nghịch cảnh gây bẽ tắc cho Tứ Linh Đồng Tử, là hầm hố, vực sâu trên nẻo đường sứ mạng. Một sứ mạng độ đời thoát cảnh tử sinh lại đang gập ghềnh trên đường sinh tử.

Tiền bối Thanh Long xót xa đau đớn đến choáng váng tâm tư. Nổi thương tâm mất hai huynh trưởng Lê Văn Liêm, Lê Văn Bắc tạm được giải tỏa bởi Thánh ý. Nhưng mất hai thành viên của Tứ Linh đã tạo cơn sóc vô cùng thương cảm. Huống nữa tình nghĩa giữa tiền bối Thanh Long và Phụng, Qui đã gắn bó từ tuổi ấu thơ, đã cùng học, cùng tu, cùng nguyện đồng sinh tử. Bây giờ lẽ bạn lẽ bày, biết thế nào là đường đi lối đến.

Nhưng rồi đàn cơ tại thánh tịnh Thanh Quang cho tiền bối Trần Quang Châu thay thế Bạch Phụng: *“Nay Bạch Phụng đã xong phận sự phò loan. Trước Thầy đã dạy Trần Quang Châu trong Đoàn Sứ Giả là để thay cho Bạch Phụng ngày nay. Vậy Thầy cho Trần Quang Châu đạo hiệu Bạch Hồ để phù hợp với Thanh Long đảm đương sứ mạng. Ấy cũng là tiền định...”*

Tiền bối Thanh Long nhớ lại đàn cơ ở thánh tịnh Đại Thanh ngày đầu đưa Đạo ra Trung, Thầy đã dạy:

*CHÂU độc giả lo tròn độc giả
Phận sự con Thầy đã định phòng
Bao giờ HỒ hội cùng LONG
Bên ngoài sắp đặt bên trong an bài.⁽³⁾*

⁽³⁾ Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 13.

BỐN

Tiền bối Bạch Hồ (Trần Quang Châu) là con thứ của cụ Chánh Tổng Trần Hoán thường gọi là cụ Chánh Trí, quê làng Tư Phú thuộc vùng Gò Nổi, tỉnh Quảng Nam.

Gia đình cụ Chánh Tổng Trần Hoán có tiếng là đạo nghĩa, lễ giáo. Chính cái đạo nghĩa, lễ giáo tộc Trần này đã un đúc nhà chí sĩ Trần Cao Vân tham gia cuộc khởi nghĩa của Vua Duy Tân (1916) và chiến sĩ chống Pháp Trần Công Chương đã dũng cảm chỉ huy cuộc cướp chính quyền tỉnh Quảng Nam (1916), nhưng đại sự bất thành. Chiến sĩ Trần Công Chương đã đốt trường Pháp Việt rồi giả câm ba năm. Về sau ông bị tù ở Lao Bảo, đã can đảm dùng thùng thiếc đựng rác đập lên đầu cai tù, rồi tự kết liễu đời mình.

Cụ Trần Hoán nổi tiếng là vị chánh tổng hòa giải. Tất cả các vụ tranh chấp, kiện tụng, khi đưa đến cụ đều được giải quyết rất phân minh. Cụ là người quý mến dân, gặp ai cũng chấp tay chào hỏi thân thiện, dù đi trên ngựa cũng thủ lễ nghiêm mình.

Tiền bối Trần Quang Châu sinh trưởng trong nề nếp gia phong như thế, khi hữu duyên với đạo Cao Đài, được sớm tuyển dụng vào Đoàn Sứ Giả Phổ Thông Chơn Đạo với vai trò độc giả tạm.

Vào giờ Tý rằm tháng 6 Ất Hợi (1935) tại thánh tịnh Thanh Quang tổ chức lễ cho đồng tử Bạch Hồ Trần Quang Châu lập hồng thệ. Đàn cơ được thiết lập, Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Từ nay Thanh Long, Bạch Hồ là cặp phò loan độc nhất, có trọng trách tiếp nối Tứ Linh Đồng Tử trong sứ mạng phổ truyền và trung hưng như Đức Chí Tôn đã phán dạy. Bạch Hồ phải ý thức trọng trách đó, phải quý hương, luyện điển cho*

“*hiều để cùng với Thanh Long làm tròn phận sự.*”

Vai trò độc giả của Bạch Hồ, Đức Lý Giáo Tông giao lại cho Nguyễn Thanh Chuyên.

Như vậy Tứ Linh Đồng Tử khi được lệnh về Trung, sau mười tháng đã chấm dứt nhiệm vụ.⁽⁴⁾ Đây là điều Đức Cao Đài đã căn dặn trước vào đêm 24 tháng 8 Giáp Tuất (1934):

*LONG, con hãy nẵng phần trách nhiệm
Bằng QUI, LÂN, PHỤNG nhắm rình non
Lời Thầy gắng nhớ nghe con
Dù chi chi nữa vẫn còn Thầy đây.⁽⁵⁾*

Tuy bây giờ chỉ còn một cặp phò loan, nhưng công việc phổ độ lại mở rộng hơn. Các đàn được thiết lập nhiều hơn. Mỗi tháng từ tám đến mười hai lần.

Việc Bạch Hồ thay thế Bạch Phụng cũng rất hòa hợp cả về phần âm dương tiếp diễn, cả về tính tình xử thế với nhau. Lại còn thuận lợi được cụ Chánh Tổng Trần Hoán hỗ trợ về mặt chính quyền.

Diễn quang do cặp đồng tử Thanh Long, Bạch Hồ tiếp đều rất minh. Nhiều bài thánh giáo đã được đăng trên tờ *Tiên Thiên Tuyên Bó*, phổ biến ở miền Nam. Bộ phận phò loan Long Hồ từ đó được biết tiếng khắp các chi phái miền Tam Giang.

Tiền bối Thanh Long luôn chu toàn nhiệm vụ của đoàn hướng đạo nhưng lòng luôn trĩu nặng ưu tư. Nhiều khi ngồi lại cùng tiền bối Bạch Hồ với nỗi niềm tâm sự xót xa, thương cảm, rồi ngại ngại lo sợ cho dặm dài sứ mạng tương lai.

Nghĩ đến câu “*LONG, con hãy nẵng phần trách nhiệm*”,

⁽⁴⁾ Từ tháng 8 Giáp Tuất (1934) đến tháng 6 Ất Hợi (1935).

⁽⁵⁾ Theo *Hồi Ký*, tiền bối Thanh Long chỉ nhớ có bốn câu.

tiền bối Thanh Long ái ngại vô cùng. Con đường sứ mạng dài thăm thẳm với bao chông gai thử thách rập rình. Nhất là chế độ cai trị “*lưỡng triều*” ở Trung Kỳ quá khắt khe. Tứ Linh Đồng Tử được trao phó trọng nhiệm với bao con người đầy tâm thành nhiệt huyết, sao vừa khai triển phận sự đã vội kẻo còn người mất? Bây giờ liệu một cặp phò loan với tuổi chỉ mới thành niên liệu có đủ sức chu toàn trách nhiệm thiêng liêng chẳng? Tiền bối nhớ lại bài thơ trong thánh giáo dạy đưa Đạo về Trung:

*THANH LONG con, đường trường giục ngựa
Mãnh thân sanh đứng giữa trần gian
Vui chi cười, buồn chi than
Hễ càng cay đắng con càng nên con.⁽⁶⁾*

Từ đó tiền bối Thanh Long cảm thấy khích lệ tinh thần, lại cùng với Bạch Hồ tìm đọc sách báo. Tiền bối Bạch Hồ thích đọc tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tiền bối Thanh Long thích đọc những loại truyện sử, văn học ghi chép những sinh hoạt tư tưởng người xưa.

Quyển *Quả Dưa Đỏ* của Đồ Nam Nguyễn Trọng Thuật (1883-1940) đã kích thích tiền bối Thanh Long tinh thần tự cường và xoa dịu những niềm đau thương mất mát.

Nhân vật An Tiêm trong truyện Quả Dưa Đỏ đã tô đậm triết lý “*tiền thân*”, phát huy tư tưởng sáng tạo và hóa dục của đáng Thượng Đế. Sáng tạo là nguyên nhân đầu tiên để từ không đến có. Hóa dục là khi có cái này thì có cái kia. Đó là nhân duyên sinh khởi, cho ra luật nhân quả. Chính An Tiêm kiên định rằng đời sống của con người được an bài ở “*tiền thân*” chứ không ai ban cho hoặc áp đặt cho.

⁽⁶⁾ Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 12.

An Tiêm là kẻ lạc loài được vua cứu mang nên người, tài trí thông minh. Vua phong An Tiêm làm Lạc Tướng, lại cho thành hôn với con gái quan Lạc Hầu là nàng Ba. Nhưng vì có tư tưởng “tiên thân” nên An Tiêm bị cho là kẻ vong ân bội nghĩa. Vua Hùng đày An Tiêm ra đảo hoang, không cho mang theo một sở hữu nào cả để tự sống với triết lý “tiên thân”.

Vợ chồng An Tiêm bị đày ra An Hải, một đảo hoang vu giữa bể mịt mù, chưa từng có dấu chân người đặt đến. An Tiêm vẫn thân nhiên chấp nhận thế giới đầy ải.

Để bắt đầu cuộc mưu sinh, An Tiêm lục trong hành trang chỉ có bốn bao bánh khô. Thêm người nhà của nàng Ba lén giấu cho hai hòn đá lửa và một thanh gươm.

An Tiêm rất vui mừng nói với nàng Ba:

- Sự sống là nhờ ngũ hành. Nay ta đã có hai món này là đủ ngũ hành rồi, lo gì chẳng sống được.⁽⁷⁾

An Tiêm tỏ dấu tin tưởng, vừa đưa gươm lên, vừa ngêu ngâm hát:

*Tiêu dao ngoài cõi càn khôn
Xe bằng chín vạn, ngựa côn ba nghìn⁽⁸⁾
Cánh bèo nhứt nguyệt nổi chìm
Ngồi trên sóng bạc chờ xem cát vàng
Gươm thần một lưỡi sáng choang
Vung lên mở cửa thiên hoang ra đời*

Thời gian trôi qua, gia đình An Tiêm sống bằng cách:

⁽⁷⁾ Ngũ hành: Kim (thanh kiếm); Mộc (cây rừng); Thủy (nước, biển); Hỏa (đá lửa); Thổ (đất đảo).

⁽⁸⁾ Nam Hoa Kinh của Trang Tử viết: Chim bằng vỗ cánh một cái bay chín vạn dặm. Cá Côn nhảy một cái ba nghìn dặm.

*Tháng ngày lấy cá thay cơm
Cắt bông chẻ cói đan làm áo xiêm
Kho trời sẵn của thiên nhiên
Mà công tham tán là riêng của mình.*

Tiền bối Thanh Long đọc đến đoạn nàng Ba và An Tiêm thấy cá ông voi tưởng thuyền vua cho triệu hồi. Nhưng không phải, đó chỉ là sinh vật lớn nhất ở biển khơi. Cụ Đồ Nam nêu lại chuyện ông Án Anh nói với vua Cảnh Công nước Tề về sự bé nhỏ của loài tiêu minh sống trên đầu con muỗi và bài thơ:

*Ra khơi xem cá ông voi
Vào hang bắt muỗi xem loài tiêu minh
Cũng tâm cũng tánh cũng tình
Cũng vung vẩy đủ cũng sinh nuôi vừa
Muôn vàn trong một hóa cơ
Chớ đem nông nổi mà ngờ cao sâu.*

Tiền bối Thanh Long thấy tinh thần phản chấn, trí lực sung cường vô cùng. Tiền bối thâm đắc tư tưởng về sinh hóa. Nhỏ như con tiêu minh sống trên đầu con muỗi trong hang chật hẹp; lớn như cá ông voi sống ngoài biển khơi bao la rộng lớn, đều cũng tâm, cũng tánh, cũng tình, cũng vung vẩy, cũng sinh ra, lớn lên trong quyền năng Tạo Hóa. Đừng lấy trí người nông nổi hữu hạn mà xét đoán lẽ vô cùng.

Tiền bối Thanh Long cảm khái về nhân vật An Tiêm và trân trọng tinh thần cụ Đồ Nam, xem như một tri ngộ quý báu trên đường lập thân lập chí.

Để biểu lộ hoài bão dài lâu về một trọng nhiệm cùng với lòng tôn quý tư tưởng Đồ Nam Nguyễn Trọng Thuật, tiền bối Thanh Long đổi lại tên mình là Lương Vĩnh Thuật.

ĐẠO MẠCH LƯU THÔNG

MỘT

Tại Tòa Thánh Minh Chơn Đạo (Hậu Giang), đêm mùng 4 tháng Giêng Đinh Sửu (14-02-1937) có đàn cơ. Đức Cao Đài Thượng Đế giáng lâm ra lệnh cho tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang cùng tiền bối Bảo Đạo Cao Triều Phát ra Quảng Nam ngày rằm tháng 2 Đinh Sửu với nhiệm vụ được phân định như sau:

- Tiền bối Ngọc Chương Pháp lo quy hiệp bốn đạo Minh Sư, thu phục Tam Giáo Tự,⁽¹⁾ Tây Thiên Tự,⁽²⁾ và phối hợp để

⁽¹⁾ *Tam Giáo Tự*: Cũng gọi là chùa An Tráng, nay là thánh thất Trung An. Lễ Sanh Nguyễn Ngọc Hòa (Tây Ninh) hành đạo ở Quảng Nam có làm câu đối như sau:

CAO thượng quán thanh thiên Tam Giáo TRUNG tông hưng chánh pháp / ĐÀI tiền minh thánh đức nhất tâm AN quốc phục chơn truyền. (Khoán thủ: CAO ĐÀI; khoán tâm: TRUNG AN.)

⁽²⁾ *Tây Thiên Tự*: Còn gọi là chùa Bà Giám, do bà Lê Thị Hương là vợ quan Giám Đốc biên phòng xây cất. Vì chưa hình thành được thánh thất Cao Đài nên sau này dân dùng làm nhà kho nông sản. Cảnh quan chung quanh nơi này rất u nhàn. Có lần cháu ngoại bà Giám là cô Tham Tường (cố Giáo Hữu Trương Hương Tuyết Hoa, Đầu Tỉnh Đạo Cao Đài Thừa Thiên) về thăm cảnh cũ, xúc cảm thành bài thơ:

*Bước tới Tây Thiên ngõ núi Bồng [Bồng Lai]
Cảnh chùa bà ngoại phải đây không
Sau lưng nước đón đưa người đạo
Trước mặt non che khuất bụi hồng
Hương ngát thơm tho mùi đạo lý*

cùng hành sự với tiền bối Nguyễn Hồng Phong.⁽³⁾

- Tiền bối Cao Triều Phát hiệp sức cùng tiền bối Lê Trí Hiển vận động ngoại giao với chính phủ Nam triều để giúp cho sự phát triển cơ Đạo miền Trung bớt phần ngăn cấm.

Tuân mạng Thiêng Liêng, ngày rằm tháng 2 Đinh Sửu (1937) tiền bối Ngọc Chương Pháp và tiền bối Bảo Đạo đem theo đồng tử Cao Minh Tuất, nữ tu Thanh San, cùng với tiền bối Nguyễn Hồng Phong dẫn đường.

Nhiệm vụ thì đã được minh định, nhưng đến nơi để thực hiện vẫn phải dò dẫm.

Con tàu tốc hành đến ga Chiêm Sơn dừng lại. Tiền bối Nguyễn Hồng Phong mời tất cả xuống ga. Tiền bối Ngọc Chương Pháp vừa bước xuống ga, bất ngờ thấy có đồng tử Thanh Long dẫn phái đoàn đến đón. Hỏi ra mới hay rằng tại miền Trung đàn cơ Thiêng Liêng dạy tiền bối Thanh Long hướng dẫn phái đoàn ra đón rước.

Tiền bối Thanh Long chỉ biết mặt tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang vì đã tiếp xúc ở Linh Quang Tự khi luyện đồng tử ở thánh tịnh Đại Thanh. Tuy vậy tất cả các vị đã đề huề chào hỏi rất thân tình rồi đưa nhau về chùa Tây Thiên nghỉ ngơi.

*Chuông rung chuyển động phép thần thông
Người đây cánh đầy bao tình cảm
Cánh có bà không, cháu chạnh lòng.*

⁽³⁾ *Nguyễn Hồng Phong*: Nhân sĩ Quảng Nam, thường du lịch đó đây, viết văn, làm thơ với bút danh Liên Hải (thi phẩm còn lại: *Tiếng Chuông Chiều*). Tiền bối nhập môn Cao Đài ở Sài Gòn. Khi về Trung giữ chức vụ Học Viện Trưởng tại Quyền Hội Thánh Trung Kỳ (1939). Tiền bối quy thiên trong cảnh tao loạn năm 1947. Đặc quả vị Đinh Quang Phổ Diệu.

Sau đó là một cuộc họp mặt giữa các hướng đạo Trung, Nam. Các tiền bối Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Đán vô cùng kính nể tiền bối Ngọc Chương Pháp và tiền bối Bảo Đạo. Các vị đọc lại các thánh giáo Thiêng Liêng dạy ở trong Nam và tại miền Trung để tuân tự y tuân theo Thánh lệnh.

Tất cả chương trình đang chuẩn bị tiến hành thì bỗng có trát của Tri Phủ Duy Xuyên là Nguyễn Sĩ Túc đòi tiền bối Cao Triều Phát đến phủ đường có việc cần. Tiền bối Thanh Long hơi ái ngại về sự cố này nên thưa với tiền bối Bảo Đạo:

- Thưa anh lớn, viên tri phủ này khét tiếng hách dịch. Dân chúng ở đây sợ ông này không kém gì trong Nam sợ con hùm xám Cai Lậy là chủ quận Tâm ở Mỹ Tho.

Cao tiền bối vừa cười vừa nói đùa:

- Hùm tuy dữ nhưng lại sợ nước tiểu chó sói.

Tiền bối Chương Pháp cũng cười bảo:

- Ông ấy dữ thì mình độ cho ông ấy hiền để dân được yên.

Đúng theo ngày giờ trát đòi, tiền bối Cao Triều Phát vận âu phục chỉnh tề, đi cùng tiền bối Nguyễn Hồng Phong đến phủ đường Duy Xuyên. Trao trát đòi và danh thiếp xong, tiền bối được một viên đề lại mời vào phòng khách chờ.

Một tiếng đồng hồ sau tri phủ mới ra việc. Viên đề lại vội vàng vào trình danh thiếp. Tri phủ thấy mình quá bê trễ vì biết tiền bối Cao Triều Phát là một đại điền chủ danh tiếng, một cự Hộ Đồng, một người tân học đã từng sang Pháp... Lập tức, tri phủ bước ra vồn vã mời vào văn phòng và xin lỗi vì chậm trễ.

Tiền bối Cao Triều Phát nghiêm nghị nói:

- Tôi lần đầu tiên ra Trung, nên đi theo Đức Thái Lão. Ngài đến Quảng Nam thăm bôn đạo Minh Sư còn tôi đi Đà

Nẵng và Huế thăm mấy người bạn. Vì nghe tiếng Quảng Nam có nhiều thắng cảnh, xuất sinh nhiều hào kiệt, lại là đất lễ nghĩa nên nhân dịp ghé thăm cho biết. Không rõ quan lớn đòi tôi có việc gì cần chi bảo?

Tri Phủ Nguyễn Sĩ Túc hơi chột dạ vì mấy chữ “xuất sinh hào kiệt, đất lễ nghĩa” nên tỏ vẻ vồn vã, xuýt xoa:

- Thật ra không dám làm phiền ngài, nhưng phải mời ngài đến vì nghe ngài ra Quảng Nam phân phát kinh sách Cao Đài cho nhiều nơi. Xin thưa để ngài biết Hoàng Đế Nam Triều có dụ rằng “Nhất thiết Cao Đài thư tịch, bất đắc truyền bá Trung Kỳ.” Cho nên việc làm của ngài rất bất tiện cho trách nhiệm của tôi.

Cao tiền bối trả lời:

- Luật lệ Nam triều tôi đã biết, nhưng tôi có truyền bá hay lưu trữ kinh sách Cao Đài ở Trung Kỳ đâu. Nhất là ở địa hạt của quan lớn. Thật ra hành lý của tôi gởi ở chùa Tây Thiên có mấy kiện sách để mang đi Tourane. Trên mỗi kiện có ghi “*M. Cao Triều Phát à Tourane*”, xin quan lớn xem xét lại. Vì ở Tourane là nhượng địa, đâu có trực thuộc Nam triều. Mấy ngày qua có số đạo hữu Minh Sư, đệ tử của Đức Thái Lão đến Tây Thiên thăm, thấy có kinh sách nên họ xin thỉnh. Tôi đã cho họ vì nghĩ kinh sách luôn luôn dạy người thiện lương. Hơn nữa kinh sách Cao Đài là đạo xuất phát tại Việt Nam, người dân có đạo thì tốt, giúp việc trị an của chính quyền được dễ dàng, vậy tại sao phải cấm đoán.

Quan phủ Nguyễn Sĩ Túc nghe tiền bối Cao Triều Phát nói khẳng khái như vậy, thấy hơi lúng túng khó biện luận pháp lý, nên xuống nước:

- Xin ngài hiểu cho, một quan lại cai trị địa phương chỉ là kẻ thừa hành.

Việc tiếp xúc với quan phủ Duy Xuyên đã xuôi chèo. Tiên bối Cao Triều Phát và tiên bối Ngọc Chuông Pháp bàn với các tiên bối Nguyễn Quang Châu, Trần Công Ban, Nguyễn Hồng Phong lập một đàn cơ xin Thánh ý về việc đi Huế.

Đêm 21 rạng ngày 22 tháng 2 Đinh Sửu (1937), đàn cơ lập tại thánh tịnh Thanh Quang do đồng tử Cao Minh Tuất thủ cơ. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng:

Cao Đài

Thầy mừng các con.

*NGOC bút đề thi giác mộng trần
HOÀN(G) đồ vi cựu hoá thành tân
THƯỢNG khai Trung Bắc hồng ân pháp
ĐẾ chinh chơn truyền biệt ngã nhân.*

Thầy ban ơn các con. Tuân mạng Thầy mà nay các con Trung Nam liền đoàn hoàn hảo, Thầy rất vui.

ĐẠO QUANG, số là Thiên cơ đã định. Thầy vận chuyển con về đây, vì miền Trung nầy dân chúng phân tán ngưỡng thì đông, phần tinh thần hướng dẫn thì ít có con đủ điều kiện. Vậy Thầy dạy con tuân mạng, trước lo phổ hóa dân sinh, sau là quy hiệp các nơi đạo đồ Minh Sư, cho chúng cùng nhau đồng đạo đồng thầy. Nếu không Thầy e chẳng mấy con hiểu thông giáo lý, rồi nhân sanh đành mỗi phái mỗi nơi... Con tuân mạng.

PHÁT, Thầy chuyển con ra đây cùng anh con, là Thầy muốn con cùng Hiền nơi này chung lo bảo toàn về phần nội, ngoại giao cùng chính phủ mọi việc phép tắc. Hôm nay tuy vắng mặt Hiền, song Thầy dạy con cứ việc tiến hành cho kịp cơ hội. Vì phần con còn nhiều việc nơi này cùng miền Nam. Con hãy đem hết tinh thần phấn đạt để giúp Đạo, giúp đời, Thầy sẽ ban công cho con.

*Thế cuộc vẫn xoay sắp chuyển hoàn
Cơ Trời lộ dạng khá cần toan
Trước khi giáo lý Trung thành lập
Lập đặng rồi ra Bắc thuận đàng.*

Vậy hai con quyết tâm hiệp sức cùng bạn con, em con, lo tạo lập Trung Hưng Thánh Tòa, hầu làm cơ sở cho Trung Kỳ nối liền Nam Kỳ rồi ra Bắc chẳng khó chi.

Ban, Khai, Sơ, ba con cùng Nguyễn Hồng Phong tùy phận mình, trách nhiệm mình mà lo cho trọn, lớn nhỏ có phần.

*Lời Thầy đã dặn đó nầy con
Con quyết lo sao chánh lý còn
Còn mỗi Đạo nhà con tận độ
Độ người mình phải trước lo tròn.*

BÀI

*Trước lo tròn bỏ con nam tử
Nghe Thầy chia phận sự mỗi con
Mỗi con lo liệu cho tròn
Quả công sử đạo hãy còn tạc ghi.
Phần ĐẠO QUANG trước quy chân lý
Quy hiệp rồi cơ chỉ mở ra
Ngũ Chi Đại Đạo một nhà
Cũng là nhất bản cũng là đồng nguyên.*

*Thầy dạy con tâm chuyên đáng nhớ
Nhiệm vụ con còn ở nhiều nơi
Lấy thân mà hóa độ đời
Đắp xây phong hóa Đạo Trời vẻ vang.*

*Trung Kỳ trước cần toan sắp đặt
Sắp đặt xong quy tắc rõ ràng*

*Vì mình mà cũng chúng sanh
Vì cơ vận chuyển tiến hành Đạo khai.*

*Dắt nhau lên Cao Đài rạng rỡ
Dắt nhau lên muôn thuở an bình
Mừng ngày chánh pháp khai sinh
Mừng Nam, Trung, Bắc Đạo thành vẻ vang.*

*PHÁT chơn đạo ẩn tàng ngọc bửu
Dem lý màu ra cứu độ nhơn
Bảng vàng còn điểm tô sơn
Cho danh Đạo rạng, cho Chơn Đạo truyền.*

*Này Nam, Trung hai miền nặng gánh
Gánh nhơn sanh con lãnh nơi Thầy
Thầy đây chờ đợi con đây
Mau lên giới giới kịp Thầy bớ con.*

*Tranh thế giới vàng son rực rỡ
Công điểm tô mưa chớ buồn than
Cậy con lo vện, vện toàn
Vì dân vì nước băng ngàn sá chi.*

*Hiệp cùng HIỀN để quy hiệp Đạo
Hiệp Nam Trung chánh giáo hoàng dương
Chung lòng chung sức đảm đương
Lo phần luật pháp, lo phương tác thành.*

*BAN, KHAI, SƠ tuân hành lệnh dạy
Cùng anh em cả thầy đồng lòng...⁽⁴⁾*

HAI

Tiền bối Ngọc Chương Pháp ở lại Quảng Nam. Tiền bối Cao Triều Phát và đồng tử Cao Minh Tuất từ biệt rồi theo hướng dẫn của tiền bối Nguyễn Hồng Phong đi chuyến tàu lửa tốp hành ra Huế. Chủ ý tiền bối Cao Triều Phát là gặp Phạm Quỳnh (1892-1945), người bạn hồi ở bên Pháp, nay là quan Thượng Thư Bộ Học kiêm Ngự Tiền Đông Lý Cơ Mật Đại Thần.

Khi đến Bộ Học tại thành nội Huế, mặc dù không báo trước, nhưng tiền bối Cao Triều Phát được quan Thượng Thư Phạm Quỳnh ra tiếp đón rất niềm nở. Quan Thượng Thư xin lỗi mời riêng tiền bối Cao Triều Phát vào phòng trong để tâm sự. Cả hai nói chuyện với nhau lúc tiếng Pháp, lúc tiếng Việt. Những lời hỏi thăm chen lẫn những tràng cười khanh khách. Cao hứng quan Thượng Thư nhắc lại mấy chuyện đùa nghịch thời tuổi trẻ lúc còn ở Paris.

Tiền bối Cao Triều vừa cười lớn vừa ngăn lại:

- Đó là những kỷ niệm đã chìm trong ký ức thanh xuân. Bây giờ ngài và tôi đều ở vị trí khác rồi. Ngài là quan Thượng Thư triều đình, tôi là một hướng đạo Cao Đài. Chúng ta đều có trách nhiệm với quần chúng. Tôi lần này ra đây gặp ngài trước là viếng an, sau là muốn trình bày về việc tín ngưỡng của đạo Cao Đài.

Tiền bối Cao Triều đi vào vấn đề:

- Đạo Cao Đài nguồn gốc cũng là Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng), nhưng có sứ mạng mới là chấn hưng và xây dựng tinh thần Tam Giáo quy nguyên, lại phát huy truyền thống của Việt Nam là Thiên nhân hiệp nhất. Cao Đài Giáo vốn xuất phát trong lòng dân tộc Việt Nam...

⁽⁴⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 54-57.

Tiền bối Cao Triều dừng lại như để dò ý quan Thượng Thư rồi nói tiếp:

- Cũng có thể nói Cao Đài Giáo là của Việt Nam, nhưng như ngài thấy đó, người Pháp thì cho phép Cao Đài truyền bá ở Nam Kỳ và các vùng nhượng địa. Còn tại Trung, Bắc Kỳ là của chính phủ Nam triều tại sao lại cấm đạo Cao Đài? Với tư cách là người cầm đầu Bộ Học vừa là Ngự Tiền Đổng Lý Cơ Mật Viện Đại Thần, ngài nghiên cứu xem có thể giúp đỡ để bản đạo Cao Đài Trung Bắc dễ dàng việc tu hành.

Quan Thượng Thư Phạm Quỳnh là một học giả có tiếng, đã tham bác nhiều kinh điển, làm chủ bút tạp chí *Nam Phong*. Ông viết nhiều sách văn học, đạo học, triết học đông tây, cho nên ông hiểu tận tường tinh thần Tam Giáo đồng nguyên và Thiên nhân hiệp nhất. Đối với đạo Cao Đài có tôn chỉ Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt và tinh thần thuần chân vô ngã, vạn giáo nhất lý, ông cho là đáng đồng tình, vì cần có một nền đạo học Việt Nam. Nhưng quan Thượng Thư tâm sự:

- Người Pháp họ có mánh lới và thủ thuật chính trị. Họ cho Cao Đài tự do truyền bá ở thuộc địa của họ, lại xúi Nam triều ngăn cấm Cao Đài ở Trung, Bắc vì họ biết rằng Cao Đài không ưa gì Pháp cũng chẳng thích Nam triều. Cho Cao Đài tự do ở Nam Kỳ và các nơi nhượng địa vẫn nằm trong vùng kiểm soát được của người Pháp. Còn không muốn Cao Đài bành trướng ở Trung, Bắc thuộc Nam triều sẽ ngăn được tinh thần tâm linh dân tộc được un đúc. Điều đặc sách nhất của Pháp là tạo sự nghi ngờ rằng Cao Đài thân Pháp hoặc có thể là sản phẩm của Pháp. Trong khi Nam triều chưa am tường về tôn giáo điển quang nên tưởng rằng Cao Đài bắt nguồn từ thông linh học (*spiritisme*) phương Tây. Nay thì dụ cấm đạo của Hoàng Đế đã ban hành rồi, muốn gì cũng phải chờ cơ hội.

Quan Thượng Thư chìa tay về phía Cao tiên bối, xiết chặt

và hứa rằng sẽ tận tình tìm cách giúp đỡ đạo Cao Đài được hanh thông. Tiếp sau có lời mời Cao tiên bối dùng cơm tại tư dinh.

Tiền bối Cao Triều Phát hoan hỷ dự cơm chiều với tinh thần bạn cũ, rồi lưu lại Huế để ngắm sông Hương, núi Ngự, thăm lăng tẩm và kinh thành.

Vài hôm sau Cao tiên bối từ biệt Huế, cùng đồng tử Cao Minh Tuất trở về thẳng Sài Gòn với lòng tin tưởng rằng bước đạo sẽ hanh thông.

Tiền bối Nguyễn Hồng Phong thì xuống ga Chiêm Sơn về trình tiền bối Ngọc Chương Pháp mọi sự.

Tiền bối Ngọc Chương Pháp (miền Trung tôn kính gọi là Đức Thái Lão) ở lại chùa Tây Thiên gấp gờ, thăm viếng và giải thích với bản đạo Minh Sư về việc tiền bối tuân mạng Đức Thượng Đế quy hiệp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ năm 1927.

Bản đạo Minh Sư là đệ tử của Đức Thái Lão ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên đến thăm đều được Đức Thái Lão phổ giáo:

- Trong vận hội hạ ngươn, Thượng Đế giáng trần tá danh Cao Đài mở cơ đại xá, tận độ chúng sinh. Sứ mạng của Cao Đài là quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, xây dựng tín ngưỡng trên tinh thần vạn giáo nhất lý. Đó là nền tôn giáo thích nghi với xã hội hiện đại, năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà. Cái Thiên lý và vận hội này, kinh điển Tam Giáo Minh Sư có ghi chép: *Mạt hậu Tam Kỳ Thiên khai Huỳnh Đạo*; hoặc: *Lục vạn dư niên Thiên khai Hoàng Đạo*... Như vậy Cao Đài và Minh Sư là một, chỉ khác ở chỗ đạo Minh Sư chuyên tu luyện nội tâm, cầu giải thoát cá nhân, còn Cao Đài có thêm phần phổ độ mong cầu đạt giải thoát tập thể (tận độ).

Tiền bối Ngọc Chưởng Pháp khuyên các chức sắc và toàn bôn đạo Minh Sư ai kịp lãnh hội và đồng tình thì sớm quy hiệp với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ai chưa đạt ý thì cứ giữ tín ngưỡng theo Minh Sư như cũ cũng tốt vậy.

Với tinh thần cởi mở vẹn nghĩa trọn tình ấy, bôn đạo Minh Sư rất vui vẻ. Một số khá đông quy hiệp, nhất là ở làng An Tráng. Một số khác theo về Lão Sư Đương (Trần Văn Định) hiệp với phái Nam Tông lập nên Phật Đường Nam Tông ở Hội An. Số còn lại rất ngưỡng mộ Cao Đài nhưng ngại rằng Cao Đài đang bị ngăn cấm bắt bớ tù đầy nên vẫn giữ đạo Minh Sư.

Tiền bối Ngọc Chưởng Pháp lưu lại chùa Tây Thiên hai tháng. Ngoài việc gặp gỡ bôn đạo Minh Sư, tiền bối còn tiếp xúc với thân hào nhân sĩ. Họ cảm mến bậc chân tu dung mạo đẹp như tiên tại thế nên đến thăm rất đông. Đặc biệt tiền bối Ngọc Chưởng Pháp có bộ râu năm chòm rất dài và đẹp. Khi tiền bối quy hiệp Cao Đài, năm chòm râu xoắn lại thành một. Điều đó cũng gây cho quần chúng nổi hiếu kỳ, muốn diện kiến tiền bối một lần cho biết.

Theo lệnh Ôn Trên, ngoài Tây Thiên Tự, tiền bối Ngọc Chưởng Pháp còn có nhiệm vụ giúp Tam Giáo Tự ở làng An Tráng quy hiệp Cao Đài.

An Tráng là một làng quê bên cạnh dãy Trường Sơn, nằm phía Tây tỉnh Quảng Nam, thuộc phủ Thăng Bình, cách tỉnh lỵ độ 70 cây số. Đây là làng quê hẻo lánh chưa chịu ảnh hưởng nền văn minh tân tiến, nhưng lại nổi tiếng về văn minh đạo đức nhờ có hai nhân vật là tiền bối Trần Nguyên Chất (thầy Cửu Sáu) và tiền bối Huỳnh Ngọc Trác (thầy Giáo Hai).

Tiền bối Trần Nguyên Chất tuổi Quý Tỵ (1893), sinh trong gia đình Nho học, có sản nghiệp và địa vị trong làng. Với vai trò Lý Trường, tiền bối Trần Nguyên Chất chủ trương cải

cách hương thôn, lập lại hương chính, bài trừ tệ nạn xã hội, tập quán cổ hủ, mê tín dị đoan, chỉnh đốn hương phong, mở mang đường sá, trường học, khuyên dân cải thiện nếp sống ruộng vườn.

Xét những thành tích đó, Tri Phủ Thăng Bình là Lê Chí Hàm trình Nam triều thưởng cho tiền bối Trần Nguyên Chất hàm Cửu Phẩm. Do vậy người ta thường gọi tiền bối là thầy Cửu Sáu. Về sau tiền bối lại được đề cử danh vị Đại Tổng Mục, là người có uy tín trong quận góp phần tham gia ý kiến khi cần.

Năm đó, gia đình tiền bối Trần Nguyên Chất lâm vào cảnh hoạn nạn dồn dập. Nhà cháy, gia súc dịch bệnh, thân nhân chết bất đắc kỳ tử... Cùng làng có thầy giáo Hai (tiền bối Huỳnh Ngọc Trác) là người học rộng, đạo đức tín thành, được nhiều người tin kính về hiệu lực việc cầu an giải nạn. Tiền bối Trần Nguyên Chất đã mời thầy Huỳnh đến thiết đàn tụng kinh Minh Thánh để giải nạn.

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác tuổi Mậu Tuất (1898), sinh trong gia đình nề nếp xưa. Bản chất tiền bối Huỳnh Ngọc Trác rất thuần hậu, hiếu học, ham đọc sách thánh hiền, truyện thần tiên. Tiền bối thông minh, đọc mau hiểu, nhớ nhiều. Tiền bối chấp nhận thiếu ăn, nhưng không thể thiếu đọc.

Sách tiền bối tiếp nhận gồm cả cũ lẫn mới, nhất là các trào lưu tư tưởng canh tân Trung Quốc của nhóm học giả Hồ Thích, Lương Khải Siêu, v.v... Tiền bối đọc các sách *Trung Quốc Hồn*, *Âm Bãng Thất*, rồi đến các loại luân lý, đạo đức, triết học cách mạng xã hội, dân quyền của các hiền triết tây phương như Platon, Socrate, Immanuel Kant, Jean Jaques Roussau, v.v...

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác tuy không theo đường khoa bảng mà chí học, sức tham bác rất cao nên kiến thức mở rộng.

Chẳng những ở phương diện đạo học, triết học mà đến xã hội học, chính trị, kinh tế cũng được thông thạo. Nhờ đó tiền bối có thể giao thiệp rộng với các vị cụ học, tân học.

Trong dịp giúp nhau giải nạn, hai vị tiền bối có được cơ hội luận đàm đạo lý thánh hiền và tư trào tân học. Hai vị trở nên tương đắc về tư tưởng Tam Giáo thể hiện qua Tam Giáo Minh Sư, hiện đang thịnh hành tại Quảng Nam.

Vào năm Tân Dậu (1921) hai tiền bối Trần Nguyên Chất và Huỳnh Ngọc Trác cùng thọ giáo Minh Sư với đạo sư Võ Xương Kinh, tức thầy Chín Phú Bông tại chùa Tây Thiên ở làng Thọ Sơn, phủ Duy Xuyên.

Đến năm Giáp Tý (1924), tiền bối Trần Nguyên Chất lập ngôi Tam Giáo Tự tại khu vườn nhà làm nơi cho tín chúng lễ bái. Về sau hai tiền bối cộng sự lập Văn Chi thờ Khổng Phu Tử, lại lập hương trường dạy quốc ngữ cho con em trong làng.

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác chủ trương vừa giảng giải đạo lý Thánh Hiền vừa dạy theo chương trình nhà nước. Giai đoạn này hai tiền bối được nhiều tầng lớp tán trợ, ủng hộ. Nhiều sách báo từ các nơi gửi về như tạp chí *Từ Bi Âm*, *Duy Tâm* của Hội Phật Học Nam Kỳ và *Lưỡng Xuyên* ở Trà Vinh, báo *Đuốc Tuệ* của Hội Phật Học Bắc Kỳ ở chùa Quán Sứ Hà Nội, báo *Viên Âm* của Hội Phật Học Trung Kỳ ở Huế.

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác còn xuất du đến gặp bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và các cao tăng ở Huế tham bác về việc chấn hưng đạo đức; đến tòa báo *Tiếng Dân* gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng bày tỏ chí hướng và việc làm của mình.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng rất tán dương và có nhiều thiện cảm nên giới thiệu cho tiền bối gặp thêm nhiều nhân sĩ trong nước, nhất là giới khoa bảng và tân học.

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác còn đến yết kiến cụ Phan Sào Nam trình bày về luân lý đạo đức dân tộc và nhân loại dưới cái nhìn Khổng Học. Cụ Sào Nam rất tương đắc nên giới thiệu các biên khảo *Châu Dịch Quốc Văn Chú Giải*, *Khổng Học Đăng*, *Nhân Sinh Triết Học*... cụ đã soạn.

Càng đàm đạo, cả hai càng tương đắc tinh thần ưu thời mẫn thế của nhau. Đến khi tiền bối Huỳnh Ngọc Trác ra về, cụ Sào Nam đưa chân với nỗi niềm của người đang bị câu thúc. Cụ Sào Nam đọc hai câu ca dao chia tay với tiền bối Huỳnh Ngọc Trác:

*Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.*

Đáp lại nỗi lòng ấy tiền bối Huỳnh Ngọc Trác đọc:

*Trách lòng con cá lia thia
Vực sâu không ở, ở đìa làm chi.*

Hai tiền bối Trần Nguyên Chất và Huỳnh Ngọc Trác đều có hoài bão lớn, muốn đem đạo đức Khổng Mạnh phối hợp với tinh thần Phật Lão, cộng thêm tư tưởng xã hội phương Tây áp dụng vào xã hội Việt Nam, trong chiều hướng cải cách nhân tâm, canh tân xã hội. Khởi điểm trước tiên là phải thực hiện cách mạng bản thân.

Với tinh thần đó, quan niệm đó, hai tiền bối Trần Nguyên Chất và Huỳnh Ngọc Trác khi đến thăm tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang tại chùa Tây Thiên đã dễ dàng vâng lệnh quy hiệp Cao Đài, nhưng hứa chờ thu xếp nội bộ.

BA

Tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang và tiền bối Bảo Đạo Cao Triều Phát vâng Thánh lệnh ra Trung. Mọi trách vụ hầu như tạm ổn thỏa. Bây giờ chỉ còn lo việc chuẩn bị xây

dựng thánh sở trung tâm truyền giáo Trung Bắc Việt với danh hiệu Trung Hưng Thánh Tòa. Tiên bối Lê Trí Hiền và các hướng đạo miền Trung lo cất lức tìm kiếm địa điểm. Cố nhiên lúc bấy giờ khả năng của tiên bối Lê Trí Hiền chưa dám khai phá các khu đất công hoang rộng lớn hay những khu đất rừng có thắng cảnh, mà chỉ nhắm vào khu đất thị tứ và trục giao thông thủy bộ trong tỉnh thuận tiện đường ra Bắc vào Nam. Nhiều khu đất đã được chọn, nhưng bạch trình Ôn Trên thì Đức Trần Hưng Đạo không tán thành.

Vào ngày 20-7 Đinh Sửu (1937), thánh thất Nam Trung Hòa lại có chỉ thị tiếp Thánh lệnh cũng do đồng tử Liên Hương và thêm đồng tử Huỳnh Cần Kiệm phụng mạng chuyên ra. Thánh lệnh này quy định tổ chức Cửu Viện, cơ cấu điều hành Giáo Hội do lệnh Thiêng Liêng dạy tại thánh tịnh Bát Bửu Điện. Đồng tử Liên Hương cho biết công cuộc khai giáo Trung Bắc đã được Ôn Trên dạy nhiều nơi trong Nam. Nhất là ở Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Liên Hòa Tổng Hội.

Trong niềm vui lẫn nỗi lo, các hướng đạo thiết lập đàn, mời đồng tử Huỳnh Cần Kiệm thủ cơ. Đức Lý Giáo Tông giảng dạy chung tiến trình cơ Đạo. Ngài nhấn mạnh việc truyền Nội Luật ra Trung lúc này, cũng như các hướng đạo và đạo tâm đã ra Trung hay sẽ ra Trung năm nay hoặc sắp tới, báo hiệu chuẩn bị bước vào giai đoạn quan trọng trong năm Mậu Dần, chính thức công khai truyền đạo Trung, Bắc kỳ, hình thành cơ cấu lãnh đạo miền Trung, kịp thời phát triển mạnh mẽ để ứng phó với tình thế sắp tới. Trước kia khai Đạo năm Bính Dần, thì sau chu kỳ mười hai năm cũng chọn năm Mậu Dần công khai nền Đạo ở Trung và Bắc Kỳ.

Bao nhiêu sự kiện đó khiến mọi người nhận định rằng năm Mậu Dần sẽ là năm cơ Đạo Trung Kỳ bành trướng rộng lớn, đúng theo tiến trình Đức Chí Tôn đã dạy: “*Nam Bắc cùng rời*

ra ngoại quốc.”

Vấn đề tìm đất xây dựng Trung Hưng Thánh Tòa cho đến cuối thu năm Đinh Sửu (1937) vẫn chưa xong, thì lại có Thánh lệnh đón tiên bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang trở ra Trung lần nữa.

Các hướng đạo hội ngộ tiên bối Ngọc Chương Pháp tại chùa Tây Thiên. Tiên bối Ngọc Chương Pháp cho biết Ôn Trên dạy về sự phối hợp Trung Nam xây dựng gấp thánh sở để kịp chính thức công khai môi Đạo.

Các hướng đạo miền Trung trình bày với tiên bối Chương Pháp nỗi khó khăn dưới chế độ cai trị bấy giờ, rất khắt khe với Cao Đài. Điều quan trọng nữa là tài chánh thật eo hẹp, bản đạo quá nghèo lại chưa đông mấy. Nếu xây dựng thánh sở quy mô mà không có miền Nam trợ giúp thì khó thành tựu.

Rất thông cảm với tình hình Trung Kỳ, tiên bối Ngọc Chương Pháp cho biết cơ Đạo miền Nam đang bành trướng mạnh, các đạo tâm hào hiệp có nhiều, tuy nhiên các phái đạo đều đua nhau kiến thiết. Tây Ninh đang nỗ lực hoàn tất Tòa Thánh. Tiên Thiên đang phát triển thêm thánh tịnh và Tòa Thánh Châu Minh. Ở Hậu Giang, Tòa Thánh Ngọc Minh và Ngũ Hành Tòa cũng chưa hoàn tất. Còn Bát Quái Đồ Thiên ở Hà Tiên đang trồng cây vào miền Tam Giang. Để tiếp sức cho miền Trung, Ôn Trên chuyển tâm bản đạo nhiều nơi. Tiên bối Ngọc Chương Pháp tin tưởng rằng mọi việc đều nằm trong Thiên ý, nên chờ lập đàn cơ để được chỉ giáo.

Hôm sau, đàn cơ tại thánh tịnh Thanh Quang, Đức Lý Giáo Tông giảng dạy đại ý về việc cổ động xây dựng Trung Hưng Thánh Tòa để các hướng đạo Nam Trung ý thức rõ sứ mạng trọng đại của cơ truyền Đạo tại Trung, Bắc và xương minh sứ mạng trung hưng trong thời mạt pháp. Công cuộc xây dựng to tát ấy còn phải mất nhiều thời gian, phải chuẩn bị đầy đủ mọi

mặt. Nay Ôn Trên chuyển tiền bối Ngọc Chương Pháp ra Trung để hợp sức cùng tiền bối Lê Trí Hiền, các hướng đạo miền Trung gấp rút xây dựng thánh sở tạm thời thay cho Trung Hưng Thánh Tòa để kịp năm Mậu Dần chính thức công khai, hình thành tổ chức giáo hội.

Thánh sở này được mang tên Trung Thành thánh thất. Địa điểm được chọn là Đà Nẵng cho tiện việc tiếp xúc hai miền Nam Bắc.

Thật ra lúc bấy giờ tại thành phố Đà Nẵng chưa có một tín đồ Cao Đài nào cả, trong lúc phong trào chấn hưng Phật Giáo ở Huế và Đà Nẵng rất mạnh.

Tuy nhiên suy nghĩ kỹ, các hướng đạo thấy việc xây dựng thánh sở tại Đà Nẵng quả thực rất quan trọng. Vì đây là đất nhượng địa nên tránh được lệnh cấm Cao Đài của Nam triều, lại dễ công khai giao tiếp với miền Nam. Do vậy, các hướng đạo gấp rút đưa tiền bối Chương Pháp Trần Đạo Quang đi Đà Nẵng, đến tá túc tại chùa Phật Bảo Nghiêm bên đường Đỗ Hữu Vị (nay là Hoàng Diệu). Vị trụ trì chùa Bảo Nghiêm rất mến mộ tiền bối Ngọc Chương Pháp, đồng thời có tinh thần tán trợ nền tôn giáo mới, nên bằng lòng cho mượn toàn bộ chùa và tặng xá trong ba tháng. Nhà sư chỉ giữ lại một phòng riêng mà thôi.

Đầu tháng 10 Đinh Sửu (1937), tiền bối Ngọc Chương Pháp đến tạm trú tại chùa này. Chăm sóc cho tiền bối có nữ tu Thanh San từ miền Nam ra. Các tiền bối Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Quang Châu, đồng tử Thanh Long thay phiên nhau hầu việc để tiến hành công cuộc xây dựng thánh thất Trung Thành.

Tiền bối Ngọc Chương Pháp đến trọ tại chùa Bảo Nghiêm mấy hôm thì dân chúng loan truyền rằng có ông Lão Sư ở Sài Gòn trông như là ông tiên vừa ra Trung truyền đạo Cao Đài.

Vì thế đông người tò mò đến xem mặt tiền bối.

Người có đạo tâm tìm đến hỏi đạo. Người háo thắng đến vấn nạn lý này sự kia. Tất cả đều được tiền bối Ngọc Chương Pháp đón tiếp ân cần. Qua đó, nhiều người tìm được giá trị thiêng liêng của kiếp sống con người, thế nên chẳng những họ đã tự nguyện cầu đạo mà còn tìm cách vận động người khác đến cầu đạo, mặc dù thánh sở chưa có. Cũng nhờ đó các hướng đạo được giới thiệu khu đất bốn sào tây ở làng Thạch Gián, trên đường Đỗ Hữu Vị, nội ô thành phố. Tiền bối Ngọc Chương Pháp mua khu đất này và đứng tên theo căn cước là Hà Văn Thuận.

Có đất rồi, các hướng đạo liền phân công nhau dựng nhà Thánh tạm để có nơi cúng bái và làm lễ nhập môn cho môn đạo mới. Đồng thời có chỗ lưu trú cho các hướng đạo đang lo việc xây dựng thánh thất Trung Thành.

Việc đặt kế hoạch, lo phép tắc xây dựng do các tiền bối Nguyễn Đán (Như Sơn), Nguyễn Hồng Phong và số môn đạo mới ở Đà Nẵng. Các tiền bối Nguyễn Quang Châu, Trần Công Ban, Thanh Long Lương Vĩnh Thuật vẫn lo việc phổ độ.

Đối với tiền bối Thanh Long Lương Vĩnh Thuật, lúc này hơn lúc nào hết, niềm phấn khởi dâng cao. Ánh sáng Thiêng Liêng như đang soi rọi từng mỗi tâm hồn thiện đạo. Mừng nhất là tiền bối Lê Trí Hiền đã thỏa thông về một ý kiến bất đồng với hai tiền bối Ngọc Chương Pháp và Bảo Đạo Cao Triều. Chẳng là kỳ ra Trung lần trước các đạo hữu Hà Tư (xã Ngại), Nguyễn Đình Lý (giáo Mai) trình tiền bối Ngọc Chương Pháp xin một hiệu thất ở Trung Lộc. Tiền bối Chương Pháp dựa theo phái Ngọc của mình cho hiệu thất là Ngọc Vân. Nhưng tiền bối Huỳnh Hiền quan niệm hiệu thất là do Đức Lý Giáo Tông ban.

Với tiền bối Cao Triều, việc cho bản đạo thỉnh kinh sách tại chùa Tây Thiên tuy vượt được trở ngại với chính quyền nhưng tiền bối Hường Hiền cho rằng còn quá sớm trong việc phổ biến kinh sách Việt ngữ, vì xứ Trung, Bắc Kỳ là đất Nho học, Phật Giáo đang thời chấn hưng. Kinh Cao Đài bằng quốc ngữ sẽ bị giới trí thức xem thường.

Do vậy trong khi các hướng đạo Nam Trung hăng hái tiến hành xây dựng thánh sở tại Đà Nẵng thì tiền bối Hường Hiền tỏ ra không mặn mà lắm.

Nhưng rồi tại thánh thất Nam Trung Hòa, tiền bối Lê Trí Hiền nhận được Thánh lệnh từ trong Nam gửi ra nội dung giải thích về việc Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang cho hiệu thất Ngọc Vân và tiền bối Cao Triều Phát đưa kinh sách quốc ngữ ra Trung. Thánh giáo khuyên tiền bối Lê Trí Hiền hãy nhận định trước vận hội mới, nền tôn giáo mới ra đời ở Việt Nam, tất nhiên phải chính thức dùng Việt ngữ. Chưa nói cần phổ cập đại chúng, hãy nhìn vào sứ mạng trọng đại, đừng chấp nê tiêu tiết, hãy nhìn vào tiền đồ Đại Đạo, lo đồng tâm nhất trí xây dựng. Thánh giáo có câu:

*Đạo Quang thất, Triều Phát kinh
Ngọc Vân, quốc ngữ còn nhìn không xuôi...*

Trong dịp này, còn có đàn cơ Đức Quan Thánh Đế Quân chuyển lệnh Đức Giáo Tông cho thánh sở Trung Lộ là Trung Quang thánh thất thay thế hiệu thất Ngọc Vân. Thiêng Liêng giải thích sở dĩ hiệu thất này đến nay mới ban cho vì số tín đồ khi trước chưa đủ và còn chờ sự ra đời của thánh thất Trung Thành

Nghiệm lại thánh giáo của Đức Đông Phương Lão Tổ tiền đoàn sứ giả đưa đạo về Trung ngày mùng 8 tháng 9 tại thánh tịnh Đại Thanh mới thấy Ôn Trên đã cho biết trước mọi việc:

*Nam đã đành Trung Kỳ đến lúc
Trung khó khăn cho cuộc hành trình.*

...

*Dần thành lập Trung Thành thánh thất
Là cái ngày đạo mạch lưu thông.⁽⁵⁾*

Tất cả mọi người đều nô nức, chung tâm hiệp trí, mỗi người mỗi việc để cất tạm ngôi thánh thất cho có nơi lễ bái. Mỗi ngày có từ 15 đến 20 người từ quê ra làm công quả. Dựng ba gian nhà gỗ lợp tranh. Gian giữa thiết trí Thiên bàn, phía sau có phòng khách, nhà nghỉ của tiền bối Ngọc Chưởng Pháp. Đông lang cho nữ phái và nhà bếp. Tây lang dành cho các hướng đạo và khách xa.

Ngôi thánh thất tạm thời được an vị vào tháng Chạp Đinh Sửu (1937). Sau đó tiền bối Ngọc Chưởng Pháp trả lại chùa Bảo Nghiêm, về trụ trì tại đây, tiến hành việc xây dựng thánh thất quy mô và lo việc phổ độ.

Người nhập môn bắt đầu đến lập nguyện rất đông, trong đó đáng chú ý là Carlos (một người Pháp lai, nhân viên thương chánh Pháp, cũng là người của sở mật thám), và ông Ba Thái (Thái) là một tay anh chị đất Đà Nẵng. Hai con người đáng ngại này vì kính nể đức độ của tiền bối Ngọc Chưởng Pháp mà nhập đạo.

BỐN

Tại Minh Kiến Đài (Gò Vấp, Gia Định) vào đêm giao thừa Mậu Dần (1938) có đàn cơ Thiêng Liêng dạy ông bà Huỳnh Văn Phát đưa đồng tử ra thánh thất Nam Trung Hòa hiệp với

⁽⁵⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 16-17.

tiền bối Lê Trí Hiển vào ngày mùng 8 tháng Giêng lập đàn để Ôn Trên ban lệnh về cơ Đạo tại Trung Kỳ.

Ông bà Huỳnh Văn Phát ở Gia Định là một điền chủ có sản nghiệp vào bậc khá ở miền Nam. Ông bà đã xuất tài sản công quả xây dựng thánh tịnh Minh Kiến Đài tại làng Thông Tây Hội, quận Gò Vấp, về sau còn góp công quả xây cất thánh tịnh Liên Hoa Cửu Cung ở làng Linh Xuân, quận Thủ Đức. Nay lại có Thánh lệnh tiếp trợ cho cơ Đạo miền Trung.

Mặc dù chưa gặp tiền bối Lê Trí Hiển, cũng chẳng biết thánh thất Nam Trung Hòa nhưng vì Thánh lệnh quá gấp nên ông bà và hai người con trai là Huỳnh Văn Hải, Huỳnh Văn Hay và đồng tử Án (14 tuổi), đọc giả Điều dùng chiếc ô tô du lịch Ford de luxe là phương tiện riêng để có thể làm chủ được thời gian và lộ trình. Các vị khởi hành ngày mùng 6, khi đến Nha Trang lại có chiếc Traction của người đạo hữu bà con là Vũ Văn Phương đuổi theo nhập đoàn. Trên xe có Huỳnh Văn Huyền (con ông bà Phát), điển ký Giáo Chơi, và người bà con với ông bà Phát là Mười Hơn. Tổng cộng hai xe là mười người, đến Quảng Nam vào 2 giờ chiều ngày mùng 7 và rất dễ dàng tìm đến nhà tiền bối Lê Trí Hiển.

Về phía tiền bối Lê Trí Hiển tại Nam Trung Hòa cũng có đàn cơ cho biết việc ông bà Phát ra Trung, nên rất kịp thời đón tiếp. Chiều xuân hôm ấy Nam Trung gặp gỡ, tuy sơ ngộ mà niềm vui đến vô hạn trong tình đạo mạch chan chứa.

Tối hôm ấy thiết lập đàn cơ, Đức Hưng Đạo Vương và Đức Quan Thánh lâm đàn, cổ vũ tinh thần Nam Trung hòa hợp. Lại có lời chỉ giáo năm Mậu Dần là năm quan trọng cho cơ Đạo miền Trung. Thánh ý chuyển ông bà Huỳnh Văn Phát và bộ phận Hiệp Thiên Đài ra Trung lần này mục đích dự đàn cơ phong Thánh tại Ngũ Hành Sơn vào mùng 9 sắp tới. Tất cả những gì đang đến cho cơ Đạo quả thật làm mọi người vô

cùng hưng phấn.

Chiều mùng 8, đoàn hướng đạo đến chân Ngũ Hành Sơn,⁽⁶⁾ gởi xe rồi theo từng cấp bậc đá đặng sơn. Cả đoàn người dắt nhau lên đến chùa Tam Thai nghỉ chân, ngắm Vọng Giang Đài, nhìn tổng quát về sông ngòi, ruộng đồng, bãi cát, rừng dương. Cảnh trí toàn vùng đang hưng vượng xuân khí với núi sông, đồng bãi và bể rộng mênh mông. Bóng chiều xuống, ánh hoàng hôn càng thêm vẻ huyền ảo cho bối cảnh của một sứ vụ thiêng liêng.

Đoàn người nghỉ chân, ăn cơm tối tại chùa Tam Thai, đến 10 giờ mới vào Huyền Không Động⁽⁷⁾ lập đàn, do đồng tử

⁽⁶⁾ *Ngũ Hành Sơn*: Tức núi Non Nước ở bờ biển Non Nước (Đà Nẵng), nằm trên đường Đà Nẵng - Hội An, cách Hội An 18km. Ngũ Hành Sơn gồm sáu hòn núi đá vôi nằm bên bãi biển. Truyền thuyết cho rằng đây là mảnh vỡ của một quả trứng rùa thần khổng lồ. Vua Minh Mạng (1820-1840) đặt tên theo ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Riêng ngọn Hỏa Sơn gồm có hai, một âm một dương. Ở đây có làng nghề chuyên đục tượng bằng đá non nước. Nay đã cấm khai thác đá Non Nước. Người làm nghề phải mua đá ở Thanh Hóa. Khách du lịch đến Ngũ Hành Sơn thường thăm các điểm:

- Vọng Giang Đài, Vọng Hải Đài.

- Động Hoa Nghiêm, Động Huyền Không: Một động ở ngoài, một động ở trong thông nhau. Động Huyền Không rất đẹp, lòng động cao 30m, thông lên đỉnh.

- Động Vân Không có hang nhỏ dẫn lên đỉnh.

- Động Tàng Chơn gồm động Chiêm Thành, Hang Gió, động Bàn Cờ.

- Động Âm Phủ: Ở chân núi có đường hầm thông ra biển.

⁽⁷⁾ *Huyền Không Động*: Động đá thiên nhiên hình chóp, rộng độ 30m cao trên 100m, miệng đỉnh độ 3m. Khi trời mưa nước không đổ vào động. Những ngày nắng ánh sáng chiếu dịu nhẹ. Những đêm trăng

Thanh Long thủ cơ.

Đàn cơ đêm đó, đầu tiên Đức Giáo Tông đến cho bài tứ tuyệt vịnh Huyền Không Động, tiếp theo dạy về sứ mạng phổ truyền chơn đạo, trung hưng chánh pháp với tinh thần không chi phái để hình thành cơ Đạo Trung Bắc. Đức Giáo Tông cho biết Đấng Chí Tôn lấy chu kỳ mười hai năm kể từ Bính Dần khai Đạo đến năm Mậu Dần chính thức công khai nền Đạo ở miền Trung. Sẽ lập Quyền Hội Thánh theo Nội Luật đã ban trao, để có pháp quyền độ rỗi nhân sinh. Sự vận chuyển hướng đạo miền Nam ra Trung để hợp sức xây dựng nêu cao tinh thần hòa nhất chuẩn bị đưa Đạo rộng mở ra miền Bắc.

Tiếp theo, đàn thứ hai do đồng tử miền Nam thủ cơ. Đức Cao Đài giảng dạy và phong Thánh:

*Hỡi các con Nam Trung Hòa thất
Tuân hành theo Nội Luật Thầy phê
Bắc Trung Nam vẹn một bề
Thiên ân tứ phúc bằng để danh cao.
HIỂN, con đứng hô hào sanh chúng
Thầy sắc phong tạm dụng pháp quyền
Có nhân mà cũng có Thiên
Thiên nhân hiệp nhất mỗi giềng Thầy ban.
HIỆP LÝ viện sắc đàn Không Động
Cây trồng con chèo chống lái lèo
KHAI con bằng ngọc danh nêu
GIÁO SƯ phẩm vị dất đều Thanh Quang.
Trải mấy năm khổ nài lao lý
Chí thương đời vong kỷ duy tha*

bóng nguyệt soi hiền hòa. Thêm vào đó có tiếng giọt nước nhỏ từ trên cao xuống kêu boong boong, cảnh trí thêm huyền ảo.

*Con đường sứ mệnh còn xa
Càng ra bề cả phong ba còn nhiều.
SƠ tâm chánh mấy điều Thầy dạy
Biết bao phen hồ hải thân con
Từ Quang thất trẻ lo tròn
Độ nhân sinh biết chịu lòng ái tha.
Nay ngọc bệ Thiên Tòa sắc chỉ
GIÁO HỮU phong danh vị Thầy trao
Vị cao trách nhiệm càng cao
Vững vàng tay lái ba đào sá chi.⁽⁸⁾*

Sáng hôm sau, mùng 9 tháng Giêng, tất cả đều về thánh thất Nam Trung Hòa để kịp lễ vía Thầy. Sau đó ông bà Huỳnh Văn Phát và phái đoàn chúc mừng tiên bối Lê Trí Hiền về chức vụ Hiệp Lý, chúc mừng các hướng đạo miền Trung đã được nhiều ân tứ trong sứ mệnh và cáo biệt về Nam.

Tiền bối Ngọc Chương Pháp cũng gấp rút về Nam lo vận động việc hỗ trợ về tài chánh, lương thực để kịp trở ra lo xúc tiến xây dựng thánh thất Trung Thành.

Giai đoạn này tại miền Nam nhiều đàn cơ cổ vũ tinh thần hướng về cơ Đạo miền Trung. Vào tháng 2 Mậu Dần (1938), hai tiên bối Nguyễn Thế Hiền và Nguyễn Bửu Tài được lệnh Thiêng Liêng ra Trung giúp sức tiên bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang. Hai tiên bối Nguyễn Thế Hiền và Nguyễn Bửu Tài ra thẳng Đà Nẵng gặp tiên bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang và các hướng đạo miền Trung. Hai vị cùng đọc lại thánh giáo Nam Trung dạy về việc tạo lập thánh thất Trung Thành, đồng thời nghe trình bày về kế hoạch và diễn

⁽⁸⁾ Ngũ Hành Sơn, 09-01 Mậu Dần (08-02-1938). Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 73.

tiến công trình. Hai vị rất tán trợ công trình này vì theo Thánh ý đây là công cuộc hệ trọng trong sứ mạng khai giáo Bắc Trung. Hai tiên bối hứa về Nam sẽ vận động đạo tâm tích cực ủng hộ.

Khi bàn đến việc xin phép nhà nước, hai tiên bối tỏ ra lạc quan, vốn có tính khôi hài tiên bối Nguyễn Bửu Tài bảo:

- Việc này là của ông Trời mà xin phép ai. Hơn nữa Đức Thánh Trần chỉ đạo thì cứ làm, nếu có gì thì nín áo Ngài. Chẳng lẽ mấy lần đánh đuổi được quân Tàu mà nay không điều khiển được ba anh Lang Sa này.

Tiên bối Hiệp Lý Lê Trí Hiền bảo:

- Tiên Thiên xây dựng bao nhiêu thánh tịnh trong miền Nam có xin phép ai đâu. Có lẽ việc này phải triệu đến người hùng tạo tác Lê Kim Ty mới được.

Việc đạo xong, hai tiên bối Nguyễn Thế Hiền và Nguyễn Bửu Tài vào thăm Quảng Nam, nhân tiện tiên bối Nguyễn Bửu Tài ghé làng Bào An, viếng từ đường tộc Lương của phía ngoại. Xong đâu đó hai vị trở ra Đà Nẵng cáo từ tiên bối Ngọc Chương Pháp, đi thăm Huế, rồi về lại Sài Gòn.

Hai tiên bối Ngọc Chương Pháp, Cao Triều Phát ra Trung liên tiếp mấy lần, lại thêm các tiên bối Huỳnh Văn Phát, Nguyễn Trí Hiền, Nguyễn Hữu Tài cũng nối tiếp ra Trung, chứng tỏ sự tán trợ của đạo tâm miền Nam đối với cơ Đạo miền Trung rất mạnh.

Cùng với sự hội tụ nhân duyên đó, lại có tin đồn rằng Sài Gòn sắp có xe chở tiền và người ra Trung xây dựng Tòa Thánh. Điều này khiến một số người có ý tư lợi muốn tranh nhau đưa tay chân vào thực hiện công trình. Họ tìm cách gièm pha chỉ trích, nói xa nói gần rằng sự nghiệp Cao Đài miền Trung do miền Trung đứng ra chủ trương, đầu miền Nam có

ra cũng chỉ là phụ giúp... Họ còn tìm cơ hội lấy cảm tình với tiên bối Hiệp Lý Lê Trí Hiền để mong được lãnh đầu.

Trung tuần tháng 2, toàn thể các hướng đạo tề tựu về thánh thất tạm tại Đà Nẵng lập đàn xin Ông Trên dạy việc. Đức Chí Tôn giáng, bảo Carlos (người tây lai mới nhập môn) ra mái tranh lấy phong thư và mời lửa vào kéo cháy nhà. Cơ viết:

Để Thầy trả lời mấy lời thơ của con TVT muốn hỏi rồi các con sẽ mở phong bì ra đọc cho toàn đàn cùng nghe.

*Rõ thấu lòng con trẻ hỏi đây
Càng thêm đau đớn thừa tâm Thầy
Độ đời mệt kiếp đương nhiều mặt
Cứu thế Kỳ Ba phải đủ tay
Khôn dại hư nên Thầy cũng độ
Thành không mạng vận trẻ nghe này
Bóp lòng khó giải lời tâm hỏi
Lửa đốt khuyên con biết có Thầy.*

Cả đàn sùng sốt vội mở phong bì có bài thơ của người giầu mặt, chỉ ký tên TVT:

*Lòng thành xin hỏi mấy lời đây
Nếu thật không trung quả có Thầy
Cứu thế bao nài con cực khổ
Độ đời há lại thiếu gì tay
Dùng chi những bọn hàng tâm cá
Cơ hội ngày nay đến nỗi này
Muôn lỗi xin dùng mỗi lửa đốt
Trung Thành đốt cháy ắt không Thầy.⁽⁹⁾*

Sự kiện này khiến đức tin của đạo chúng dâng cao.

⁽⁹⁾ Theo *Hồi Ký* Thanh Long Lương Vĩnh Thuật.

TRUNG THÀNH THÁNH THẤT

MỘT

Với trách nhiệm phò loan của đoàn hướng đạo, tiền bối Thanh Long nghĩ rằng nhiệm vụ thông công giữa Thiêng Liêng và con người thật là hệ trọng vì có Trời mà cũng có người. Nên tiền bối muốn có thời gian và không gian đặt mình vào tĩnh lặng mới có thể thanh lọc được tạp trần, tiếp được ơn thánh điển. Tiền bối xin lệnh Thiêng Liêng, chọn núi Tiên Sa (Sơn Trà, Đà Nẵng) cùng với tiền bối Bạch Hồ thực hiện ý định. Theo chăm lo hai tiền bối có ông đạo Năm, người đã từng tu ở núi Thất Sơn (Châu Đốc) và Bà Đen (Tây Ninh).

Các vị chọn vị trí thích hợp xây cốc tạm, lập thời khóa sinh hoạt. Mỗi ngày công phu tham thiền bốn thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Ngoài việc ăn uống ngủ nghỉ, vệ sinh giặt giũ, còn có giờ thám du để tham quan cảnh trí núi rừng, cũng để tìm một vị trí thích hợp nhất cho tương lai lâu dài. Những thì giờ còn lại đọc kinh sách, thánh ngôn, thánh giáo và thỉnh thoảng cùng nhau thảo luận.

Tiền bối Thanh Long vốn thích núi non, rừng rú, ưa tĩnh lặng. Tiền bối Bạch Hồ là người rất hồn nhiên, thích tự nhiên, vui với cái lạ. Mặc dù có vài trở ngại về môi trường như khí rừng, nước uống, sự khuấy phá của khí vượn, cả hai tiền bối đều cảm nhận đích thực được ý nghĩa “lan nhã” đối với người tu.

Tuy vào chôn cách biệt, nhưng có tin lập đàn thì các vị trở

về lo bồn phận ngay.

Độ ấy đang tuần trăng nguyên tiêu, đêm thanh, sương mờ, cảnh trí huyền ảo. Lại thêm tiếng côn trùng ni non như khúc nhạc tịch trần, gieo vào tâm thức con người một tác dụng giữa cảnh và tâm. Cảnh là duyên, trợ cho tâm, tâm hòa vào cảnh để rồi đạt đến trạng thái không cảnh không tâm.

Đêm đó sau giờ tu Tý, bỗng có tiếng thú rừng kêu la oang oác, nghe chùng như trên đỉnh núi chạy xuống triền. Thấy hai tiền bối Thanh Long, Bạch Hồ có vẻ hốt hoảng, ông đạo Năm vội trấn an:

- Không sao đâu, đó là loài mang ở núi. Chúng la như vậy là báo hiệu có điềm lạ. Dân sơn cước có câu “mang lạc nát làng”, nghĩa là nơi nào có mang chạy lạc xuống thì nơi ấy có chuyện xảy ra.

Ông Năm giải thích như vậy nhưng lại trùng hợp. Sáng hôm sau có thánh lệnh từ Vĩnh Nguyên Tự⁽¹⁾ triệu tập đồng tử Thanh Long vào dự đại hội Hiệp Thiên Đài ở Bạch Long Cung.⁽²⁾

Tiền bối Thanh Long lập tức tuân hành mặc dù chưa biết Vĩnh Nguyên Tự và Bạch Long Cung ở đâu. Tiền bối nghĩ

⁽¹⁾ *Vĩnh Nguyên Tự*: Ngôi chùa xưa tạo lập năm 1908 tại Cần Giuộc (Long An), do ngài Lê Văn Tiếng (tức Thập Địa Lão Sư Lê Đạo Long tu theo Tam Giáo Minh Sư, chứng quả vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn). Năm 1926, chùa này trở thành thánh thất đầu tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

⁽²⁾ *Bạch Long Cung*: Một trong 72 thánh tịnh của Cao Đài Tiên Thiên do tiền bối Nguyễn Tấn Hoài tạo lập tại Giồng Luông (Bến Tre). Tiền bối (cũng gọi Hội Đồng Hoài) là một đại gia ở Bến Tre, là hào hớn võ nghệ cao cường từng bắt sống hai tên cướp Mây và Mưa khét tiếng bấy giờ. Khi ngộ đạo tiền bối đem hết nhiệt tình chăm lo cho Đạo, được Thiên phong phẩm vị Ngọc Đầu Sư.

thánh tịnh Đại Thanh là chốn cũ, cứ vào đó sẽ hay. Đến nơi, tiên bối được cho biết là hãy đến thánh tịnh Minh Kiến Đài (của ông bà Huỳnh Văn Phát) là trạm liên lạc, sẽ có Bảo Pháp Trần Thanh Thoi đón và hướng dẫn tham dự đại hội.

Mục đích đại hội này là gặp gỡ, giới thiệu các thành phần Hiệp Thiên Đài để hiểu rõ chủ trương của đại hội, thảo luận một số vấn đề cơ bản về vai trò thông công của Hiệp Thiên Đài. Hiệp Thiên Đài các chi phái phải thường xuyên giao hảo để học hỏi giúp đỡ lẫn nhau. Nhờ đó nhiệm vụ thông công mới nhất quán trong việc tiếp nhận Thiên điển và vấn đề tiến đến thống nhất mỗi Đạo mới có cơ thực hiện được. Đại hội đã chấp thuận thành lập một Hội Quán Hiệp Thiên Đài tại Vĩnh Nguyên Tự.

Lần đi này tiên bối Thanh Long có dịp giao lưu khắp Tiền, Trung, Hậu Giang (Tam Giang), gặp gỡ năm mươi đồng tử nam nữ, từ Tiên Thiên, Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, Minh Chơn Đạo... Cũng là cơ hội tiên bối diện kiến tiên bối Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Đầu Sư Nguyễn Tấn Hoài, Thượng Phẩm Huệ Mỹ Chơn. Điều quan trọng hơn hết là được tiên bối Huệ Lương Trần Văn Quế trao Thánh lệnh chuyển về Trung cho tiên bối Ngọc Chương Pháp.

Tiên bối Thanh Long lên xe lửa về thánh thất Trung Thành ở Đà Nẵng, đặt phong bì Thánh lệnh ở bưu điện, rồi rước tiên bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang đến tiếp nhận. Tiên bối Giáo Hữu Nguyễn Đán cung kính nhận Thánh lệnh từ tay tiên bối Ngọc Chương Pháp và tuyên đọc.

Theo Thánh lệnh, Thiêng Liêng truyền dạy tiên bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang và các hướng đạo Trung Kỳ phải xây dựng thánh thất Trung Thành cho kịp khánh thành ngày mùng 8 tháng 4 Mậu Dần và mở Đại Hội Long Vân Đệ Bát...

Từ lúc mua được khu đất ở đường Đỗ Hữu Vị lập ngôi thánh thất tạm có chỗ thờ phượng sinh hoạt lễ bái, các hướng đạo dốc hết sức lo việc xin phép xây cất chính thức thánh thất Trung Thành, nhưng vẫn còn nhiều trở ngại. Nay lại có Thánh lệnh thôi thúc gấp rút xây cất để tổ chức khánh thành, tiên bối Lê Trí Hiền không khỏi bối rối, rồi nghĩ đến một người quen cũ là Phó Sứ người Pháp ở Thanh Hóa, bấy giờ đã chuyển về Phủ Toàn Quyền Hà Nội. Nên tiên bối cho lập hồ sơ, chuẩn bị đi Hà Nội nhờ người con rể (Cử Nhiếp) dịch sang tiếng Pháp đồng thời làm thông ngôn cho việc tiếp xúc.

Công việc đang tiến hành thì nghe tiên bối Thượng Chương Pháp Lê Kim Ty nhận lệnh ra Trung để tiếp sức. Tiên bối Huệ Lý Lê Trí Hiền và các hướng đạo cảm thấy có sự vận chuyển rất nhiệm mầu của Thiêng Liêng. Nhân vật nổi tiếng là “người hùng xây dựng” này đến Đà Nẵng thì chắc sẽ thành công tốt đẹp. Vì vậy việc chuẩn bị ra Bắc tạm dừng lại, chờ tiên bối Thượng Chương Pháp ra Trung.

HAI

Đàn cơ đêm mùng 1 tháng 9 Giáp Tuất (1934) tại thánh tịnh Đại Thanh (Gò Vấp, Gia Định) do đồng tử Liên Hương thủ cơ. Đức Cao Đài giảng dạy tiên bối Thượng Chương Pháp Lê Kim Ty đã đến thời kỳ khai giáo Bắc Trung, mà muốn phổ thông Chơn Đạo ra Bắc thì phải xây dựng vững chắc cơ Đạo miền Trung. Đức Cao Đài giao cho tiên bối Lê Kim Ty nhiệm vụ đỡ đầu bộ phận Tứ Linh Đồng Tử, còn trách nhiệm hướng dẫn đoàn sứ giả Đức Cao Đài giao cho tiên bối Trần Công Ban làm pháp đàn, Thân Đức Giang điển ký, Trần Quang Châu đọc giả, sau sẽ trọng dụng.

Tiên bối Lê Kim Ty bạch:

- Con biết xứ Trung Kỳ dưới hai chế độ cai trị rất là khế khắt, nền đạo mới Cao Đài lại bị nghiêm cấm, con rất lo ngại các em con không hoàn thành được sứ mạng. Theo ý phàm, con xin Thầy từ bi giao phó trọng trách cho vị hướng đạo có tên tuổi, có uy thế xã hội, có chí hy sinh để dẫn dắt các em con mới mong làm tròn sứ mạng Thầy giao phó. Nếu không có vị nào nhận lãnh, con xin phép Thầy cho con ra Trung Kỳ lần này.

Đức Cao Đài trả lời: “Thầy rất ngợi khen con vì Đạo, vì nhân sinh. Điều con ưu tư rất đúng. Nhưng con ôi! Trước kia Trương Hữu Đức nguyện mở đạo Trung Kỳ, Thầy thuận cho nhưng đã làm được đâu. Đến Vương Quan Kỳ, Nguyễn Ngọc Thơ xin ra Trung cũng bất thành. Nếu bảo là danh vọng uy thế ở đời này thì các con ấy đã thành công rồi. Nay Thầy quyết giao sứ mạng truyền đạo Trung Kỳ cho các em con là những kẻ vô danh. Con hiểu ý Thầy chưa? Dầu vậy con hãy hết lòng hộ trì chúng nó mới được. Con phải ở miền Nam lo cơ đạo Tiên Thiên. Đến lúc nào cần Thầy sẽ chuyển con. Hãy tuân ý Thầy.”

Giai đoạn này là lúc cần đến tiền bối Lê Kim Ty. Ông Trên đã có Thánh lệnh cho tiền bối, đại ý là vì nguyện vọng, vì sứ mạng khai giáo Bắc Trung từ năm Giáp Tuất (1934), nay tiền bối phải ra Trung Kỳ, nhận lãnh trọng trách tạo lập thánh thất Trung Thành kịp ngày đã định chính thức công khai mỗi đạo.

Tiền bối vội thu xếp lên đường, vừa kịp lúc các tiền bối Nguyễn Thế Hiển, Nguyễn Bửu Tài ở Trung về trình bày tình hình cơ đạo tại Trung Kỳ với Hội Thánh Tiên Thiên. Tiền bối Thượng Chương Pháp nhờ thế nắm rõ thêm vấn đề.

Ngồi trên con tàu xinh xịch ra Trung, mấy câu Thánh thi của Ngọc Quế Chi Lan lại chợt hiện về trong trí tiền bối Lê Kim Ty:

*Xa xuôi ngàn dặm gánh ra đi
Hẹn sẽ theo em để hộ trì
Cái dễ chẳng ngoài trong cái khó
Dắt nhau quyết thắng đến trường thi.*

Tiền bối Thượng Chương Pháp tin rằng mọi việc đang được các Đấng hộ trì trong đó có Lục Mi Chơn Thánh (Lê Văn Liêm) và Ngọc Quế Chi Lan Thần (Lê Văn Bặc) và chính tiền bối cũng đang làm công tác hộ trì thật đặc lực. Tiền bối suy tính rằng sẽ nhờ một nhân sĩ người Pháp là De Beaumont, có nhiều thanh thế với Pháp ở Đông Dương. Được biết De Beaumont đang công cán ở Hà nội nên tiền bối Thượng Chương Pháp viết một lá thư cho De Beaumont và muốn sớm hội kiến với hai tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, Hiệp Lý Lê Trí Hiền và các hướng đạo tại Đà Nẵng, để bàn tính kế hoạch tiến hành.

Đêm mùng 4 tháng 3 Mậu Dần (1935) cuộc họp đầy đủ các tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, Hiệp Lý Lê Trí Hiền, Lê Kim Ty. Giáo Sư Chơn Khai tường trình về Thánh ý từ trước và cơ Đạo miền Trung, tiến đến việc xây dựng thánh thất Trung Thành, trước mắt là những khó khăn về phép tắc đối với Tòa Công Sứ tại Đà Nẵng.

Tiền bối Chương Pháp Lê Kim Ty bày tỏ rằng tất cả những diễn biến của cơ Đạo miền Trung tiền bối hiểu khá đầy đủ, nên trước khi ra Trung tiền bối đã có chuẩn bị. Một là họa đồ kiến trúc thiết kế đúng luật lệ cần phối kiểm lại. Tiền bối bảo rằng sẽ nhờ nhân sĩ De Beaumont can thiệp với Phủ Toàn Quyền, nhưng trước hết tiền bối sẽ đến tiếp xúc với Công Sứ tại Đà Nẵng để giữ phép theo hệ thống, tránh những trở ngại.

Được Carlos vận động liên lạc với Tòa Công Sứ tại Đà Nẵng, tiền bối Thượng Chương Pháp Lê Kim Ty đến gặp Phó Công Sứ, trình bày việc xin phép xây cất thánh thất Cao Đài.

Vốn biết tiếng nhà thầu khoán nổi danh ở miền Nam, viên Phó Sứ tỏ ra có thiện cảm, phân trần về sự khó khăn của quan địa phương người Pháp đối với luật lệ của chính phủ Nam triều. Tuy nhiên để lưu chút cảm tình, viên Phó Sứ mách rằng nên nhờ Phủ Toàn Quyền ở Hà Nội có tiếng nói thì tốt hơn.

Điều này đúng theo hướng đã toan tính, cảm thấy nắm chắc sự thành công nên tiền bối Lê Kim Ty cảm ơn rồi giã từ.

Về gặp các hướng đạo Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Đán, Ngọc Chương Pháp, và ban tạo tác, tiền bối Lê Kim Ty hỏi thúc việc chuẩn bị làm các trại mộc, trại hồ, nhà ăn, chuẩn bị đầy đủ vật liệu nhân công... Tiền bối hẹn nhất định một tuần đi Hà Nội sẽ trở về và khởi công ngay.

Ra Hà Nội vào sáng ngày mùng 8 tháng 3 Mậu Dần (1938), chiều hôm đó tiền bối Lê Kim Ty tìm gặp nhân sĩ De Beaumont và được mời cơm ở nhà hàng Métropole. Đồng thời De Beaumont báo tin mừng là khi được thư của tiền bối Lê Kim Ty ông đã trình bày với Phủ Toàn Quyền rồi, đang có can thiệp với Công Sứ Đà Nẵng, chờ vài hôm sẽ có kết quả.

Đúng như dự tính, sáng ngày 12 tiền bối Lê Kim Ty nhận được tin là Công Sứ Đà Nẵng đã nhận lời. Chương Pháp Lê Kim Ty mừng vui vô hạn, vội đến cảm tạ De Beaumont và từ biệt về Đà Nẵng mà lòng dậy lên niềm phấn khởi như một tương thắng trận ca khúc khải hoàn.

Tiền bối Lê Kim Ty lần tay tính chỉ còn hai mươi hai ngày nữa là đến thời hạn Thiêng Liêng ấn định lễ khánh thành (mùng 8 tháng 4). Tuy vậy, vào đến Huế tiền bối không ghé thăm nhà cách mạng Phan Bội Châu.

Ngồi trên xe kéo đến Bến Ngự, tiền bối thấy có người bám theo sau xe. Khi đến cổng nhà cụ Phan, xe kéo dừng, người kia cũng dừng lại. Biết là nhân viên mật thám dò xét nên tiền

bối gọi đến trao cho một danh thiếp bảo về trình với Sở Liêm Phóng rồi ung dung vào thăm cụ Phan.

Đàm đạo suốt ba tiếng đồng hồ, nhà cách mạng Sào Nam rất thán phục tinh thần xiển dương quốc đạo của người Cao Đài và bày tỏ lòng tôn sùng giáo thuyết đồng nguyên Nho, Thích, Đạo. Trước khi từ giã cụ Phan, tiền bối Lê Kim Ty kính biếu cụ hai mươi đồng tỏ chút lòng của tiền bối và bản đạo Cao Đài. Sau đó tiền bối đến thẳng Sở Liêm Phóng Huế nói rõ việc công khai thăm viếng cụ Phan Sào Nam rồi đáp tàu hỏa về Đà Nẵng.

Ngồi trên tàu tiền bối Lê Kim Ty lấy giấy bút soạn sẵn kế hoạch để về đến nơi là thi hành ngay.

BA

Phép tắc xong, chương trình tiến hành như hoạch định. Hôm ấy rằm tháng 3 Mậu Dần, bản đạo ở miền quê về rất đông. Tiền bối Lê Kim Ty nhân đó phát động tinh thần chung sức, chung lòng tạo tác thánh sở. Tiền bối trình bày kết quả chuyến đi của mình và phương hướng thi công xây dựng. Mọi người đều hào hứng hưởng ứng rất nhiệt tình. Sau đó tiền bối họp toàn ban tạo tác phân chia công việc, tiến hành cùng làm một lúc cả Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, tường thành, cổng ngõ... Thợ và nhân công lập thành hai ban, một ban làm ngày, một ban làm đêm.

Mọi việc phân công phân nhiệm xong, phần tiền bối Lê Kim Ty điều hành tổng quát, trực tiếp đôn đốc mọi ban, mọi phần việc. Mỗi ngày tiền bối dậy sớm đến ngay công trường xem xét tiến trình xây dựng, cả về các nguồn vật liệu cung cấp.

Hôm ấy tiền bối đang đứng rửa mặt, nhà thầu cung cấp đến giao cát. Thấy cát ướt, tiền bối nghi cát nước mặn nên lấy một

ít nếm thử. Quả là cát ngấm mặn, tiền bối không nhận và phàn nàn việc làm ăn thiếu lương thiện của chủ thầu. Người nhà thầu cũng cự nự không chịu nhận cát lại, với lý lẽ mua cát thì bán cát. Tiền nào của nấy. Muốn cát nước ngọt thì hợp đồng phải ghi rõ và giá cả phải cao hơn.

Tiền bối Lê Kim Ty vốn nóng tính lại âu lo việc xây dựng đang gấp rút, càng giận lồi làm ăn điêu ngoa. Sẵn thau nước rửa mặt, tiền bối bung tạt cho anh nhà thầu ướt từ đầu đến chân. Người nhà thầu sấn đến hành hung lại bị tiền bối chụp ngực đẩy thật mạnh lăn quay. Biết không làm gì được, anh nhà thầu lấy xe chạy đi trình báo cảnh sát. Tiền bối Lê Kim Ty cũng nhanh chóng gọi xe kéo đuôi theo. Xe chạy một khoảng khá xa thì gặp viên đội cảnh sát người Pháp dắt theo nhiều đội viên cả Pháp, Việt cùng với người nhà thầu. Tiền bối Lê Kim Ty xuống xe đón viên đội cảnh sát phân trần và xin đến Ty để gặp cảnh sát trưởng giải quyết.

Tại Ty Cảnh Sát thành phố, cảnh sát trưởng Pháp đối đãi với tiền bối Lê Kim Ty rất niềm nở, vì đã biết tiếng nhà thầu khoán nổi danh từ trong Nam. Hơn nữa việc xây dựng thánh thất đã có lệnh cho Ty Cảnh Sát biết. Lại thêm người Tây không ưa gì lối làm ăn tráo trở nên vụ việc được xử êm.

Điều mà tiền bối Lê Kim Ty muốn kịp thời ở đây là ngăn không cho cảnh sát đến công trường xây dựng, để khỏi gây hoang mang, lo lắng cho bản đạo.

Tiền bối Lê Kim Ty ở Ty Cảnh Sát về, tươi cười bảo anh em hãy yên tâm hăng hái làm công quả cho kịp ngày khánh thành theo lệnh Ôn Trên. Mọi việc khó khăn tiền bối xin lãnh trách nhiệm lo tất cả.

Từ đó công việc tạo tác tiến hành cả ngày đêm. Bản đạo làm công quả từ miền quê kéo ra, kẻ đi người về thật đông vui. Đặc biệt các bà, các chị gồng gánh thực phẩm về hiến

cúng. Không cần hỏi bản đạo ở đâu, cứ thấy gánh bí đỏ là biết bản đạo Túy La, Quảng Hòa, Nam Trung Hòa, Thanh Quang. Thấy khuôn bí đao thì biết bản đạo Mỹ Xuyên, Từ Quang. Thấy chè khô, đậu phộng thì biết bản đạo miền nguồn An Tráng, Trung Lộc... Tinh thần nhiệt thành của đạo hữu như vậy, nên công trình có năm bảy chục người ăn mà thực phẩm vẫn dồi dào dư dả.

Công việc tạo tác rộn ràng này gây chú ý cho nhiều giới ở thành phố. Lại có tiếng đồn về Đức Thái Lão Trần Đạo Quang râu dài như ông tiên từ Sài Gòn ra mở đạo. Ai đến thăm tiền bối, gặp bữa đều được mời dùng cơm. Nhân đó những người lao động khó nghèo thường bữa cũng vào cùng ăn cơm. Ban âm thực vẫn vui vẻ phục vụ. Vì theo ý của tiền bối Ngọc Chường Pháp đó là hình thức tế độ. Chỉ nên tránh kê gian manh mà thôi.

Mỗi ngày tầm ảnh hưởng của Đạo càng rộng ra bên ngoài, thu hút các giới đồng bào chú ý đến nền đạo mới. Các thân hào nhân sĩ, và quân chúng, các phủ huyện ở miền quê nghe tiếng đồn, tìm đến thăm viếng tìm hiểu. Do vậy, mặc dù thời gian tạo tác rất bận rộn, nhưng hằng ngày vẫn có tín hữu đến xin nhập môn. Tinh thần công quả của toàn Đạo lại càng tăng cao.

Các đạo tâm Tam Giáo Minh Sư, các tiên sinh Huỳnh Ngọc Trác, Trần Nguyên Chất, Nguyễn Vĩnh Kế, Nguyễn Năng Cán, Khúc Xương Viên... các đệ tử tâm phúc của Tây Thiên Tự, Tam Giáo Tự như Võ Hương Yên, Trần Doãn Cơ, Trịnh Thanh Thăng, Trần Nguyên Chí, Nguyễn Trịnh Cán thì trực tiếp tham gia lao động công quả.

Tại Đà Nẵng, các đạo tâm mới, gia đình thầy Năm Cảnh, ông Nghè Xuân, Hai Xứng, Quảng Lem, Thông Duy, Carlos, Ba Thới, Thông Tình... đều là công chức nên cứ chiều thứ

Bảy, Chủ Nhật và buổi tối đều có mặt nhận công tác.

Thời gian qua vun vút, việc thi công còn quá bề bộn. Tiền bối Lê Kim Ty đêm thức khuya, ngày dậy sớm, trực tiếp đốc thúc công việc. Với bản chất nghiêm khắc của một nhà thầu khoán, lại thêm thúc bách bởi thời gian, tiền bối Lê Kim Ty đôi lúc gắt gỏng rầy la, sửa sai mọi người không ngại mịch lòng. Kể cả Giáo Sư Trần Công Ban làm quả càn khôn không đúng kích thước cũng bị tiền bối đá đít mắng “Chú Ban, sao chú dám cãi Thánh lệnh! Bộ chú giỏi hơn Đức Trần sao?”

Nhiều người sợ bị rầy nên né tránh không dám gặp mặt tiền bối. Tuy nhiên ai cũng hiểu rằng đó là điều kiện cần thiết để công trình theo kịp với kim đồng hồ. Ai cũng cố gắng khép mình trong kỷ luật, tuân hành chỉ đạo rất chặt chẽ. Ban đêm xây, ban ngày tô. Hoặc tốp này xây, tốp kia tô. Phần thợ mộc lo gỗ, phần thợ hồ lo xây, phần thợ nề lo lát nền, phần thợ sơn lo sơn, phần thợ điện lo điện. Tiếp tục vội vàng công việc trang trí nội thất, quét vôi, sơn phết, bàn thờ, liễn đối... Việc còn lại là dựng đài thuyết đạo, bố trí nhà khách, trại tiếp tân, ngủ nghỉ, trai phòng...

Buổi sáng nọ trong khi mọi người đang tắt bật thì có một người khách hơi ngồ ngộ, đi xe kéo vào công ngõ. Người ấy dáng dấp như một đạo sĩ, áo dài đen, khăn đóng đen, giày bó trắng, cầm dù đen với một cặp táp hành lý. Nhìn kỹ dáng đi, khuôn mặt và nước da thì người đạo này là người phi nam phi nữ.

Nghe báo có khách thăm, tiền bối Nguyễn Hồng Phong, và Nguyễn Đán vội ra tiếp. Tiền bối Nguyễn Hồng Phong rất vui vẻ niềm nở đón khách vào phòng, vì đó là cô Tư Bè tức là nữ tu Diệu Thọ ở chùa Đông Thành (Thủ Thiêm, Sài Gòn) ra thăm Đức Thái Lão. Diệu Thọ là một kỳ nữ ở miền Nam được dân chúng tín mộ, tôn sùng về lòng bác ái và sức tinh

thông Tam Giáo. Trong số tín hữu Cao Đài buổi đầu ở thánh tịnh Đại Thanh nhiều người đã chuyên tu theo cô Tư Bè như Trần Công Khuê, Trần Công Giao (anh em với Trần Công Ban), Trần Văn Huân, Mười Hóa... Những người này đang khẩn hoang lập chùa ở Cà Ná (Phan Thiết). Cô Tư Bè đến đó nhắc nhở họ rồi thẳng luôn ra Đà Nẵng thăm Đức Thái Lão, người mà cô Tư tôn kính như bậc thầy và cũng để biểu lộ tình thân ủng hộ công cuộc truyền bá Cao Đài ra Trung, Bắc Kỳ.

BỐN

Trong hoàn cảnh thật khó khăn và thời gian thật bức bách nhưng tiền bối Lê Kim Ty đã xông pha một cách tài tình. Chỉ không đầy một tháng mà vừa xin phép, vừa xây dựng xong ngôi thánh thể Chí Tôn đầy đủ Tam Đài. Bây giờ tiếp đến là lễ khánh thành và mở Long Vân Đại Hội Đệ Bát. Với công việc tổ chức này, các hướng đạo nghĩ ngay đến con người có đủ năng lực đó là tiền bối Cao Hữu Chí, một tín hữu Cao Đài đang làm Trưởng Ty Trước Bạ tại Hội An.

Tiền bối Cao Hữu Chí sinh năm Ất Ty (1905) tại làng Hòa Duân, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Khi tốt nghiệp bằng Thành Chung Pháp Việt (Diplôme), tiền bối vào Sài Gòn học ngành công chánh, làm ở sở Bách Phần. Sau lại thi Đề Huyện, nên thường được gọi là Huyện Chí.

Với bản chất thông minh lanh lợi, thích hoạt động, lúc còn học ở Huế tiền bối đã chịu ảnh hưởng các phong trào tư tưởng mới từ Sài Gòn, qua các cuộc diễn thuyết của cụ Phan Châu Trinh hô hào “Pháp Việt đề huê”, luân lý đạo đức Đông Tây. Các cụ Phan Văn Trường, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn An Ninh đòi tự trị, dân quyền, dân chủ, tự do... được các báo Việt và Pháp nhiệt liệt cổ vũ như báo *Echo Annamite* (tiếng vọng Việt Nam), *Tribune Indigène* (diễn đàn bản xứ)... Ngoài

nhệm vụ công chức, tiền bối Cao Hữu Chí còn tham gia Hội hướng đạo quốc tế. Khi sinh sống ở Sài Gòn tiền bối lập hội Trung Kỳ Ái Hữu, mua đất làm nghĩa trang, tổ chức tương trợ đồng hương. Năm 1930-1932 phong trào chấn hưng tôn giáo tại Việt Nam phát triển sôi nổi. Đạo Cao Đài tại Sài Gòn đang có sức lôi cuốn các tầng lớp sĩ phu có nhiệt tình dân tộc. Tiền bối Cao Hữu Chí đã nhập môn Cao Đài phái Tiên Thiên, thường đi hầu đàn cơ. Tiền bối được Thiêng Liêng chọn làm pháp đàn trong bộ phận Hiệp Thiên Đài.

Năm 1934 khi thánh tịnh Đại Thanh ở Gò Vấp thành lập, tiền bối đã cùng về tham gia tu học ở đó với nhóm Tứ Linh Đồng Tử.

Năm 1936 tiền bối được đổi về làm Trưởng Ty Trước Ba Quảng Nam, tại Hội An. Biết tiền bối là người Cao Đài nên chánh sở mật thám Pháp là Reynaud ngăn cấm không cho tiền bối tham gia sinh hoạt tín ngưỡng. Trong giai đoạn xây dựng thánh thất Trung Thành, vào thứ Bảy, Chủ Nhật tiền bối đều về Đà Nẵng để chung làm công quả.

Nhờ có giấy phép công khai tổ chức lễ khánh thành và Đại Hội Long Vân nên tiền bối Cao Hữu Chí tham gia trong ban tổ chức. Mọi kế hoạch chương trình đại lễ, đại hội đều được tiền bối sắp đặt tỉ mỉ.

Ngày 29 tháng 3 Mậu Dần, tiếp được Thánh lệnh từ Bát Bửu Điện và thư của Liên Hòa Tông Hội gửi ra báo tin cho biết việc miền Nam, nhất là 72 thánh tịnh Tiên Thiên sẽ có phái đoàn tham dự.

Đêm 29 rạng ngày mùng 1 tháng 4, tiền bối Thượng Chương Pháp Lê Kim Ty lập đàn cơ tại thánh thất tạm, cầu xin Thiêng Liêng chỉ giáo những vấn đề cần thiết cho đại lễ.

Đức Lý Giáo Tông giảng dạy đại ý nói rõ các Thánh lệnh

trước và nhấn mạnh công cuộc xây dựng và khánh thành thánh thất Trung Thành lần này. Mục đích nêu cao tinh thần Nam Trung hòa nhất, không chi phái, không địa phương, cùng hợp sức quảng truyền chánh pháp lần ra phương Bắc. Tiêu biểu cho tinh thần ấy, Đức Giáo Tông ấn định: giờ Tý ngày mùng 8 tháng 4 Mậu Dần (1938) cử hành trọng thể đại lễ khánh thành do tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang chủ lễ. Giờ Ngọ ngày mùng 8, Tổng Trưởng Liên Hòa Tông Hội Nguyễn Phan Long khai mạc Đại Hội Long Vân Đệ Bát.

Ấn định chính thức hai nhân vật như thế, Đức Lý Giáo Tông nêu đại ý rằng tiền bối Ngọc Chương Pháp là bậc Thiên phong buổi đầu khai Đạo, đại diện cho các chi phái Cao Đài miền Nam và cho cả Tam Giáo Minh Sư; còn Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long thì nêu cao tinh thần trí thức trẻ, gây thanh thế ra ngoài xã hội.

Các phần khác do nhân ý tính toán thật chu đáo từ việc trần thiết, tiếp tân, ẩm thực...

Vào chiều ngày mùng 7 tháng 4, đúng 15 giờ, ban tổ chức do tiền bối Cao Hữu Chí phụ trách chuẩn bị đón tiếp các phái đoàn hướng đạo, các đại biểu Liên Hòa Tông Hội, các Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh miền Nam ra. Dọc đường từ cổng chào chính ở đường Đỗ Hữu Vị (nay là Hoàng Diệu) đến ga tạm Hòa Vang độ 1km, bốn đạo nhất là các em thanh thiếu niên cầm cờ đạo ba màu (vàng, xanh, đỏ) bằng giấy đứng thành hàng một bên đường chào đón.

Miền Trung trong tiết Thanh Minh vừa mãn, khí trời tương đối mát mẻ. Chiều xuống dần, bóng hoàng hôn dâng lên từ góc phố. Trên vòm cao trăng non mùng 7 như e ấp ánh thiêng liêng soi đường trần thế đang diễn ra một lễ hội tung bưng.

Chuyến tàu lửa từ Sài Gòn ra Trung trở, tại trạm nghinh

tiếp đã hiện diện tiền bối Lê Kim Ty, Giáo Sư Nguyễn Quang Châu, Giáo Sư Trần Công Ban, tiền bối Nguyễn Hồng Phong, Cao Hữu Chí, các bà Phủ Hiền, nữ tu Nguyễn Diệu Trinh (Thanh San), đại diện các thánh thất, bộ phận Hiệp Thiên Đài Thanh Long, Bạch Hồ...

Quá 6 giờ, hồi còi tàu vang từ xa đến gần. Con tàu xinh xịch dừng lại trên đường ray số 1. Người đầu tiên bước xuống sân ga bận quốc phục theo kiểu miền Nam, khăn đóng đen, áo dài đen, giầy đen bóng loáng. Với vẻ mặt ung dung tươi cười, biểu lộ phong thái một nhà trí thức vừa Tây học vừa Việt học. Đó là Tổng Trưởng Liên Hòa Tổng Hội Nguyễn Phan Long. Tiếp đến là bác sĩ Trương Kế An, Huyện Đước, Trưởng Tòa Trần Quang Nghiêm, Giáo Sư Nguyễn Văn Kinh, Giảng Sư Phan Trường Mạnh, Cai Tổng Qui, cụ Ba Sanh, các chức sắc và phò loan Hiệp Thiên Đài Tiên Thiên. Lại thấy các bà Phối Sư Võ Hương Sô (bà Lê Kim Ty), bà Ngọc Châm (bà An), các đại diện Hội Thánh Tiên Thiên, Hội Thánh Minh Chơn Đạo, Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn, các vị đại biểu bốn mươi thánh tịnh Tiên Thiên, cả lễ sĩ đồng nhi... Tất cả khoảng ba trăm người đều đạo phục trắng tinh rợp cả sân ga.

Tiền bối Thượng Chương Pháp Lê Kim Ty tươi cười đến niềm nở chào mừng Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long, các chức sắc phái đoàn. Đôi bên giới thiệu nhau, tay bắt mặt mừng, rồi đưa nhau đi bộ về thánh thất.

Đi đầu đoàn người là độc giả Phạm Văn Điều cầm cờ trắng bằng hàng sa-tanh, có tua ngân tuyến sáng lóng lánh và hàng chữ “Liên Hòa Tổng Hội”, dưới có dòng chữ đỏ “Đại Hội Long Vân Đệ Bát”. Tiếp theo tiền bối Lê Kim Ty dẫn đường, song song là Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long và các chức sắc, đại diện và đại biểu nổi dài trên đường phố. Đặc biệt, đoàn đại biểu Tiên Thiên hơn một trăm người, cầm bốn mươi

cờ hiệu của thánh tịnh mình. Đoàn Minh Kiến Đài thì khiêng đèn ngôi sao lớn màu xanh, đỏ, vàng có kết hoa kim tuyến với dòng chữ “Minh Kiến Đài mừng Đại Hội”...

Vì nhằm vào ngày lễ Phật Đản nên các chùa Phật cũng trang hoàng bông, chưng đèn hoa rực rỡ khiến quang cảnh Đà Nẵng như một kỳ hội tâm linh kết hợp.

Phái đoàn đến công thánh thất được hai tiền bối Hiệp Lý Lê Trí Hiền và Ngọc Chương pháp Trần Đạo Quang chờ đón tiếp. Ba hồi chuông Bạch Ngọc, trống Lôi Âm nổi lên vang rền như dội vào lòng người một sức thiêng của nền đạo mới.

Sau nghi thức tiếp rước, mọi việc ăn uống nghỉ ngơi xong, tiếp đến là giờ thuyết đạo của Giáo Sư Nguyễn Văn Kinh.

Giáo Sư Kinh là một trí thức tu Minh Sư lâu thông Tam Giáo được Đức Cao Đài phong “Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Sư”. Buổi thuyết đạo được mọi người hâm mộ vô cùng, do vậy tạo sự thu hút với quần chúng cho các buổi lễ tiếp theo.

Vào giờ Tý đại lễ khánh thành thánh thất Trung Thành do tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang chủ lễ. Với nghi thức đại đàn có lễ sĩ điện lễ, đồng nhi đọc kinh theo nhịp phách, có xướng âm, có nhạc tấu, có chuông Bạch Ngọc, trống Lôi Âm đánh theo nhịp Ngọc Hoàng Sấm.

Đây là một nghi lễ tôn giáo mới, lần đầu tiên diễn ra ở miền Trung. Cả người tín đồ Cao Đài và quần chúng đều nhận chân được hình ảnh, âm thanh, màu sắc đến phong cách hành lễ đều mang đậm nét nhã nhạc cung đình.

Qua sáng hôm sau, vào 9 giờ thánh thất tiếp phái đoàn Công Sứ Pháp đến viếng bửu điện Chí Tôn và dùng tiệc trà. Trong câu chuyện trao đổi Công Sứ Pháp tỏ ra thán phục việc xây dựng thần tốc một kiến trúc đạo pháp công phu, đồng thời

rất kính trọng các chức sắc Cao Đài đa phần là Tây học và cựu quan chức. Viên Công Sứ hứa sẽ dành nhiều giúp đỡ cho việc công khai hành đạo tại Đà Nẵng.

Giờ Ngọ trưa hôm ấy, long trọng cử hành Đại Hội Long Vân Đệ Bát do tiền bối Nguyễn Phan Long chủ lễ. Lễ này cũng cử hành nghi thức đại đàn nhưng dành riêng cho chức sắc miền Nam. Bôn đạo miền Trung chỉ một số đại diện tham dự đồng tế, còn lại thì y phục chỉnh tề đứng hầu đàn chật kín trước Hiệp Thiên Đài.

Đêm ấy mùng 8 tháng 4 Mậu Dần (07-5-1938) nhằm đêm thứ Bảy, là Phật Đản, nên thành phố Đà Nẵng đèn hoa pháp phối, người đi lại tấp nập khắp các chùa Phật. Tại chùa tỉnh hội An Nam Phật Học có buổi giảng của sư Thích Đôn Hậu. Tại chùa Phật Học Đà Thành cũng có một nhà sư tên tuổi thuyết pháp.

Bên Cao Đài vừa là tôn giáo mới, tổ chức sinh hoạt mới, nhất là do người Sài Gòn ra giảng đạo, đã loan truyền mấy tuần qua. Lại thêm cuộc tiếp rước tại ga tàu lửa cả ba trăm người gây xôn xao khắp phường phố.

Buổi thuyết đạo đêm đó, trước tiên tiền bối Cao Hữu Chí giới thiệu giảng sư Phan Trường Mạnh trình bày đề tài “*Sứ mạng đạo Cao Đài trong thời hạ ngươn mạt kiếp*”. Sau đó tiền bối Tổng Trưởng Liên Hòa Tổng Hội Nguyễn Phan Long⁽³⁾ nối tiếp bài giảng bằng tiếng Pháp với đề tài “*Le*

⁽³⁾ Nguyễn Phan Long: Một nhà báo nổi tiếng về đấu tranh cho quyền lợi dân tộc, có chân trong nhóm Lập Hiến với Bùi Quang Chiêu, tán trợ con đường “khai trí trị sinh” của Phan Tây Hồ. Tiền bối Nguyễn Phan Long là một trí thức Tây học nổi tiếng thông thạo Pháp văn ở trong Nam, còn ngoài Bắc là Phạm Quỳnh. Tiền bối đã nhập môn Cao Đài và được phong Giáo Sư cùng năm 1932 với tiền bối Huệ Lương Trần Văn Quế tại Hội Thánh Minh Chơn Lý. Tiền bối

Caodaïsme ou synthèse des religions” (Cao Đài hay là tổng hợp giáo lý các tôn giáo)

Tiền bối Nguyễn Phan Long bận quốc phục toàn trắng, khăn đóng đen bước lên diễn đàn trong tiếng vỗ tay vang dội. Dưới hàng khán thính giả gồm có người ngoại quốc khá đông, tiền bối Nguyễn Phan long mở đầu bằng lời chào kính cẩn và thưa:

- Tôi lần đầu tiên dừng lại trên con đường Nam Bắc, và đặt chân vào thành phố Tourane, địa phận tỉnh Quảng Nam, nơi thắng cảnh đã xuất sanh nhiều danh nhân chí sĩ. Cũng là lần đầu tiên tôi hân hạnh gặp gỡ quý cụ, quý ông bà, quý thân hào nhân sĩ, các giới đồng bào, nhất là các bạn người ngoại quốc. Đề tài tôi đề cập hôm nay là khái quát về tôn giáo mới Cao Đài. Tôn giáo Cao Đài xuất phát tại Việt Nam. Kinh sách giáo lý đều dùng tiếng Việt Nam. Đáng lẽ tôi nói chuyện với quý vị bằng tiếng Việt Nam. Nhưng có những lý do bởi ý muốn của Hội Thánh và nhiều công tư chức, nhân sĩ Việt Pháp muốn cho tôi một lần nói tiếng Pháp để quý vị ấy được dễ dàng tiếp nhận những ngôn từ mới của tôn giáo mới. Cho đến ngày hôm nay, tôi ở khách sạn Morin, cũng có ý kiến yêu cầu điều đó. Vì vậy, tôi xin phép toàn thể quý vị cho tôi trình bày nội dung đề tài bằng tiếng Pháp vậy.

Tiền bối hơi cúi người xuống phía trước rồi bắt đầu thao thao trên máy vi âm.

Bài nói chuyện của tiền bối chia làm mười ba mục. Mở đầu nói về *Đại Đạo* (mục 1):

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một tôn giáo mới, giảng dạy bằng cơ bút, được sáng lập theo lời dạy của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thượng Đế đặt tên đạo này là Cao Đài, nghĩa là

Nguyễn Phan Long đặc quẻ vị Huột Bát Kim Tiên.

Đài Cao, nghĩa rộng là Đấng Tối Cao, là Bản Thể Tuyệt Đối, hay là Thượng Đế, đấng ngự trị Thiên Cung, cai quản vũ trụ...⁽⁴⁾

Tiền bối giải thích vì sao đạo Cao Đài thờ Thiên Nhân (mục 3):

Ở một trình độ tiến hóa tâm linh và đạo giáo nào đó, con người, vì muốn hiểu Thượng Đế, nên đã tạo Ngài theo ảnh tượng mình. Nay tiến bộ hơn, nhân loại nhìn thấy ngài bớt vật chất hơn, và tổng hợp hơn. Có lẽ mai này, khi đã tiến tới một bình diện cao hơn, con người sẽ có khả năng trừu tượng hơn, và sẽ có thể thấy Đấng Tối Cao trong bản thể Ngài, sẽ trực diện nhìn thấy Ngài trong ánh quang huy Ngài, không phải nhờ vào nghệ thuật trần gian, từ những hình vẽ thô sơ vật thân châu Phi đến những danh tác họa phẩm và điêu khắc hiện đại. Những thứ này chỉ cho ta những hình ảnh bất toàn về Thượng Đế.

Về tính phổ quát của đạo Cao Đài (mục 7), tiền bối nói:

Đạo Cao Đài có cái gì mà thu hút quần chúng như vậy? Thừa đạo này có tính cách phổ quát nên có thể thích ứng với mọi trình độ tiến hóa tâm linh con người.

(...)

Về phương diện luân lý, đạo Cao Đài lưu ý con người về các bổn phận đối với chính mình, đối với gia đình, đối với xã hội là một gia đình rộng lớn hơn, và đối với nhân loại là một gia đình phổ quát.

Về phương diện triết học, đạo Cao Đài dạy con người khinh chê danh vọng, tiền tài, xa xỉ. Tóm lại, không làm tôi

⁽⁴⁾ Phong theo bản dịch in trong *Caodaism – The Way of God* (California: Cao Đài Temple Trung Hòa, 1991?), tr. 78-91.

mọi vật chất, để đi tìm sự tĩnh lặng tâm hồn trong tâm linh mình.

Về phương diện thờ phụng, đạo Cao Đài dạy ta thờ Thượng Đế, cha chung chúng ta, và tôn kính các vị Tiên Trưởng vô hình, khả kính. Tuy công nhận sự thờ cúng tổ tiên, nhưng đạo Cao Đài không cho cúng mặn và đốt vàng mã.

Về phương diện tâm linh, đạo Cao Đài xác nhận, và đồng ý với các tôn giáo khác, cũng như với các nền triết học tâm linh siêu hình rằng linh hồn có thực, và sau khi xác chết đi, linh hồn vẫn còn tồn tại, vẫn tiến hóa qua nhiều kiếp luân hồi, vẫn ảnh hưởng đến họ theo nghiệp lực (karma).

Trong mục 13 (Chân lý), tiền bối nhấn mạnh:

Vị Chân Sư cho ngày nay chính là Đức Cao Đài... Để nói với nhân loại đã tiến hóa, Đức Cao Đài không cần dùng xác phàm, mà truyền dạy bằng cơ bút.

Nhờ Ngài, nhân loại biết mình từ đâu tới, sẽ đi về đâu, tại sao sinh ra nơi trần thế này, tại sao tạm thời bị đau khổ, và họ thấy sự công bằng của Thượng Đế ở khắp mọi nơi.

Nhân loại biết rằng linh hồn sẽ tiến hóa mãi mãi trong nhiều kiếp sống cần thiết.

Họ biết rằng mọi linh hồn đều có cùng một khởi điểm, và đã được dựng nên đồng đều nhau, có cùng một khả năng tiến hóa. Ai cũng có tự do như nhau, có cùng một bản tánh như nhau. Có khác nhau chăng là vì người tiến nhiều, người tiến ít. Ai cũng có cùng định mệnh như nhau, và sẽ tiến tới cùng một đích như nhau.

Họ biết rằng không tạo vật nào bị ruồng bỏ, không tạo vật nào có đặc quyền hơn tạo vật nào. Thượng Đế không tạo nên ai hơn ai, và không tạo vật nào bị đau khổ muôn đời. Họ biết rằng điều kiện tiến bộ đã được định bởi câu này: Hãy kính

mến Thượng Đế trên hết mọi sự, và yêu đồng loại như chính mình; đó là lẽ luật, đó là lời các tiên tri; tất cả chỉ có vậy.

Cái mới lạ, đặc điểm của đạo Cao Đài, đó là Thượng Đế, đáng vô hình nhưng luôn hiện diện, là đáng dạy dỗ, khuyên bảo, thêm sức và an ủi con người, khi họ gặp hoạn nạn.

(...)

Vừa là niềm tin cổ truyền, vừa là khoa học, vừa là triết học, vừa là đạo giáo, đạo Cao Đài soi rọi vào tất cả một ánh sáng mới, và dạy dỗ nhân loại. Đạo Cao Đài rũ bỏ những tấm khăn liệm nhân loại, và phui tro tàn bám vào nhân loại, cho nhân loại được sáng sủa hơn lên, đẹp đẽ hơn lên.

Ngót một tiếng đồng hồ, lời diễn thuyết trầm bổng, hùng hồn, có lúc tiên bối đưa tay phác những cử chỉ nhân mạnh thật điêu luyện. Cả lễ trường nhiều người theo dõi từng chi tiết. Cũng có người chỉ coi hơn là nghe nhưng tất cả đều im phăng phắc,

Nét mặt tiên bối Nguyễn Phan Long luôn tươi tỉnh, rạng rỡ nụ cười. Cuối cùng tiên bối hớp một ngụm nước và kết luận:

Chúng ta hãy tiến về tương lai, về một đời sống luôn đổi mới, trên con đường vô hạn, vô biên giới, mà một nền đạo học mới đã được tinh luyện, đã được thanh lọc mở ra cho chúng ta.

Bài diễn thuyết của Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long thay cho lời tuyên bố chính thức công khai Đạo Cao Đài tại Trung Kỳ. Mọi người đã nhiệt liệt hoan nghênh, gây được thanh thế cho công cuộc truyền đạo về sau.

Tiếp theo bác sĩ Trương Kế An trình bày đề tài “*Người phụ nữ ngày nay trong Cao Đài Giáo*”. Qua một giờ thuyết giảng rất hoạt bát, hùng hồn, sôi nổi, lại phụ họa thi thơ, thánh ngôn, thánh giáo, bác sĩ Trương Kế An đã thu hút sự tán

thưởng nhiệt liệt của giới phụ nữ, giới văn nghệ sĩ và cả quần chúng bình dân.

Sáng ngày mồng 9, vì có việc nên hai tiên bối Nguyễn Phan Long và Trương Kế An xin từ giả về trước. Buổi chiều, sau lễ bế mạc tại bưu điện Chí Tôn là bữa tiệc khoản đãi chung để tiễn các phái đoàn miền Nam đi chuyến tàu sớm về Sài Gòn sáng hôm sau.

Bữa tiệc diễn ra rất thâm tình, đầm ấm và đầy xúc động. Tiên bối Nguyễn Chơn Khai thay mặt cho toàn bôn đạo miền Trung đọc bài diễn từ ngắn ca ngợi và biết ơn các chi phái Đạo miền Nam đã hết lòng vì sự công khai Cao Đài tại Trung, Bắc. Tiên bối kết luận:

- Đáp tạ tình nghĩa sâu xa ấy, toàn bôn đạo miền Trung chúng tôi thành kính cảm đội ân Thượng Đế Chí Tôn từ bi lân mẫn che chở, ghi nhớ ơn quý Hội Thánh Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Tổng Hội Liên Hòa và chân thành cảm tạ Đức Ngọc Chương pháp, cụ Bảo Đạo Cao Triều Phát, cụ Chương Pháp Lê Kim Ty, cụ Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long và quý vị hướng đạo, quý đại biểu, quý đạo tâm có mặt hay vắng mặt hôm nay cùng toàn đạo miền Nam. Để đánh dấu sự nhớ ơn sâu sắc ấy, chúng tôi và toàn bôn đạo miền Trung nguyện nối gót các bậc hướng đạo đàn anh miền Nam và mong cùng bôn đạo miền Nam thắt chặt dải đồng trong tinh thần không chi phái, không địa phương, nhất tâm phục vụ Đạo Trời, sớm thực hiện lời phán dạy của Đức Chí Tôn “*Nam Bắc xong rồi ra ngoài quốc...*” Cái ngày ấy sẽ không xa.

Sau lời mời nhập tiệc của Giáo Sư Nguyễn Quang Châu, tiên bối Thượng Chương Pháp Lê Kim Ty phát biểu:

- Vâng lệnh Thiêng Liêng và cũng vì tình đồng đạo Nam Trung thăm thiết, tôi ra đây đã cùng anh chị em công tác xây dựng thánh sở đầu tiên. Thánh thất Trung Thành nơi đây vừa

tiêu biểu tinh thần Nam Trung vẫn một, hợp sức chuẩn bị truyền bá Đạo Trời lần lên phương Bắc như Ôn Trên đã dạy. Vừa cũng tiếp nối tinh thần ngày ra Trung truyền Đạo, rằm tháng 9 Giáp Tuất (1934) tại thánh tịnh Đại Thanh (Sài Gòn). Thời gian cộng sự, tôi càng thấy rõ tinh thần ý chí của anh chị em, nhất là của quý vị hướng đạo trẻ, của các em thanh thiếu niên, làm cho tôi càng thêm vui mừng, phấn khởi và kỳ vọng. Trong nỗi vui mừng chung ấy, tất cả ít nhiều tôi đã làm cho anh chị em phật lòng vì tánh nóng của tôi. Hôm nay mọi việc đã hoàn tất, trước giờ chia tay tạm biệt, tình nghĩa thiêng liêng thấm thiết vì Thầy, vì Đạo, vì nhân sinh, tôi xin anh chị em hãy hoan hỷ bỏ qua những gì không bằng lòng về tôi và xin cầu nguyện cho toàn thể anh chị em đồng mãnh tinh tấn và chúng ta sẽ gặp nhau trên con đường thiên lý Thầy đã vạch và nhân sinh đang tiến bước.

Lời phát biểu chân thành của tiền bối Lê Kim Ty đã làm mọi người bồi ngùi xúc động. Có những cánh tay đưa lên quệt nước mắt và không thiếu tiếng khóc thút thít từ phía bên nữ phái.

MỞ MANG CƠ ĐẠO

MỘT

Sau đại lễ khánh thành thánh thất Trung Thành, vào giờ Tý mồng 8 tháng 4 Mậu Dần (1938) tại Đà Nẵng, tiền bối Thái Lão Sư Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang đã chứng lễ cho hai tiền bối Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác và hai đệ tử tâm phúc Trịnh Thanh Thảng, Võ Phi Yên quy hiệp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tiếp đó, hai tiền bối Trần, Huỳnh xin lệnh Thiêng Liêng, chọn ngày 24 tháng 6 Mậu Dần cử hành lễ quy hiệp cho bốn đạo Minh Sư tại Tam Giáo Tự (chùa An Tráng).

Trong thời gian hai tháng rưỡi, hai tiền bối đã vận động, hướng dẫn không chỉ bốn đạo Minh Sư ở An Tráng mà còn nhiều bốn đạo rải rác ở các phủ, huyện phía nam tỉnh Quảng Nam, vốn đã từng sùng mộ hai tiền bối.

Nhiều bậc thức giả tu Minh Sư đã đến thăm và xin giải tỏa thắc mắc tại sao phải quy hiệp Cao Đài.

Tiền bối Trần Nguyên Chất giải thích rằng Cao Đài là đỉnh cao của Tam Giáo Minh Sư, là tôn giáo của thời đại với tinh thần Thiên nhân hiệp nhất, tâm vật bình hành. Tu Cao Đài vừa xuất thế, vừa nhập thế, rồi đến chỗ không xuất không nhập. Song hành với công cuộc cải sửa, xây dựng xã hội nhân sinh thực tại, Cao Đài chú trọng việc thấp sáng tâm linh con người, dẫn dắt con người vào cõi siêu việt thần tiên. Nghĩa là đem đạo vào đời, hóa độ đời sống đạo đến chỗ đời đạo bất phân, ở đâu có con người thì ở đó có đạo.

Tiền bối dẫn lời thánh ngôn của Thầy dạy rằng ở đâu có chừng năm trăm tín đồ thì ở đó hình thành một thánh thất. Thánh thất Cao Đài là ngôi pháp thể, ai ai cũng vào đó để học đạo, để hành đạo. Thánh thất Cao Đài không chọn nơi thắng cảnh để lập danh lam mà phải lập giữa chúng sanh, trong lòng xã hội. Chỉ như vậy mới đạt được ơn tận độ của Đấng Thượng Đế Chí Tôn trong thời mạt hậu.

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác thêm ý rằng mỗi người Việt Nam đều có nguồn gốc tâm linh từ Trời. Trời là tâm linh vũ trụ. Tâm linh con người và tâm linh vũ trụ đồng thể. Đấng Giáo Chủ Cao Đài đã dạy: *“Thầy là các con, các con là Thầy.”* Đó là chỗ mà nhà Phật bảo: *“Phật tức tâm, tâm tức Phật.”*

Để soi sáng thêm, Huỳnh tiền bối dẫn chuyện vua Trần Thái Tông bỏ cung điện lên núi Yên Tử cầu Phật. Quốc Sư Phù Vân chùa Trúc Lâm đến giảng giải: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay, nếu Bệ hạ giác ngộ ngay tâm đó, thì lập tức thành Phật, không nhọc tìm kiếm bên ngoài.”*

Nhà vua đã lãnh hội được lời giáo huấn ấy, trở về với ngôi Thiên tử và theo cách tu “ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, để rồi nhận chân được sự nhất quán:

*Vị mình nhân vọng phân Tam Giáo
Liễu đặc để đồng ngộ nhất tâm.*

(Chưa giác ngộ thì lầm phân biệt có ba giáo lý,
Hiểu thấu đạo thì cùng ngộ một tâm.)

Huỳnh tiên sinh rất hưng phấn, đọc câu đối người đã ngộ hứng khi thọ lễ quy hiệp ở thánh thất Trung Thành:

*Tam Giáo tiên định phương, vạn pháp thù đồ ngộ thị thể.
Cao Đài vị xuất thế, ngũ châu tuy đại ngã vô gia.*

Nhờ thâm đắc được Cao Đài là điểm hội tụ của vạn giáo, hai tiền bối đã thỏa thông và gây được tinh thần đồng nhất cho toàn thể bốn đạo chùa An Tráng tổ chức lễ quy hiệp thật trọng thể vào ngày đã ấn định.

Tại làng Đức An, phủ Thăng Bình, có Đức An Tự của thầy Châu Cự cũng noi theo An Tráng, tổ chức lễ quy hiệp vào ngày 15 tháng 7 Mậu Dần. Tiếp đến là Bảo Tế Đường của đạo sĩ Võ Xương Học ở miệt nguồn thuộc Tiên Phước tổ chức lễ quy hiệp vào 30 tháng 7 Mậu Dần. Và rồi các chùa Đại Phước Tự của cụ Hương Hân, Chiêu Võ Tự của thầy Như Viễn Nguyễn Hữu Phương ở làng Đại Bằng cũng xin hiến làm thánh thất Cao Đài.

Chùa An Tráng sau ngày quy hiệp, có đàn cơ Ôn Trên đổi tên là thánh thất Trung An. Đến ngày mùng 1 tháng 10 Mậu Dần, trong đàn cơ tại thánh thất Trung Thành, Đức Quan Thánh Đế Quân đổi Đức An Tự thành thánh thất Trung Nguyên, và Bảo Tế Đường thành thánh thất Trung Hòa. Trong bài thánh giáo có câu:

Ba nơi cùng có một đàn

Nước trong sen nở đúng nhằm hạ thiên.

Một vùng đất miền nguồn của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam có tên là Tý và Sé cách nhau một khe nước. Có lẽ tên này là gốc tiếng thượng du. Tý tên chính thức là làng Tứ Trung. Làng này tuy nhỏ nhưng đất đai màu mỡ nên dân cư trù mật. Ở đây có một thanh niên tên Trần Nhiên và một số bạn trẻ tiếp nhận được ngọn gió tân pháp Cao Đài đã thành lập Thiên bàn Tứ Trung tại nhà ông Lương Lý (Cửu Xương) để nhóm này có nơi lễ bái tu học.

Về phía miền duyên hải cũng thuộc phủ Thăng Bình có làng Đông Tác, người tu Minh Sư khá đông ở Giác Tế Phật Đường của cụ Nguyễn Năng Cán. Vào ngày rằm tháng 11

Mậu Dần (1938) tại Giác Tế Phật Đường đã thiết trí Thiên bàn Đông Tác cho bốn đạo ở đây quy hiệp Cao đài. Đặc biệt lễ quy hiệp này có một thanh niên nhiệt tâm mộ đạo, mới hai mươi một tuổi đã xin cầu sám, đó là tiền bối Mai Diệu, pháp danh Mai Thanh Phẩm, đã trở thành nòng cốt phát triển đạo Cao Đài ở miền duyên hải cát trắng này.

Về việc thành lập giáo sở thực ra như ý từng nảy sinh từ năm 1936, có hai thánh thất tự phát là Linh Bửu và Vĩnh Quang. Nhưng rồi thánh thất Vĩnh Quang bị mai một còn thánh thất Linh bửu do đạo sĩ Đỗ Cháp Trung (Cửu Xoa) gây dựng vẫn còn cho đến nay.

HAI

Các thánh thất từ thượng nguồn về trung du xuống duyên hải tuần tự hình thành. Vì vậy việc trực thuộc cần phải được minh định, cho nên có lệnh Thiêng Liêng quy định vị trí của Trung Thành mang danh nghĩa một thánh thất, nhưng đảm nhận cương vị của một Thánh Đường, tạm thay cho Trung Hưng Thánh Tòa. Tất nhiên Trung Thành vẫn có phần thánh thất, lập Ban Cai Quản có văn phòng riêng.

Còn về phần tổ chức, để lãnh đạo chung thì theo các đàn cơ từ tháng 6 đến tháng 10 Mậu Dần (1938), Thánh ý dạy hình thành tổ chức gồm hai ban: Ban Hướng Đạo và Ban Cửu Viện, chuẩn bị tiến đến việc thành lập Quyền Hội Thánh Trung Kỳ để đáp ứng nhu cầu cần thiết của cơ Đạo. Thành phần và nhiệm vụ của hai ban như sau:

1. *Ban Hướng Đạo*: Có nhiệm vụ thay Hội Thánh lãnh đạo toàn thể cơ Đạo ở đây theo tinh thần đạo pháp buổi đầu khai Đạo (Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển) và các Thánh lệnh đề ra nhiệm vụ ứng hợp với hoàn cảnh, trình độ địa phương, nhằm mục đích đạt được tôn chỉ

của Đại Đạo.

Thành phần Ban Hướng Đạo bao gồm cả Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và nữ phái, gọi chung là Hội Đồng Hướng Đạo, được phân định như sau:

- *Cửu Trùng Đài*: Hiệp Lý Lê Trí Hiển, Giáo Sư Nguyễn Quang Châu, Giáo Sư Trần Công Ban, tiền bối Trần Nguyên Chất, tiền bối Huỳnh Ngọc Trác, và Giáo Hữu Nguyễn Đán.

- *Hiệp Thiên Đài*: Thanh Long, Bạch Hồ và bộ phận độc giả, điển ký.

- *Nữ phái*: Cụ bà Lê Thị Khải (phu nhân tiền bối Lê Trí Hiển).

2. *Ban Cửu Viện*: Tạm thời tổ chức theo “Nội Luật Thánh Tòa Khai Giáo Bắc Trung” đưa ra từ miền Nam. Đại để, có nhiệm vụ thi hành các giáo vụ do Thánh lệnh hoặc do Hội Đồng Hướng Đạo đề ra; điều hành các cơ quan, các sinh hoạt giáo hội; hướng dẫn, đôn đốc Ban Cai Quản mỗi thánh thất.

Thành phần nhân sự tạm sắp xếp:

- *Hiệp Lý*: Tiền bối Lê Trí Hiển.

- *Nội Ngoại Giao Viện*: Giáo Sư Nguyễn Quang Châu.

- *Phổ Thông Giáo Lý Viện*: Giáo Sư Nguyễn Quang Châu kiêm nhiệm.

- *Học Viện*: Hai tiền bối Nguyễn Hồng Phong, Trần Nguyên Chí.

- *Hòa Viện*: Tiền bối Huỳnh ngọc Trác.

- *Lễ Viện*: Giáo Sư Trần Công Ban.

- *Phước Thiện Viện*: Chưa có.

- *Nông Viện*: Tiền bối Trần Nguyên Chất.

- *Công Viện*: Giáo Hữu Nguyễn Đán, tiền bối Trần Nguyên

Chất.

- *Lương Viện*: Giáo Hữu Nguyễn Đán kiêm nhiệm và Giáo Hữu Nguyễn Đình Lý phụ tá.

Ban Cứu Viện này không hình thành hoàn toàn y theo tổ chức của Tòa Thánh Tây Ninh mà thể hiện một cách rõ nét ba nhiệm vụ: truyền bá đạo đức, xây dựng đời sống âm no, mở mang trí thức, gọi tắt là Tam Dân: dân đức, dân sanh, dân trí.

Dân đức gồm: Lễ Viện, Phước Thiện Viện, Hòa Viện.

Dân sanh gồm: Nông Viện, Công Viện, Lương Viện.

Dân trí gồm: Nội Ngoại Giao Viện, Phổ Thông Giáo Lý Viện, Học Viện.

Lúc bấy giờ người ta thường gọi là *Tam Dân Cứu Viện*. Về sau vì sợ lầm lẫn với *Tam Dân Chủ Nghĩa* (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, và dân sinh hạnh phúc) của Tôn Trung Sơn (1866-1925), lãnh tụ cách mạng Trung Hoa nên đổi lại là “Tam Nhân”. Chữ *dân* còn ở tầm mức dân tộc, còn chữ *nhân* lại cao hơn ở tầm nhân loại. Mà đạo Cao Đài thực sự sẽ tiến lên đến tầm kích nhân loại chứ không chỉ phạm vi quốc gia.

Về phần nữ phái, sau đại lễ khánh thành thánh thất Trung Thành và Đại Hội Long Vân Đệ Bát, tại thánh tịnh Thanh Quang đêm 24 rạng 25 tháng 4 Mậu Dần (1938), Đức Mẹ Điều Trì lâm trần ban phong cho nữ phái và kiêm điếm Ban Trị Sự Trung Ương Nữ Phái Liên Đoàn. Đức Mẹ dạy:

Điều Trì Kim Mẫu

Mẹ mừng các con.

Bút rút đời phen dạ chẳng đành

Giáng trần chi sá trước cùng thanh

Con ôi, miễn độ qua bờ giác

Mẹ há nài bao sự nhọc nhàn.

Mẹ giáng giờ này cho các con biết rằng cơ Đạo hoằng khai tại Trung Kỳ đã ngoài mấy thu rồi. Theo lời tiên tri, sau khi lập xong Trung Hưng Thánh Tòa, trong Ban Hướng Đạo điều hành nội bộ có nữ phái tham dự. Nay tuy Trung Hưng Thánh Tòa chưa lập được, Trung Thành thánh thất là cơ sở đại diện cho Trung Hưng Thánh Tòa.

Mẹ xót thương một số các con từng chịu phần trách nhiệm đến nay có chút công quả, mẹ xin lệnh Thượng Đế Chí Tôn ban cơ phong thánh cho nữ phái và nhân xem lại Ban Trị Sự Nữ Phái Liên Đoàn...

Mẹ phong cho Lê Chơn Giác: Giáo Sư; Trương Thị Ngọc Dung: Giáo Hữu; Trần thị Tuyết: Lễ Sanh.

Còn các con khác cố gắng lập công, Mẹ sẽ ban sau...” ⁽¹⁾

Về Ban Trị Sự Trung Ương Nữ Phái Liên Đoàn được Đức Mẹ chấp thuận gồm:

- *Chánh Hội Trưởng*: Lê Thị Khải (cụ bà Phủ Hiên).

- *Phó Hội Trưởng*: Lê Thị Tịnh (bà Xã Nho).

- *Chánh Thư Ký*: Trương Thị Ngọc Dung (bà Cửu Đô).

- *Thủ Bồn*: Bà Ngự.

- *Nghị Viên*: Phan Tịnh Chuyên.

- *Liên Giao*: Nguyễn Thị Hiếu (bà Trần Công Ban), và Trần Thị Tiết (bà Giáng).

Đức Mẹ Điều Trì đã rất chú ý đến nữ phái. Để điều dẫn nữ phái, các Thánh Nương, Thánh Nữ đã được lệnh giáng đàn như: Trung Trắc Thánh Nương, Triệu Nữ Vương, Thể Liên Tiên Nữ.

⁽¹⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 102-103.

Mặc dù nữ phái rất ham tu, ham học, mà đa phần thiếu văn hóa, thiếu óc tổ chức, bị chi phối bởi hoàn cảnh nên nữ phái chưa thực hiện được chủ trương theo Thánh ý.

Đêm 23 tháng 9 Mậu Dần (1938) tại thánh tịnh Thanh Quang, Đức Mẹ giảng trần khuyên dạy với tâm tư của Đấng Từ Mẫu, có đoạn như sau:

Mẹ mừng các con. Các con nữ phái ôi!

*Trăm chiều ruột đứt chẳng đành than
Than nỗi con ôi, nữ phái đoàn
Đoàn nữ nếu mà không sớm lập
Sau này chẳng khỏi hiệp rồi tan.*

... Các con nữ phái ôi! Mười mấy năm nay rồi, Mẹ quyết lập nền Chơn Đạo, sẽ tầm hết phương mà độ rồi các con, nâng cao trình độ nữ lưu cho đặng như các Thánh Thần, Tiên Phật.

Ôi! Con ôi! Thế mà đã mấy phen nào là Nữ Chung Hòa Phái, Nữ Đạo Hòa Minh, cho đến Nữ Phái Liên Đoàn, Mẹ coi lại tuổi tên thì nhiều chớ kỳ trung người đâu chưa thấy.

Các con ôi! Nếu cứ bỏ qua lơ lửng, việc khó không làm thời bao giờ mà nên được hả các con? Hai chữ Liên Đoàn ngày hôm nay há chỉ để nói suông ngoài miệng, cho biết là nữ phái có Liên Đoàn? Rồi sẽ còn liên đoàn đến quốc gia, xã hội mình mới lớn lao chớ!

Con ôi! Nói qua phải lo làm. Làm phải chịu cực khổ, đặng rồi một phận sự của mình đối với đời. Một phận sự mình rồi thì ngược lên chẳng hổ với Thánh Thần. Cúi xuống không then cùng cỏ cây, cảm thú đó con.

Giờ một điều quan hệ là nữ phái thất học, phải chịu què mùa, rồi ra lý tưởng chẳng đủ đầy, nghe đâu tin đó, nào dị đoan, nào mê tín.

Thứ nhất là lũ tà quái hay gạt gẫm nữ lưu. Các con vì những cơ mà trình độ nữ phái ngày càng thấp hèn, càng bữa càng hư tệ. Mẹ rất đau đớn bèn lập Nữ Phái Liên Đoàn là để dạy dỗ các con có hai điều thôi. Một là chị em biết thương yêu nhau. Hai là chống lại cái nạn thất học. Nữ lưu đặng bước lên con đường tối tân đạo đức đó con. Thế mà một hai năm nay, ra lệnh nhiều lần song việc học hành chưa có chi kết quả. Nay đây một lần nữa Mẹ quyết định lập cho rồi. Các con nên tận tâm với Mẹ nghe.⁽²⁾

Lúc này tinh thần nữ phái được thúc đẩy, bởi đã nghe những bậc đàn chị từ miền Nam như nữ Phối Sư Hương Hiếu (bà Cao Quỳnh Cư), nữ Giáo Sư Hương Nhiên (bà Tổng Đốc Trần Văn Thông), nữ Phối Sư Hương Trâm (bà Hội Đồng Hoà), nữ Phối Sư Hương Sô (bà Lê Kim Ty), nữ Phối Sư Hương An (bà Đốc Trung), nữ Phối Sư Hương Phụng (bà Đốc Học Nguyễn Bửu Tài), nữ Phối Sư Hương Nguyệt (ái nữ Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương)... Ngoài ra còn những phu nhân, những ái nữ chưa xả thân hành đạo nhưng cũng đặc lực hộ trì, nhất là lo cho chồng, cho cha ra gánh nợ quần sinh như cụ bà Nguyễn Phan Long, bà bác sĩ Nhã, các con của tiền bối Vương Quan Kỳ như Vương Thanh Chi, Vương Xuân Hà...

Nữ phái lại được thấm nhuần huấn từ của Đức Mẹ:

*Đời vốn thiệt sông mê bể khổ
Đời vốn là cái chỗ trả vay
Con sao đẹp mặt xinh mày
Con sao lặn đặng lo ngày lo đêm!
Mẹ chẳng nề ngồi xem con thế
Vào xin cùng Thượng Đế thứ dung*

⁽²⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 156-157.

*Lập ra Đạo chánh độ cùng
Đất con ra khỏi vũng bùn chỗ cao.
Này con ơi, má đào lạt lẻo
Dầu dại khôn mọi khéo cho đời
Vậy mà chí thú con ôi
Sao con sa đắm quên lời Mẹ than!
Buồn vì trẻ gan vàng bút rứt
Thương phận con hết sức độ đời
Không nghe Mẹ cũng không thôi
Độ con không đặng không hồi cung Diêu.⁽³⁾*

Do đó đã bùng lên phong trào nữ phái Cao Đài do các tiên bối Phan Tịnh Chuyên, Lê Thị Khải, Cửu Xoa, Cửu Diễm, và các nữ tu Minh Sư như Võ Hương Yên, Trần Doãn Cơ, Trần Chơn Bảo, Trần Thục Cơ, Phan Thị Hòe...

Đó là những nhân vật tiêu biểu cộng với đông đảo chị em khắp nơi hưởng ứng rất nhiệt thành.

Về tổ chức, Liên Đoàn Nữ Phái trên hết là Tổng Đoàn đặt ở các thánh thất. Điều hành sinh hoạt Tổng Đoàn cũng như Chi Đoàn là Ban Trị Sự. Chương trình hoạt động của Tổng Đoàn có: Lập một trường nữ đạo, một trường nữ công, một bộ phận biên soạn tài liệu. Bộ phận tài liệu mời tiên bối Huỳnh Ngọc Trác hộ trì chủ biên, đặt tại thánh thất Trung Thành để có đủ điều kiện và phương tiện.

Lại thêm có tiên bối Nguyễn Thị Diệu Trinh tức nữ tu Thanh San (học trò Đức Thái Lão), được lệnh Thiêng Liêng ở lại miền Trung để hướng dẫn Nữ Đoàn.

Tiền bối Diệu Trinh trú tại Trung Thành mở một hiệu buôn

⁽³⁾ Thánh tịnh Đại Thanh, 17-7 Mậu Dần (12-8-1938). Huệ Minh sưu tầm (1968).

tại chợ Hòa Vang chuyên chế biến và bán các thức ăn chay cũng như những thực phẩm cần thiết cho giới tu hành. Hiệu buôn này lấy tên là Thanh San. Nó là nguồn tài trợ cho Nữ Đoàn vừa là phương tiện giúp cho người ăn chay được thuận tiện.

Say sưa với tổ chức nữ phái, một thành viên Nữ Đoàn đã hô hào chị em phát tâm giải thoát: “Bất hô tha nhân vi phụ mẫu, thị thượng đẳng nữ lưu.” (Không gọi người dung là cha mẹ, đó là hạng phụ nữ thượng đẳng.)

Quý trọng và cảm phục tinh thần đó, một thanh niên trí thức đã tặng cho Nữ Đoàn câu đối:

*Có hay gì son phấn vội làm duyên, chỉ thắm còn vương
dâu bến tục*

*Chi hơn nữa tu hành cho vẹn kiếp, má hồng đem gởi nước
non tiên.*

Từ giai đoạn này phong trào nữ phái Cao Đài phát triển mạnh mẽ.

BA

Cửu Viện đã sắp xếp được nhân sự theo Thánh ý. Quyền Hội Thánh Trung Kỳ sẽ ra đời vào ngày 15 tháng Giêng Kỷ Mão (1939).

Bắt đầu từ 21 tháng 6 Mậu Dần (1938), Đức Lý Giáo Tông và Đức Trần Hưng Đạo Vương giáng đàn tại thánh thất Trung Thành hướng dẫn cách tổ chức về Học Viện và Nông Viện.

Học Viện nhằm mở mang dân trí, chống nạn thất học. Mỗi thánh thất cần mở một trường sơ tiểu học phổ thông cho tuổi trẻ. Tổ chức lớp đại chúng học vụ để giải quyết nạn thất học cho người lớn tuổi không phân biệt đạo đời.

Ngoài ra Học Viện phải tổ chức viện nghiên cứu đạo học,

khoa học, triết học, siêu hình học, giáo lý các tôn giáo, lịch sử văn minh nhân loại, đặc biệt là nền tân giáo Cao Đài. Xây dựng hàng ngũ giáo sĩ, tu sĩ lãnh nhiệm vụ chức sắc hoặc chuyên viên điều hành giáo hội, thực thi sứ mạng đem đạo vào đời, giúp đời nên đạo.

Nông Viện để mở mang dân sanh xây dựng đời sống mới.

Đức Trần Hưng Đạo giáng đàn dạy tìm địa điểm để thiết lập nông trang (cơ sở nông viện). Các tiền bối hướng đạo đã chọn vùng đất Cờ Vĩ với diện tích 250 mẫu, thuộc làng Phước Hội (Sé), cách làng Tứ Trung (Tý) một khe sông. Nơi đây có bốn đạo Thiên bàn Tứ Trung hậu thuận, lại có sông Thu Bồn rất tiện lợi lưu thông vận chuyển.

Kế hoạch thực hiện đề ra thật quy mô, mà tài chánh thì chẳng biết dựa vào đâu. Với một khối lòng thiết tha vì đạo vì đời, bằng một đức tin mãnh liệt, các hướng đạo lập đàn thỉnh ý Thiêng Liêng.

Đức Hưng Đạo Vương giáng cơ mượn lời Đức Không Tử giải đáp: *“Hữu đức, thứ hữu nhân, hữu thổ, hữu tài, hữu dụng... Các hiền đệ vun bồi được đức ấy, thành tâm thiện chí vì xã hội nhân sinh, vì công nghĩa, công lợi, vì hạnh phúc tha nhân, mọi người sẽ hết lòng ủng hộ. Cái vốn nhân tâm đó mới là vạn năng, tài chánh nào bì kịp. Đã có nhân tâm thì việc khó khăn nào cũng làm nên, dầu lấp bể đời non cũng không ngại, thì việc vỡ núi phá rừng có đáng là bao...”*

Vâng lời thánh huấn của Đức Thánh Trần, các tiền bối hướng đạo hăng hái tin tưởng mãnh liệt, mạnh dạn đề ra chương trình khai nông, ấn định thời gian ba năm chia làm ba giai đoạn, đặt trọng tâm vào sức người, khai phá bằng chân tay.

Các tiền bối trách nhiệm Nông Viện cổ động những lực

nông không có đất ruộng tích cực tham gia chương trình khai nông. Họ được tổ chức thành đội ngũ. Mỗi lực nông được cấp hai sào gia cư và một mẫu để canh tác. Cứ mười hai lực nông lập thành một tiểu nông xã, nỗ lực góp vốn, góp sức canh tác chung.

Trong tổng thể nông xã (cũng gọi nông trang) có mở mang đường sá, thiết lập cơ sở công cộng: thánh thất, Báo Ân Từ, cơ sở hành chánh, nhà hội, trường học, bệnh xá, thư quán, chợ, sân vận động, nhà giữ trẻ, vườn hoa...

Tất cả tiểu nông xã được phân chia theo phép *tinh điền* của thời Nghiêu Thuấn. Nghĩa là chia đất theo hình chữ *tinh* 井 gồm chín khu. Khu giữa là đất chung của Giáo Hội. Tám phần còn lại là của các đạo tâm lực nông chung sức khai phá.

Tất nhiên để bảo đảm khuôn phép rõ ràng, cần phải có một xã ước minh định quy luật, quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ, kể cả việc thưởng phạt... để gây ý niệm mới, thực thi công cuộc cải tạo nhân tâm, cải tiến tinh thần, tiến đến cảnh thương yêu, bình đẳng, tương trợ để diu dắt nhau trên đường hướng thượng tâm linh.

Khi những khu đất đầu tiên được khai vỡ, những mái tranh đầu tiên được tạm dựng. Những luống khoai, thửa lúa, ruộng bí, bờ ngô lên xanh, người ta đã nghe những lời đồng dao xưa từ đời Đường Ngu cất lên đầu đó:

Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tạc tinh nhi ẩm, canh điền nhi thực, để lực hà hữu u ngã tai?

(Mặt trời mọc, ta ra làm, mặt trời lặn, ta vào nghỉ, đào lấy giếng mà uống, cày lấy ruộng lúa để ăn, phép vua ta chẳng ngại.)

Về phần Thiêng Liêng, các Đại Vương, Lão Thần hồn thiêng dân tộc đã giáng dạy khuyến nông. Đức Phan Thanh

Giản kêu gọi:

*Dùng khoa học trước gậy đạo đức
Toan đại đồng cần nhất tu thân
Khuếch trương học viện canh nông
Đồng bào ai có biết không đồng bào?
Mấy ngàn năm phong trào diên đảo
Chưa dịp nào chánh giáo phục khai
Thích, Nho, Gia, Lão nước ngoài
Ngày nay mới thấy Cao Đài Nam bang.
Cơ hội này hãy toan tận lực
Quyết làm cho hết sức bình sanh
Làm cho Nông Viện đạt thành
Làm cho nòi giống khỏi giành giựt nhau.
Cả tiếng kêu đồng bào ai hỏi
Đưa tay lên giúp với Lão Thần
Kẻ góp của, người góp công
Gầy chung cái cuộc đại đồng sau đây.
Người nam bắc, đông tây mau lại
Khách trẻ già, trai gái bươn vô
Dầu ai đã thác dưới mồ
Cũng mau dậy giúp cơ đồ canh nông.
Hỡi than ôi, có không, không có
Có cùng không ai nữ riêng chi
Này Trung, Nam, Bắc ba kỳ
Đại đồng muốn đến ngại gì công lao.
Có ai nào
Hỡi ai nào
Phải làm sao*

*Làm sao người thấy một lòng
Đáp xây thế giới đại đồng năm châu.⁽⁴⁾*

Đức Hưng Đạo Vương thống thiết cho cả quốc độ Nam bang:

*Trời đất sinh chi cái cảnh này
Tại ai, ai tạo nó ra đây
Sinh, sinh, sinh mãi, sinh càng khổ
Hỡi kiếp căn chi khéo đọa đây?*

Đồng bào ơi! Nói đến hiện tình quốc độ Nam bang này, hãy chịu khó chống mắt, ngoáy tai coi thử, đọc lại mấy thiên quốc sử chép trên bốn nghìn năm nay. Nước nhà ta, nòi giống ta, ông bà ta, cũng một thứ người trong năm thứ, một bờ cõi trên hoàn cầu. Cũng mày mắt, mặt râu, cũng con Hồng cháu Lạc. Than ôi! Non sông đổi dạng, bờ cõi thay người, thế mà đã có ai! Ai ra tay giữ gìn nòi giống? Ai ra công mở mang nghề nghiệp?

Hỡi ơi! Dân càng ngày càng tệ, người càng bữa càng hư. Hỏi quanh hỏi quẩn, hỏi lại cũng vì... Vì thiếu mặc, thiếu ăn... Thôi thôi, dầu chỉ trời chứng đất, trúng đại vì khôn cũng không ích chi, chẳng lợi chi, thêm bứt ruột bầm gan cho ai là người chí sĩ.

*Non sông khí tượng ngấm buồn tênh
Hỏi thử, ai ra đỡ ngọn ngành
Ai chịu vùi thân cùng thổ võ
Ai lo sản nghiệp đặng lưu hành?*

Thế thì muốn cho nhân thân tự lạc, gia đình hạnh phúc, hương đảng yên ổn, quốc gia hòa bình, thế giới đại đồng, cần

⁽⁴⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 190-191.

khôn an tĩnh, tất phải tìm đến nguyên nhân giữa loài người và vũ trụ, thì mới thấy rõ. Dân là hồn chung của nước, nước là danh dự của dân. Dân giàu nước giàu, dân mạnh nước mạnh, dân yên nước yên, dân đau nước bại hoại, dân chết nước tiêu tàn, còn chi nữa cỡi bờ, bờ cỡi! Thế thì ta tìm đến nguyên nhân là thế. Thế giờ ta phải làm sao?

Tất phải quy tội cho đời không đạo đức, người trái hẳn với cơ Trời. Rồi bao nhiêu tư tưởng xấu náo động xung thiên, giao cảm thiên thời, mà sinh ra phong bất điều, vũ bất thuận. Than ôi! Người người phải chịu bao nhiêu tai trời ách nước, khổ nổi sinh, thảm nổi tử! Thực là “Bản nhi vô lễ” đấy ư?

Đồng bào ôi! Chúng ta phải đứng dậy, đưa tay lên, kêu gào nhau, ai cũng hãy lấy một tâm chung. Chung của chung công, chung người chung sức, lập cơ quan Nông Viện để mở mang điền địa, đặng một phần giúp ích cho quốc gia có thể có lực, một phần tư trợ cho bản dân có mặc có ăn.

...

Phương chi cơ hội này, Đức Giáo Chủ Cao Đài lập nên Chánh Đạo, mưu cuộc vạn quốc hòa bình, đại đồng nhân loại. Thật hạnh phúc, thật quý báu vô cùng! Vậy đồng bào hãy hết lòng hết sức, phải chịu khó chịu nhọc, người người mau trời lên kịp thời kỳ, chung đóng góp lập đây biển thẳm! Thế rồi, ngày mà Nông Viện lập thành thì các thánh thất cùng nhân sanh mới mong khỏi góp liếm.

Cơ hội này đây có mấy khi
Hỡi ai, ai hỡi, đợi chờ chi
Lập thành Nông Viện cơ quan sẵn
Đủ mặc đủ ăn, có thiếu gì.

Ôi đồng bào! Đồng bào hãy bạo dạn đi! Hãy quả quyết đi! Chớ ngần ngại chi! Lão rất thương hại, rất đau đớn. Chẳng

khỏi một số người nghe đọc đến nửa bài cổ động này, có khi mang nón về liền, quên hè quên hội. Sợ nhà quan, sợ phép nước, sợ đậu của, sợ đậu tiền, sợ vào sổ tình nghi!

Than ôi! Mở đất phá rừng, sợ tù sợ tội! Lão hỏi: Thế sao trộm cướp gian phi nhốt đầy lao tù mà không ai sợ tội? Cười...⁽⁵⁾

BỐN

Theo Thánh lệnh thì ngày 15 tháng Giêng Kỷ Mão (1939) Quyền Hội Thánh Trung Kỳ chính thức hình thành. Đó là ngày kỷ niệm thành lập cơ Đạo tại miền Trung, ngày ban hành luật pháp và sẽ ngưng cơ bút. Để tiến đến thời điểm đó, Đức Thượng Đế cho mở Tiểu Hội Vạn Linh và Đại Hội Vạn Linh. Đại và Tiểu Hội Vạn Linh này không phải Hội Vạn Linh theo luật định do Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhân Sinh hợp thành trên nguyên tắc Tam Hội Lập Quyền, mà chỉ quy tụ đủ thành phần hướng đạo, chức sắc, chức việc, nhân sinh, tiêu biểu tinh thần toàn Đạo, tinh thần vạn linh.

Do đó Đại và Tiểu Hội Vạn Linh này, ngoài mục đích sau năm năm truyền đạo Trung Kỳ, Đức Cao Đài Thượng Đế đến ban bố hồng ân đặc biệt cho toàn hướng đạo, nhân sinh, tưởng thưởng công lao khó nhọc khai sơn phá thạch buổi đầu. Nó còn là ngày trọng đại: ban hành luật pháp, Quyền Hội Thánh ra đời lãnh đạo nhân sinh, thể hiện tinh thần Thiên nhân hiệp nhất và chuẩn bị cho thời kỳ ngưng cơ bút phổ độ... dịp trọng đại này chừ Thánh Thần Việt Nam cầu xin cổ động thành lập Nông Viện, thực thi xây dựng đời sống nhân sinh trong chủ trương đem đạo vào đời.

⁽⁵⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 196-199.

Có sáu Tiểu Hội Vạn Linh tổ chức ở sáu thánh thất. Trước hết là thánh thất Trung Thành từ ngày mồng 2 và 3 tháng Giêng Kỷ Mão. Thánh thất Thanh Quang và Nam Trung Hòa tổ chức tại Nam Trung Hòa ngày 4 và ngày 5 tháng Giêng Kỷ Mão. Thánh thất Từ Quang ngày 6 và 7 tháng Giêng Kỷ Mão (1939). Ba Tiểu Hội Vạn Linh này tổ chức trong dịp đầu xuân. Mọi người già trẻ, gái trai nô nức đua nhau dự hội. Đặc biệt toàn đạo được Thiêng Liêng điểm danh bằng bài thi trường thiên. Thiêng Liêng dùng cách điểm danh rất khác thường. Cứ điểm danh một nơi ở miền Trung lại xen kẽ một nơi ở miền Nam. Qua các đàn cơ, các thánh tịnh, thánh thất từ miền Trung đến miền Nam, cùng lúc Thần Tiên giáng điển điểm danh trên bốn ngàn đạo tâm.

Theo Thánh lệnh, các đàn cơ điểm danh xong, chức sắc chứng đàn và Ban Cai Quản ký tên đóng dấu bỏ bì niêm kỹ, gửi cho Ban Hướng Đạo.

Sáng ngày mồng 8 và 9 khai hội lần thứ tư tại thánh thất Trung An, gồm cả Trung Nguyên và Trung Hòa. Các Thiên bàn Đông Tác, Tứ Trung cũng về tham dự.

Thánh thất Trung An (chùa An Tráng cũ) nằm trên sườn đồi cao, phải leo nhiều bậc cấp mới đến cổng. Lễ Hội Tiểu Vạn Linh ở đây được trang hoàng rất huy hoàng. Hai bên đường vào cổng có dựng cờ đuôi nheo, có cổng chào kết bằng lá ngâu, lá đùng đình, với tấm bảng “Mừng Hội Vạn Linh”. Bên cạnh cổng có bàn thư ký ghi kỷ niệm, phía trong sân có các biểu ngữ đề cao tinh thần ngày hội. Ban đêm có đèn lồng rực rỡ, đèn măng sông (*manchon*) sáng choang.

Vì thành quả của ba Tiểu Hội tổ chức trước gây tinh thần phấn khởi chung cho toàn Đạo nên lần thứ tư này càng hào hứng sôi nổi hơn. Lại vì bốn đạo dự hội kỳ này gồm cả ba huyện Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn.

Ba lần tổ chức trước, mật thám đã theo dõi nên lần này có tin chính quyền sẽ đến gây khó khăn. Mặc dù vậy các tiền bối Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác vẫn thân nhiên cùng Ban Hướng Đạo thực hiện cuộc lễ.

Vào 17 giờ Tri Phủ Thăng Bình Nguyễn Xuân Đàm đến. Khi vào cổng ban thư ký ghi kỷ niệm, nữ tu Phan Thục Cơ và Phan Thị Hòe xin phép được ghi tên vào sổ kỷ niệm.

Một nhân viên tháp tùng quát:

- Quan lớn Phủ mà kỷ niệm gì?

Vị trưởng ban văn phòng trình bày:

- Đó là thể lệ của tổ chức, mỗi mỗi phải ghi chép rõ ràng vừa để kỷ niệm, vừa để trình chính quyền khi cần xét hỏi.

Kịp lúc ấy thì tiền bối Trần Nguyên Chất ra tiếp mời Tri Phủ vào phòng khách. Tất nhiên là tên của Tri Phủ có ghi vào sổ kỷ niệm.

Tri Phủ Nguyễn Xuân Đàm mới đến trấn nhậm phủ Thăng Bình, có nghe danh thầy Cửu Sáo và thầy giáo Hai của làng An Tráng nên hơi dè dặt. Tuy nhiên chuyển thanh sát này có cả mật thám Reynaund nên Tri Phủ muốn tỏ ra uy quyền một quan địa phương. Tri Phủ hỏi hai tiền bối Trần, Huỳnh:

- Ai cho phép các ông tổ chức hội hè đông đảo như thế này?

Không đợi trả lời, Tri Phủ lớn tiếng:

- Phi pháp, giải tán ngay!

Tiền bối Trần Nguyên Chất lễ phép thưa:

- Bẩm quan lớn, theo tập truyền cổ hữu của người Việt ta, tháng Giêng là tháng ăn chơi, hội hè... Đồng thời cũng là tháng hành hương lễ bái, cảm cảnh với Thần Linh, nhất là lễ vía Trời đêm mồng 8 rạng mồng 9 tháng Giêng. Mọi người,

mọi gia đình đều chí thành dâng lễ cầu an, cầu phước cho một năm.

Tiền bối nói tiếp:

- Chúng tôi hôm nay thành tâm tự nguyện về đây theo tục lệ lâu đời của dân tộc. Lại nữa luật lệ triều đình ta có chỗ nói “quan hôn, tang tế bất tại cấm lệ” nên chúng tôi tưởng không gì phải xin phép. Còn việc giải tán, chúng tôi không thể làm được vì chúng tôi đâu có triệu tập, thì sao có quyền giải tán. Bởi vì do thành tâm, họ tự nguyện đến, khi nào họ muốn về thì họ tự về. Nếu quan lớn thấy trái phép nước thì cứ ra lệnh giải tán cho bà con về.

Tri Phủ Thăng Bình đứng dậy nói to:

- Yêu cầu bà con đồng bào ai ở đâu về đấy, không được tụ tập nơi này sẽ bị bắt hết.

Trong đám dân chúng có tiếng đáp lớn:

- Chúng tôi chưa giải tán, vì hôm nay là ngày vía lễ, các thầy ở đây khuyên dân làm điều thiện, đồng bào chúng tôi đến hầu nghe theo chương trình niêm yết, chào mừng lễ và nghe giảng đạo lý xong chúng tôi mới về.

Tri Phủ Thăng Bình bực tức hét to:

- Tôi bảo tất cả phải giải tán gấp!

Bên ngoài có tiếng đông đảo đáp lại:

- Không về, không về! Quan lớn có quyền giải tán dân Thăng Bình, còn chúng tôi dân Tiên Phước.

Mọi người vừa vỗ tay vừa cười to làm viên Tri Phủ phùng phùng lửa giận. Tiền bối Trần Nguyên Chất vội tìm cách giải tỏa. Tiền bối tiến gần sát quan Phủ chấp tay lễ phép thưa:

- Xin quan lớn thông cảm và hiểu cho lòng sùng kính trời đất của người dân. Quan lớn nhìn xem trong đám dân lam lũ

chất phác kia, ai ai cũng thành tâm, cũng trật tự, cũng một lòng tín mộ về sự cơ cảm của hội lễ đầu năm. Chúng tôi hứa chỉ thực hiện theo chương trình đã niêm yết xong là giải tán.

Tri Phủ Nguyễn Xuân Đàm thấy đã đến giờ cản trở về nên ra về thị uy, bảo hãy nộp tất cả sổ sách ghi công quả, kể cả sổ ghi kỷ niệm ngoài công, cũng như các tài liệu giấy tờ chương trình...

Tiền bối Nguyễn Mậu Châu, trưởng ban văn phòng, đã tính toán trước nên cất kỹ sổ vàng ủng hộ, còn tất cả đem trình nộp. Tri Phủ Nguyễn Xuân Đàm cho người nhận rồi vội ra về.

Quang cảnh làng An Tráng đêm đó rất khác thường. Dân được huy động đèn đuốc, gây gộc canh phòng. Lính phủ đi lại tuần tiễu cẩn mật. Không khí nghiêm trọng bao trùm lên từng mái nhà dân.

Tại lễ trường chùa An Tráng, ban tổ chức cảm thấy việc quan Phủ đến gây khó dễ như vậy là tạm yên. Chương trình được tiếp tục. Dân chúng lại ùn ùn kéo đến dự lễ. Hễ bị chặn ngã này thì dân tìm đi ngã khác.

Vào lúc 20 giờ, Tri Phủ Nguyễn Xuân Đàm trở lại có thêm mật thám Reynaud. Mặc dù có phần quan ngại, hai tiền bối Trần Nguyên Chất và Huỳnh Ngọc Trác vẫn bình tĩnh ra công tiếp mời vào phòng khách. Mật thám Reynaud tỏ ra từ tốn, đi một vòng quanh ra đến tận sau chùa rồi mới vào phòng khách. Trước khi vào ghế, Reynaud bảo:

- Những người không phận sự ra khỏi nơi này.

Mật thám Reynaud nói tiếng Việt rất giỏi nên việc đối đáp rất thuận tiện. Không đợi hỏi, tiền bối Trần Nguyên Chất thưa lại những lời đã thưa với Tri Phủ Nguyễn Xuân Đàm về ý nghĩa tổ chức lễ lạc đầu năm cho mật thám Reynaud nghe.

Reynaud nghiêm mặt giọng nói hơi gay gắt:

- Tổ chức hội lễ đầu năm thì “bắt tại cấm lệ”, còn tổ chức cổ động Nông Viện rầm rộ có xin phép không?

Tiền bối Huỳnh Ngọc Trác trả lời:

- Về Nông Viện chúng tôi có xin phép khẩn hoang ở Cờ Vĩ thuộc huyện Quế Sơn. Vì chúng tôi được Đức Trần Hưng Đạo giảng cơ chỉ dạy việc mở mang sinh kế cho dân, nên Nông Viện được cổ động hô hào khai phá đất công bỏ hoang cho mọi người nghèo có đất canh tác đem lại ấm no. Đó là việc hữu ích, chúng tôi nghĩ sẽ được chánh quyền khuyến khích và là tinh thần bảo hộ của nhà nước Đại Pháp văn minh. Chúng tôi vốn là nhà đạo Cao Đài chủ trương hóa độ con người toàn diện, coi việc xây dựng nếp sống tinh thần tâm linh song song với đời sống vật chất. Chúng tôi nhờ Đức Trần Hưng Đạo Vương dùng cơ bút chỉ dạy, đôn đốc bốn đạo chúng tôi hợp sức bằng chân tay, trí óc của mình để mở mang xây dựng đời sống cho chính mình. Buổi lễ đầu năm theo tập truyền hôm nay chúng tôi có trình bày qua về Nông Viện, mục đích thăm dò tinh thần tham gia lập nghiệp của bốn đạo. Tùy vào đó chúng tôi tính toán mức độ nào có thể làm được, sẽ lập chương trình kế hoạch xin phép chính quyền để thực hiện. Nếu chưa đủ điều kiện thì sẽ tạm gác lại chờ thời gian khác.

Cách trả lời khéo léo của Huỳnh tiền bối tỏ ra thành thật vừa tránh né luật pháp mà cũng vừa công khai về chủ trương Nông Viện.

Mật thám Reynaud về mặt lạnh như tiền hỏi tiếp:

- Trong chương trình hội lễ này có tổ chức cầu cơ. Vậy lúc nào bắt đầu cầu cơ?

Thật hết sức e ngại, nhưng tiền bối Trần Nguyên Chất vẫn trả lời:

- Theo chương trình thì bắt đầu từ 23 giờ. Bẩm quan lớn, nhưng...

Reynaud nói rất mạnh mẽ:

- Không nhưng gì cả. Hãy tổ chức sớm hơn, chúng tôi sẽ dự.

Tình thế thật khó xử, tất cả Ban Hương Đạo đều bối rối. Tiền bối Thanh Long là người âu lo nhất, vì tiền bối là đồng tử. Trong hoàn cảnh bất an thiếu thanh tịnh này liệu sự tiếp diễn có được minh hay không? Bỗng dung tiền bối nhớ lại lời của tiền bối Nguyễn Bửu Tài nói với các hương đạo miền Trung hồi năm ngoái “Việc của ông Trời mà xin phép ai. Đức Trần Hưng Đạo đã hứa thì cứ làm, có sao thì nín áo Ngài. Chẳng lẽ mấy lần đánh đuổi được quân Mông Cổ mà nay không điều khiển được ba anh Tây này sao?!”

Như để dò ý chung, tiền bối Trần Nguyên Chất liếc mắt qua các vị hương đạo thấy ai cũng điềm tĩnh gặt đầu, Trần tiền bối chấp nhận thế “phóng lao”, trả lời:

- Chúng tôi có thể thu xếp lập đàn sớm hơn vào lúc 22 giờ. Kính mời quý quan lớn cùng dự với chúng tôi.

Tất cả mọi người trong lễ hội từ hương đạo cho đến bốn đạo đều cảm thấy đang đối mặt với một thử thách giữa quyền lực và huyền lực. Không gian như cao rộng hơn, cảnh trí tĩnh lặng hẳn. Ai ai cũng tề chỉnh trang nghiêm và chí thành trong thanh tịnh.

Đến giờ, đàn cơ bắt đầu. Đức Trần Hưng Đạo giảng, trước tiên dạy qua về ngày lễ, và kết bằng bốn câu thơ:

*Vạn Linh Tiểu Hội mở khoa trường
Giục thúc nhân sinh gót trở buơn
Bước đến đại đồng toan thống nhất
Cùng nhau tay bắt đất lên đường.*

Tiếp theo cơ viết :

Bản Thánh chào nhị vị đại quan nhà chức trách Pháp Nam. Hôm nay Bản Thánh hoan hỷ có đôi lời cùng nhị vị.

Reynaud! Quý Pháp quốc, một nước được tiếng là văn minh tiên phong thế giới, mở đầu các tư trào bình đẳng tự do, dân quyền, dân chủ... nay sang bảo hộ nước Việt Nam, một nước còn chậm tiến, hẳn đã còn sứ mạng văn minh ấy thì công cuộc mở mang dân trí, cải tiến dân sinh là nền tảng xây dựng văn minh, thì cũng chính là nhiệm vụ thiêng liêng của quý quốc.

Trở về lịch sử ngày xưa, Thánh Chúa Jêsus tội gì mà phải bị đóng đinh trên thập tự giá? Phải chăng chỉ vì rao truyền điều nhân nghĩa, hô hào bác ái, tự do con người, nào có gây loạn cướp nước cướp quyền đâu!

Cao Đài Giáo ngày nay cũng trong sứ mạng đó, xây dựng văn minh, đem lại hạnh phúc tự do, đạo lý con người. Việc khuyến khích khai nông cũng trong mục đích đó, không có gì vọng động cả. Bản Thánh nghĩ, việc làm nói trên đối với quý quốc chính phủ, nếu không tán trợ thì chớ, sao lại cấm ngăn? Vì đó là một vinh dự và hữu ích cho quý quốc về sau. Bản Thánh mong quý chức vì nhiệm vụ và cũng vì công lý và lương tâm, đạo đạt sự thật của vấn đề hôm nay lên quý thượng cấp. Đó mới là điều hữu ích chung vậy.

Tiếp theo Đức Trần nói với Tri Phủ Thăng Bình:

Nguyễn phủ quan đến trấn nhậm nơi này với nhiệm vụ bảo an dân chúng đồng bào, hẳn đã biết muốn cho người dân hiền hòa lương thiện, không trộm cướp gian tham, biết điều phải trái, lễ chính tà, biết tuân hành luật pháp, không làm điều trái đạo, không làm rối loạn trị an, tất phải đề cao luân lý đạo đức, cải tiến dân sinh, mở mang dân trí. Đó là nghĩa vụ của

nhà nước, nhiệm vụ của người đại diện nhà nước. Nay có những người dân tự nguyện đứng ra làm những việc đó, sao lại cấm đoán, bắt bớ đến phải tù tội? Bản Thánh không muốn nói nhiều, chỉ mong Phủ quan xét lại nhiệm vụ của mình.

Nay dịp đầu xuân, gặp đây tặng Phủ quan mấy lời thơ:

*Xuân Đạm, xuân tiếu, tiếu xuân tâm
Tân vật, tân nhân, thử tại trần
Trần tục thù tri hoàn chuyển kiếp
Ngô thân vị giáo khí hà nhân?*

Cơ gỡ mạnh, viết lời chào Reynaud, Tri Phủ Xuân Đạm và tiếp tục ngợi khen tinh thần toàn Đạo. Tiền bối Trần Nguyên Chất bạch hỏi về các lễ kế tiếp có thực hiện không. Cơ viết: “*Cứ tiến hành.*”

Xong đàn cơ, mật thám Reynaud và Tri Phủ Nguyễn Xuân Đạm truyền lệnh toàn đạo giải tán, tịch thu tất cả tài liệu, chỉ thị cho lính lệ phối hợp với các viên chức địa phương dẫn giải các tiền bối Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Đán, Đồng Tử Thanh Long xuống Việt An để có xe đưa về tỉnh Quảng Nam.

Đến tỉnh thì trời vừa sáng, xe mật thám đưa các hướng đạo đến trại lính tuần sát. Chờ mãi đến 9 giờ mới có lệnh đưa qua Ty Niết trình diện ông Nghè Phạm Xuân Đào, trưởng phòng mật vụ để hỏi cung.

Trước tiên là tự khai lý lịch, sau đó từng người được hỏi cung. Các tiền bối đều trình bày một ý chung về việc tổ chức hội lễ đầu năm này như đã trình bày với Tri Phủ Xuân Đạm và mật thám Reynaud.

Quan Nghè Đào nghiêm mặt bảo:

- Các ông tập hợp dân chúng phi pháp, mượn có tu hành

tín ngưỡng bày trò đồng cốt dị đoan mê tín, hoặc thế vu dân. Việc làm mà luật pháp đều cấm. Còn Cao Đài là đạo triều đình không cho truyền bá mà theo làm gì?

Tiền bối Giáo Sư Nguyễn Quang Châu bình tĩnh đáp:

- Thưa ngài cho phép chúng tôi được trình bày qua câu hỏi của ngài. Tôn chỉ Cao Đài đề cao luân lý, đạo đức, chính nghĩa trong Tam Giáo (Nho, Thích, Đạo) để hóa độ mọi người bỏ điều ác làm điều thiện trong tình thương yêu đoàn kết, không kỳ thị tranh chấp, tuân theo phép nước, giữ đạo nhà. Đức Trần Hưng Đạo Vương giảng cơ khuyên dạy nhân dân đồng bào tham gia mở trường học, khai phá đất hoang, mở mang dân trí, nâng cao dân sinh, làm cho dân no nước mạnh, đạo đức văn minh. Việc làm đó là lý tưởng, cần thiết thì sao gọi là mê tín dị đoan? Chúng tôi vâng lời Đức Thánh Trần thực hiện lời dạy ấy với bốn đạo đồng bào trong tình thâm bất vụ lợi thì sao gọi là hoặc thế vu dân?

Nghe tiền bối Giáo Sư nói cứng rắn như vậy, Nghè Đào không biện luận gì, lại hỏi tiếp:

- Các anh học Nho có biết Khổng Tử đã nói “Từ bất ngữ quá lực loạn thần”?

Thấy Nghè Đào đưa mắt về phía mình, tiền bối Huỳnh Ngọc Trác ung dung vuốt râu đáp:

- Thưa ngài, tôi có biết câu ấy và chúng tôi hành theo lời dạy đó. Nếu ngài muốn nói vấn đề cơ bút thì Đức Trần Hưng Đạo Vương là đấng anh hùng dân tộc, là bậc Thánh của Việt Nam, hiện khắp nước ta đều kính trọng tôn thờ. Nay Đức Ngài giảng cơ đem đạo lý dạy người đời: Làm quan phải trung chính, làm dân phải hiếu nghĩa, ở gia đình phải hòa mục, ở xã hội phải kỷ cương... Như vậy có gì là quá lực? và sao gọi là loạn thần?

Nghè Đào vốn Nho học khá mà Tây học cũng khá. Tuy là kẻ bon chen danh lợi nhưng cũng muốn nguy trang cho mình chút tinh thần ưu thời mẫn thế. Hơn nữa trước mặt những nhân vật được nhiều giới tín mộ có tiếng này, Nghè Đào tỏ ra thông cảm dùng lời lẽ khuyên thế này thế nọ rồi cho về.

Theo chương trình còn hai Tiểu Hội Vạn Linh phải tổ chức ở thánh thất Trung Quang (Quế Sơn), thánh thất Linh Bửu (Duy Xuyên). Tuy biết sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng các hướng đạo vẫn tiến hành theo Thánh ý của Đức Trần Hưng Đạo.

Tại đồi Tiên Lang với rừng chồi bao la, thánh thất Trung Quang cũng tung bùng rộn rịp đèn hoa cờ xí rực rỡ. Bốn đạo và đồng bào băng đồng lội suối về dự hội. Lễ chánh thức vào ngày mùng 10 tháng Giêng Kỷ Mão (1939). Tri Huyện Quế Sơn Nguyễn Trọng Thuần và mật thám Reynaud đến hạch hỏi rồi ra lệnh cho chính quyền địa phương canh giữ, không cho tụ họp. Chính quyền địa phương chỉ canh giữ đến 4 giờ chiều rồi bỏ về. Đêm đến, bốn đạo và đồng bào lại tụ họp và vẫn tổ chức cầu cơ. Đức Thánh Trần giảng dạy các việc phải làm...

Đến ngày 12 thánh thất Linh Bửu tổ chức không rình rang về hình thức, vì Tri Huyện Nguyễn Sĩ Túc đã cảnh báo cho chính quyền địa phương theo dõi cẩn thận. Ban tổ chức tại Linh Bửu rất dè dặt, nhưng rút kinh nghiệm đã qua, thấy chính quyền chỉ đến tra hỏi nhưng không đến nổi gắt gao lắm, cho nên ban ngày vẫn yên ắng, vừa đêm đến, các hướng đạo liền tiến hành phận sự, bốn đạo đồng bào lại tập trung và nội dung lễ hội có phần rút gọn. Đến lúc chuẩn bị lập đàn thì Tri Phủ Duy Xuyên Nguyễn Sĩ Túc và mật thám Reynaud xuất hiện.

Tri Phủ Nguyễn Sĩ Túc hùng hổ:

- Ai cho phép các anh tập họp? Muốn làm quốc sự hay làm

giặc mà hô hào góp tiền bạc, mở đồn điền, tích thảo đồn lương, các anh muốn ở tù rục xương không?

Các hướng đạo bình tĩnh vì đã trải qua màn thị uy quyền lực này rồi.

Mật thám Reynaud bước vào không cần nói gì cả chỉ ra lệnh giải tán, tịch thu giấy tờ sổ sách và dẫn giải ban tổ chức về tỉnh.

Các hướng đạo lại được đưa về trại lính tuần sát Quảng Nam chờ ngày hôm sau tiếp tục vào khai cung với Nghè Đào.

Lần này chỉ là việc cũ lặp lại nên Nghè Đào không lý sự biện bác, chỉ hỏi qua diễn tiến tổ chức lễ rồi nói:

- Các anh khinh thường pháp luật, hội họp trái phép ở An Tráng, chính quyền đã tha cho, các anh lại tổ chức ở Quế Sơn, nay lại tổ chức ở Duy Xuyên. Thật các anh không kiêng nể gì nhà nước cả! Gan thật! Các anh hãy chờ đấy!

Các hướng đạo ngồi chờ, nghĩ rằng quan Nghè sẽ có biện pháp trừng trị gì đây. Nhưng chờ mãi đến trưa rồi qua chiều vẫn vô sự. Lúc 15 giờ, viên đề lại cho tất cả ra về.

Như vậy sáu Tiểu Hội Vạn Linh tuy phải vượt trên sóng gió nhưng đã hoàn tất theo kế hoạch. Bây giờ chỉ còn chờ ngày tổ chức Đại Hội Vạn Linh tại thánh thất Trung Thành.

ĐẠI HỘI VẠN LINH

Sáu Tiểu Hội Vạn Linh được thực hiện đúng theo thời gian ấn định, với Tiểu Hội Vạn Linh thứ nhất tổ chức vào ngày mồng 2 Tết Kỷ Mão (1939) tại thánh thất Trung Thành.

Được xem như kỳ hội tổng kết thành quả sáu Tiểu Hội Vạn Linh, Đại Hội Vạn Linh sẽ tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng Kỷ Mão, cũng tại thánh thất Trung Thành. Đây sẽ là ngày vui, mừng thành tựu năm năm truyền đạo miền Trung; là ngày thu hái được kết quả về công cuộc cổ động nông viện, đã thực hiện ở sáu Tiểu Hội Vạn Linh; đồng thời sẽ là ngày Ôn Trên ban ơn thành lập Quyền Hội Thánh Trung Kỳ.⁽¹⁾

Nhưng căn cứ theo chương trình của Tiểu, Đại Hội Vạn Linh đã được niêm yết, mật thám Reynaud chỉ thị cho chính quyền các địa phương trong tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng ngăn cấm không cho người đạo Cao Đài các nơi tụ về giáo sở. Do vậy các hướng đạo hội họp được trong ngày Đại Hội Vạn Linh như chương trình ấn định, mặc dù tất cả mọi việc chuẩn bị cho ngày Đại Hội đã được Ban Cai Quản thánh thất Trung Thành lo liệu đầy đủ.

Chiều ngày 14 tháng Giêng, về được thánh thất Trung Thành chỉ có các tiền bối như Giáo Sư Nguyễn Quang Châu, Giáo Sư Trần Công Ban, Giáo Hữu Nguyễn Đán, cặp Đồng Tử Thanh Long và Bạch Hồ.

Đến tối ngày rằm các tiền bối Lê Trí Hiễn, Trần Nguyên

⁽¹⁾ Theo thánh giáo Đức Chí Tôn ngày 25-12 Mậu Dần (13-02-1939).

Chát, Huỳnh Ngọc Trác, Nguyễn Đình Lý, Nguyễn Đình Kinh, Đỗ Chấp Trung... mới về được thánh thất Trung Thành. Ban Hướng Đạo họp bàn, quyết định dời Đại Hội Vạn Linh lại ba ngày sau (18 tháng Giêng Kỷ Mão, tức 08-3-1939).

Tiền bối Thanh Long suốt từ đầu Tết Kỷ Mão đến nay cố tránh mọi tiếp xúc, mọi trường hợp đối phó bên ngoài. Tiền bối luôn gắng giữ tâm thanh tịnh để lo phận sự làm chiếc cầu nối giữa vô hình và hữu hình. Tiền bối rất sợ cái tâm thể của mình bị lung lay thì giáo nghĩa của điển quang lạc tầm nhất quán, sẽ gây tai hại không lường.

Đặt trọn tâm tư vào điển tiến hình thành Cửu Viện, trong đó chú trọng về Học Viện và Nông Viện, tiền bối Thanh Long cảm nghiệm được ơn điển quang về với miền Trung đều là chư Thánh Việt Nam: Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương, Đức Ngô Tùng Châu, Đức Võ Công Tánh, Đức Phan Thanh Giản, Đức Trung Trắc Thánh Nương. Tất cả các bài thánh giáo đều thúc giục, cổ xúy cho công cuộc khai nông, gầy dựng Nông Viện, tạo sự no đủ cho mọi người.

Có được ba ngày rảnh rỗi trước Đại Hội Vạn Linh, tiền bối Thanh Long chép lại tất cả các bài thánh giáo này để lưu giữ.

Đức Ngô Tùng Châu (tạ thế năm 1801) sinh thời là Lễ Bộ Tham Tri, thầy dạy Đông Cung Nguyễn Phúc Cảnh, cũng giữ chức Điền Trấn Quân chăm lo việc khẩn đất làm ruộng của dân. Khi giáng cơ Ngài đã dạy về khuếch trương điển địa:

NGÔ TÙNG CHÂU

Chào liệt vị. Khá nghiêm đàn, soát đàn tiên, bé môn vật thị.⁽²⁾

⁽²⁾ *Bé môn vật thị:* Đóng cửa, đừng để người ngoài nhìn thấy.

THI

*Gió đạn mưa tên gọi thử lòng
Bá từng phải mặt quản gì đồng
Cực lòng mới biết ai vì Đạo
Đuôi ngựa, lần nương giới cũng đồng.*

Than ôi! Đối với thời kỳ nhơn sanh hiện tại như thế nào? Tất phải nói rằng nhân sinh bất bình đẳng đó. Một hương đảng, một quốc gia đã trông thấy rõ ràng phân màu da, chia sắc tóc. Kẻ hương trùm lỗ dờ, đã ngoảnh cổ ông nọ bà kia. Người được một hai mẫu đất, năm bảy thước vườn đã thấy bản dân, tư bản.

Ôi! Than ôi! Vì thiếu ăn thiếu mặc, thiếu trước hụt sau. Thậm chí con ở đợ, vợ làm công, suốt tháng quanh năm mãi lo bé óc mòn tim, mà coi lại thiếu nguyên còn thiếu. Gia đình, hương đảng, quốc gia, xã hội vì thế mà sinh ra nạn tranh đấu cầu xé lẫn nhau. Kẻ trí thì vì nước vì nhà, vì danh vì lợi. Người ngu thì vì ăn vì mặc, vì thiếu vì nghèo, mà đưa tay nhắm mắt, đành quên nghĩa quên nhân.

Than ôi! Đòi ra nổi thế, tất nhiên chỉ vì không có đạo đức, không học thức, không sản nghiệp mà ra. Thế thì phải làm sao đây?

Phải cần tổ chức:

- Phổ Thông Giáo Lý Viện.
- Học Viện.
- Nông Viện.
- Công Viện.

Phổ thông tràn khắp, học thức mở mang, điển địa khuếch trương, nghề nghiệp sáng lập thì tự nhiên được hoàn toàn.

Những điều đã nói mà muốn khuếch trương thì nay phải

nhờ ai? Phải nhờ tay lãnh tụ chí khí, cương quyết, thật tâm mến Đạo thương đời mới mong thành lập.

Hỡi ôi! Nói đến hai chữ hướng đạo, Lão Thần phát rờn óc rùng mình.

Có thương Thầy mến Đạo không? Có, có, có! Thế mà nhà tôi, tôi ở; Đạo Thầy, Thầy mở. Tôi chỉ giúp tư tưởng cho Thầy mà thôi.

Chắc nhân loại phải biết rằng Thầy có đủ quyền pháp chuyển càn khôn ra tro mát, hóa nhân loại ra bợn tằm. Thế mà Thầy phải nhọc nhằn giảng thế dạy bày, nổi khóc nổi cười, làm cách diễn trò cho người đời mặc tình kích bác.

Ôi! Té ra vì Thầy không đành phạt các con các cái của Thầy. Tuy vậy, nếu dạy hết sức cùng phương mà không nghe lời Thầy, sẽ biết!

THI

*Nhân loại than ôi, lăm não nùng
Một người làm xấu bậu mang chung
Chung nhau một giống con Hồng Lạc
Lạc chủng Long xưa cũng hóa sùng!
Thảm bấy nhân sinh muốn khuấy chơi
Cười cho đầy giếng ếch trông trời
Trời to, trời nhỏ vừa người biết
Biết đặng bao nhiêu biết mấy hơi.
Khó dạy cho ai thoát ngục tù
Tưởng mình là trí, chẳng dè ngu
Cả đời tự đắc kiêu căng mãi
Đến Hội Long Hoa khó kịp tu.⁽³⁾*

⁽³⁾ *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 181-183.

Tiền bối Thanh Long chép tiếp bài của Lão Thần Phan Thanh Giản, Trần Hưng Đạo Đại Vương, Võ Công Tánh, rồi bài của Trung Trắc Thánh Nương.

Tất cả những bài thánh giáo này Ban Hướng Đạo đã cố tình nộp cho phủ huyện, cho mật thám Reynaud với chủ ý để giới cầm quyền biết rõ nguồn thánh điển Cao Đài không thể do con người dựng nên được, và nội dung hoàn toàn không dạy làm quốc sự mà chỉ khuyên tu, cổ động mở mang dân sinh, dân trí, dân đức.

Trong sáu Tiểu Hội Vạn Linh ở Nam Trung Hòa, Từ Quang, Trung An, Trung Quang, Linh Bửu, đều có chính quyền phủ huyện, mật thám Tây đến thanh sát, gây khó khăn, giải người về Ty Niết lấy cung. Tuy vậy cũng chỉ là răn đe, cảnh cáo. Nhưng đến kỳ Đại Hội này, tiền bối Thanh Long có linh tính rằng tình hình sẽ nghiêm trọng hơn.

Tiền bối bàn với Ban Hướng Đạo nên rút gọn thời gian Đại Hội, hạn chế thành phần tham dự của các thánh thất từ miền quê kéo về. Chủ yếu là hình thành tổ chức nhân sự Quyền Hội Thánh Trung Kỳ và tiếp nhận ơn Tổng Lý Vô Vi Trần Hưng Đạo Đại Vương.

Qua ngày rằm, cảnh sát thành phố thấy thánh thất Trung Thành chỉ hành lễ giờ Ngọ như thường lệ và không có gì tiếp diễn, nên họ rút lui tất cả. Thánh thất cũng giữ im lặng đến ngày 18 mới tụ hội các hướng đạo nòng cốt, chấp nhận tổ chức Cửu Viện với thành phần như cũ, chỉ thêm một Thánh Kinh Học Đường do tiền bối Trần Quốc Luyện đảm trách.

Vào giờ Ngọ ngày 18, các hướng đạo cử hành trọng lễ tại bửu điện thánh thất Trung Thành, dâng sớ trình diện ban Cửu Viện Quyền Hội Thánh Trung Kỳ và đón mừng Đức Tổng Lý Vô Vi Trần Hưng Đạo Vương theo thánh giáo Đức Chí Tôn dạy ngày 25 tháng Chạp Mậu Dần (13-02-1939).

Xong đầu vào đó, các hướng đạo mỗi người về chăm lo phận sự của mình. Tương đầu vậy là yên, không ngờ tòa án Quảng Nam tuyên phạt các hướng đạo đã tổ chức sáu Tiểu Hội Vạn Linh mỗi người hai năm tù treo. Về phần các thánh thất được chọn để mở Tiểu Hội Vạn Linh, mỗi chức việc Ban Cai Quản bị tù sáu tháng tới một năm tù treo. Một số thánh thất và Thiên bàn bị đóng cửa. Chương trình Nông Viện bị cấm hoạt động. Chỉ còn hai trường học tại hai thánh thất Trung Thành và Trung An được tiếp tục.

Các tiên bối hướng đạo tìm cách báo cho Liên Hòa Tổng Hội tình hình khó khăn này, nhờ can thiệp.

Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long (1889-1960) mở cuộc vận động mạnh mẽ qua báo chí bên Pháp, đồng thời can thiệp trực tiếp với Tổng Trưởng Thuộc Địa Georges Mandel để họ chấp nhận cho đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng và nhìn nhận sự hiện hữu của đạo Cao Đài là hợp pháp.

Giai đoạn này tình hình thế giới đang rối ren. Trong nước thì có nhiều phe phái chính trị đối nghịch nhau. Bên thì chống Phát Xít, bên lại thân Nhật. Lại còn có thành phần chống Phát Xít và chủ trương không đảng phái. Ở miền Nam một số người đạo Cao Đài dính dấp vào tổ chức Liên Đoàn Ái Quốc Hội, có số bị tình nghi thân Nhật và ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (1882-1951). Tại miền Trung lại cho rằng Cao Đài là cộng sản vì Cao Đài có chủ trương xã hội đại đồng.

Nhờ sự can thiệp của Liên Đoàn Tổng Hội nên chính quyền có phần nới tay nhưng chỉ thời gian ngắn. Vào mùa thu năm 1939 (Kỷ Mão) đệ nhị thế chiến bùng nổ. Chính quyền Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng yêu nước, các hoạt động đảng phái chính trị và các tôn giáo bị nghi ngờ là thân Nhật, thân Đức, thân cộng sản.

Các hướng đạo Quyền Hội Thánh Trung Kỳ lúc này rất âu

lo vì tình hình xáo trộn mỗi ngày càng thêm căng thẳng. Tiên bối Hiệp Lý Lê Trí Hiền dặn dò các hướng đạo hết sức dè dặt tiếp xúc với bên ngoài. Các tiên bối bên Cửu Trùng Đài lo soạn *Gia Lễ Thường Hành*. Các tiên bối bên Hiệp Thiên Đài lo tập luyện cặp nữ đồng loan (12 tuổi) là Tuyết Hải (Trần Thị Bi) và Tuyết Hà (Phan Thị Diêu).

Vào tháng 3 Canh Thìn (1940), Liên Hòa Tổng Hội tổ chức kỳ Đại Hội Long Vân thứ 12 tại thánh tịnh Minh Kiến Đài (Gò Vấp, Gia Định). Được thư mời, tiên bối Lê Trí Hiền rất phân vân. Nhưng sau cuộc họp chung, các vị hướng đạo đã quyết định tiên bối Hiệp Lý cùng các tiên bối Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác, Thanh Long vào Nam dự hội trong ba ngày 27-28-29 tháng 3 Canh Thìn (1940). Đây là kỳ Đại Hội cuối cùng tổng kết thành quả mười hai kỳ hội, chủ đích kêu gọi hòa hiệp chi phái. Do ảnh hưởng thời cuộc nên thành phần tham dự Đại Hội Long Vân thứ 12 không đầy đủ. Đại Hội không đạt kết quả như mong muốn.

Tuy vậy, nhân có Đoàn Hướng Đạo miền Trung vào dự, tiên bối Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt tổ chức đêm giao lưu để tạo không khí thân tình Nam Trung hòa hảo. Một số bài thánh giáo dạy từ miền Nam về cơ đạo miền Trung được các nữ đạo hữu diễn ngâm. Sau đó tiên bối Ngọc Lịch Nguyệt muốn dùng cái thú đối đáp của các nhà Nho để thay đổi không khí. Tiên bối xuất một vế đối:

Nhật nguyệt hiệp minh, minh đức, minh tâm, minh chánh đạo.

Tiên bối Lê Trí Hiền thay mặt đoàn Trung Kỳ đối lại:

Thiên nhơn thành Phật, Phật tâm, Phật quả, Phật nhân duyên.

Mọi người vỗ tay tán thưởng. Vừa lúc có tiếng chuông báo

đàn trong bữa tiệc, tiên bối Lê Trí Hiền xin ra một câu thai đồ (xuất vật):

*Khuyên đừng phe phái riêng tây
Cao Đài, một Đạo, một Thầy, một Cha.*

Không ai trả lời được là vật gì. Tiên bối Lê Trí Hiền vừa cười vừa bảo là cái đại hồng chung mới vừa ngân vang đó.

Sẵn đà, tiên bối ra thêm câu thai đồ nữa (xuất vật):

*Nóng lòng sốt ruột trăm chiều
Voi voi việc nước trù trù trên vai.*

Lại không ai giải đáp, tiên bối chỉ chiếc đèn măng sông (manchon) đang rực sáng nói rằng chính là cái này. Rồi tiên bối chuyển trở lại ra câu đối theo kiểu nói lái của người Việt: *Trân tướng tùng tiên Trương tấn lý.*

Tiên bối Huỳnh Ngọc Trác ngó quanh, rồi cười hà hà:

- Đây, gà nhà xin đối, mà không được chỉnh lắm: *Thánh quân xuất thế Thuấn canh điền.*

Câu trên của tiên bối Lê Trí Hiền nói tới tích Trương Lương dâng dép cho ông Huỳnh Thạch Công: *Trân tướng nói lái là Trương tấn.*

Câu sau của tiên bối Huỳnh Ngọc Trác nói tới tích vua Thuấn cày ruộng: *Thánh quân nói lái trại ra là Thuấn canh.*

Mọi người vỗ tay tán thưởng. Nhưng đã báo đàn cúng thời Tý, tiên bối Lê Trí Hiền dí dỏm thưa rằng bây giờ thì đến lúc “*Tịnh cung đao để tụng kinh thanh.*” (*Tịnh cung* nói lái là *tụng kinh.*)

Trong chuyến đi miền Nam này, các tiên bối hướng đạo miền Trung biết được nhiều thông tin về tình hình thế giới và trong nước. Sau đêm giao lưu đó, sáng ngày các tiên bối vội từ giã về Trung để trấn an bản đạo, gìn giữ lập trường thuần

túy tu hành, chuyên chú vào tổ chức Tam Dân Cứu Viện mà hành đạo.

Tình hình cứ mỗi ngày một xấu. Nhiều tin tức dồn dập từ bên Pháp cho đến các nước Đông Dương. Nào thân Pháp chống Nhật, nào thân Nhật chống Pháp... Các hướng đạo của Quyền Hội Thánh Trung Kỳ chủ trương chỉ chăm lo tu học phục vụ quan hôn, tang tế mà thôi.

Vào ngày 4 tháng Giêng Tân Ty (1941) trong khi vị các hướng đạo bận lo tang lễ cho cụ bà thân mẫu tiên bối Huỳnh Ngọc Trác thì mật thám và Tri Phủ Thăng Bình ập đến bắt các tiên bối hướng đạo, kể cả tiên bối Huỳnh Ngọc Trác. Cùng lúc các thánh sở bị đóng cửa, các hình chữ vạn 卍 trên nóc thánh thất đều bị gỡ bỏ, vì theo người Pháp nó giống phù hiệu 卐 của Đức Quốc Xã.

Người đạo đau lòng nghĩ đến những câu thơ tiên tri thời cuộc, mà tương truyền là sấm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585):

*Con mừng búng tít con quay
Vù vù chong chóng gió lay trên đài
Nhà cha cửa đóng then cài
Ăm ăm sóng dậy, hỏi người đông lân.*

Cơ đạo miền Trung từ đó lâm vào cảnh chùa bé thất niêm, anh tù em tội.

PHỤ LỤC

ĐẠI HỘI LONG VÂN ĐỆ BÁT

Thánh thất Trung Thành, ngày 08-4 Mậu Dần (07-5-1938)

BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ

Ta chào chư Thiên mạng. Chào chư hiền nội đàn. Ta rất vui mừng thấy nơi Trung Thành thánh thất đã thành tựu Long Vân Đại Hội Đệ Bát.

THI

*Mừng chung sanh chúng có duyên lành
Đại Hội Bát Kỳ đã rạng danh
Vội thúc tiếng kèn kêu chí sĩ
Sơ khai quý địa gọi Trung Thành.*

Chư Thiên mạng cùng chư hiền nghiêm túc, đoan trang, hầu tiếp giá Đức Chí Tôn. Ta xin kiếu.

TIẾP ĐIỀN

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ
kim viết CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

THẤY các con.

THI

*NGỌC quý cao minh chiếu Cửu Trùng
HOÀNG ân ban nhuận khắp Nam, Trung*

*THƯỢNG cờ đại hội LONG VÂN HỘI
ĐỂ khuyến nhơn sanh khá phục tùng.*

Thầy mừng các con đặng đặng. Nghe Thầy dạy.

BÀI

*Tá Cao Đài, Huyền Khung Thượng Đế
Chính mình Thầy chúa tể muôn loài
Hợp thời, Đại Đạo hoát khai
Truyền gieo hạt giống trần ai hưởng nhờ.
Thầy luân chuyển, Thiên cơ hiển đạt
Mở hội kỳ Đệ Bát Long Vân
Khua vang cái tiếng chuông thần
Cho người mê giấc mộng trần tình đi.
Kết dải đồng Tam Kỳ nhuộm thắm
Nói sợi dây cầu phẩm liên hoa
Hầu gieo hạt giống âu ca
Vẻ vang mấy chữ hiệp hòa Thành Trung.
Khêu ngọn đuốc, soi chung vũ trụ
Đánh tiếng chuông, khuyến nhủ lễ dân
Lý chơn soi dấu cho trần
Ban ơn sơ khởi, rở phần nơi đây.
Này con nghe, lời Thầy dạy bảo
Phải thương yêu hòa hảo cùng nhau
Năm châu cũng gọi đồng bào
Lạc Hồng chung giọt máu đào truyền lai.
Hữu duyên phước Cao Đài hoằng hóa
Đuốc quang minh rọi cả đường đời
Các con đã học Đạo Trời
Phải hành chớ sái những lời ngọc châu.*

*Mừng con cả, Đạo màu tấn phát
Chính ngày nay, y bát chơn truyền
Trung Thành bày tỏ cơ huyền
Mừng Long Vân Hội, vẹn tuyền trước sau.*

Này các con ôi! Rất quý báu thay! Rất hân hạnh thay! Các con vâng lệnh Thầy lập Đại Hội Long Vân Đệ Bát. Thầy rất vui mừng cho các con được hoàn toàn phận sự. Mỗi Đạo nơi đây sẽ tiến hóa thêm. Ngọn đuốc đại đồng sẽ cháy sáng thêm. Thầy mừng con nhờ đó mà tránh xa trăm cay nghìn đắng, khổ não luân trầm. Mong sao nghĩa vụ đại đồng các con tiên thủ mãi, mong sao lý đạo chơn truyền các con thanh hành mãi, thì lo chi cơ đạo đức chẳng rõ ràng, sợ chi chốn Trung Kỳ không hoàng hóa được.

THI

*Mừng nơi sơ khởi hội Long Vân
Bá tánh cùng nhau hưởng phước phần
Thế kỷ cộng hòa thành Đại Đạo
Thiên ân cả đánh tiếng chuông thân.*

TÁI CẦU

THẤY các con.

THI

*HOÀNG PHỤ giờ nay giáng hạ trần
Vui mừng nhân dịp hội Long Vân
Trước đàn dạy rõ cơ Trời định
Đàn nội nhật khoan ngọn bút thân.*

Cười...

... Giờ này Thầy rất vui, rất vui... cùng các con.

Vậy Thầy dạy năm vấn đề sau đây:

Thời kỳ khai Đạo

Mục đích Đại Đạo

Tùy thời lập pháp môn

Nên dùng Thiên phong chức sắc bằng cách nào?

Giải quyết Long Vân Hội.

1. THỜI KỲ KHAI ĐẠO

Thầy giải: Từ buổi nguyên thủy chưa định âm dương bởi một chất nguyên lý, nguyên khí hội hiệp, co dãn, giao cảm mà sanh ra trời đất, muôn vật. Trời đất, muôn vật ứng cầu mà hiện ra muôn tướng muôn hình. Có hình có sắc, có xúc động. Càng xúc động, càng hóa sanh mãi mãi. Có hóa sanh ắt có ngày tranh đấu, sao cho khỏi cuộc điêu tàn. Bởi có từ khi bản chơn tánh của các con đã xa Thầy mà sa vào nơi dục cảnh, lần lần sự cảm nhiễm nó rù quên các con, từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều, vì tưởng là một cái điền lực mãnh cường nó có thể làm cho các con nên việc hay thất việc.

Vì thế, nếu may mà các con thuận theo lẽ Trời, noi đàng chơn chánh mà tư tưởng, thì cái tư tưởng kia sẽ ứng hợp với thiên địa tinh hoa mà hiện ra võ thuận phong điều, nhơn hòa địa lợi. Bằng rui các con lấy nhơn dục tư tâm, bắt tưng Thiên lý mà tư tưởng, thì tư tưởng kia sẽ giao cảm cùng thời tiết mà hóa ra địa kiếp thiên tai, phong lôi thủy chướng.

Bởi có đó mà có tôn giáo, nghĩa là Thầy muốn các con lấy chơn tâm biện lẽ chánh tà, cậy gươm trí huệ mà diệt ma dục vọng. Thảm đó! Vì tôn giáo là một cái luật vô vi, để cậy thể chất hữu hình mà điều độ các con, chế kèm các con sẽ đến chỗ nguyên nhơn chơn lý.

Thảm thay! Đạo tánh, đời hình. Tánh, hình phải liên lạc. Vì vậy mà từ xưa đến nay, các bậc Thánh Nhân, vì lòng mẫn

thể thương sanh, lập nhiều tôn giáo để cứu cánh cho đời. Chẳng may đạo pháp thậm thâm, nan truy cực điểm, vì thế mà sau khi truyền đạo một, hai thế kỷ, rồi coi lại bao nhiêu cái chơn truyền của tôn giáo đều bị vật chất nén đè, tay phàm canh cải. Rất thảm!

Hỡi ôi! Vì các con màn vô minh chưa khoát sạch, tánh bản ngã chẳng kiêng chừa, phương chi lại gặp thời gió văn minh cuộn cuộn thổi khắp hoàn cầu, sóng ác cảm khóa đầy bể khổ, đời như thế đã không phương cứu cánh, còn mong đem Thánh chọi Thần, chê Tiên khen Phật. Những cái vô ích thêm mồn hơi tắt tiếng, gây khổ nghiệp cho nhau. Nếu chúng sanh mãi mãi vậy hoài, thì vạn loại bao chừ mới yên ổn được đó các con?

Thảm thay! Đời mạt kiếp, trình độ dân sanh truy lạc đến cùng. Nổi đông chinh tây chiến, nổi thiên thảm địa sầu. Than ôi! Cái khối quốc hồn trên ngũ đại châu chịu một cảnh vì nhơn tâm vô đạo. Rất thảm! Nổi quốc gia giành giựt, nổi tôn giáo siểm gièm. Cơ hội này cũng khó nổi ngôi xem. Thời thế ấy làm sao cứu cánh hỡi các con! Âu là, Cung Bạch Ngọc Thầy nào yên ổn, đành để chúng sanh bầy nổi ba chìm, phóng điện quang xuống cõi Diêm Phù, dùng cơ bút lập Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là thời kỳ khai Đạo.

2. MỤC ĐÍCH ĐẠI ĐẠO

Đại Đạo là con đường chơn lý triệt để, mở rộng trong buổi hạ nguơn này, chớ chẳng phải là một tôn giáo biệt phái. Đại Đạo là một cái nền tảng đỡ nâng các tôn giáo, mục đích đưa vạn linh đến chỗ đại đồng, xuân đài an lạc. Đó là cái lý của mục đích. Còn sự là quy hiệp Tam Giáo Ngũ Chi, hệ thành nhứt thống, chẳng còn phe phái chi chi, miễn mục đích tế chúng độ nhơn, yêu đời cứu vật một mục tran bằng đó thôi!

3. TÙY THỜI LẬP PHÁP MÔN

Nói đến hai chữ đại đồng và chữ chi phái, thì nhứt là trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bị dưới phạm vi chia rẽ, vậy thì chẳng phải Thầy tự mâu thuẫn lấy Thầy sao? Không! Thầy đã nói Đạo đang cơ khai hóa, chưa đến buổi quy nguyên, nên nhà Đạo Tam Kỳ có nhiều chi phái. Sở dĩ đời các con là đời ham muốn, Thầy quyết độ tận các con nên Thầy tùy trình độ một số đông con, trí óc của một số đông con, lập nhiều chi phái để độ rồi các con.

Thương thay! Đời các con đây, sự dục vọng ham muốn của các con, khác nào đưa bé kia vào một cái nhà hàng thấy nhiều món đồ ăn như quà, bánh, chả, gỏi... thì đưa trẻ nhỏ kia chẳng khỏi đòi thứ này, rồi đòi thứ khác. Thầy cho nó đủ món, rót cuộc bụng vẫn đói hoài, đứa nhỏ kia mới biết chỉ có cơm là no dạng.

Cũng như trời đông, nhơn dân đa bệnh, kẻ cảm hàn, người trúng phong, mỗi bệnh một thứ thuốc, đó là lúc trị bệnh, chớ đến khi an ổn rồi, duy có cái phương toàn chơn là bổ. Vậy thì cơm là thứ phò cơ⁽¹⁾ trợ lực, toàn chơn là phương thang bổ chánh trừ tà. (. . .) Nên Thầy tùy phương tiện lập pháp môn.

4. NÊN DÙNG THIÊN PHONG CHỨC SẮC BẰNG CÁCH NÀO?

Đã biết rằng xa danh vọng, song lễ Đạo quảng truyền, Đạo phải mượn đời. Đời truy lạc, đời lo học đạo. Thầy muốn dùng Thiên phong sở dĩ, một là giữ phần trật tự, hai là chia phận sự mỗi đứa thi hành. Vì là đời các con lâu nay chơn truyền đạo đức đã xiêu đổ, nên chi đường đức dục các con chẳng chút nào còn. Nếu bình đẳng e cho rắc rối lắm các con! Cười...

⁽¹⁾ Cơ: Đói. Phò cơ: Giúp lúc đói.

Lại có nhiều con muốn hỏi Thầy rằng Đức Thượng Đế là bậc toàn giác toàn tri, sao cơ phong Thánh có nhiều người chưa phải mặt. Thầy cất nghã: Đời mạt kiếp, nhơn sanh đa khổ, chìm đắm giữa sông mê, có khác nào một đứa trẻ kia bò lết mãi không ai dìu dắt. Nên Thầy dùng Thiên phong có nhiều nguyên cơ. Một là tùy sức mỗi đứa độặng nhơn sanh. Hai là muốn cho cơ Đạo quảng truyền, nên đặc ân mỗi con mỗi việc.

Thương ôi! Đứa đủ tài đủ sức ấy phận sự đã xong, còn có con ý dục tham cầu, Thầy tùy sở nguyện. Bởi thế, không chọn tài, chọn đức. Đứa đánh trống, đứa động chuông, hai đứa mâu thuẫn nhau, song mục đích cũng là thức tỉnh đó con!

Ngày trước Thầy dạy nơi Nam Kỳ, là trước ban cơ phong Thánh, rồi sau mới lập công. Vì các con Thầy chưa đẹp lòng, nay Trung Hưng đổi lập công rồi phong Thánh đó à!

Các con ôi! Thầy đã nói các con tu, vì đời là đa danh đa nhục, nên mới chen chơn vào đạo, cố giải thoát cuộc đời. Vậy nên Thầy có phong là phong để lập công, chớ không phải phong mà chúng vị đâu các con.

5. GIẢI QUYẾT LONG VÂN ĐẠI HỘI

Đại Đạo từ ngày phổ hóa cơ thể tại Tây Ninh, vì các con ý kiến bất đồng, lập nhiều chi này phái nọ, nên thâm thương! Thậm chí vì lòng nhiệt liệt mến Đạo thương đời cho đến nỗi quên hẳn nhau đi mà đem lòng kích bác.

Thầy rất nực cười cho các con, khi lên đàn thì Đại Đạo quy nguyên, khi cách mặt thì đánh đổ. Cười...

Vậy buồn lòng, Thầy vì các con, hội chư Tiên lập thành mười hai hội Long Vân, mục đích để quy phục nhơn tâm, hòa bình tôn giáo. Than ôi! Đạo mười ba năm đăng đặng chưa ra

ngoài nước Việt Nam, nói đến đại đồng sao hãy còn xa, mà nhìn lại hội chỉ còn bốn hội rồi đây, các con ôi!

Nay Đệ Bát đến Trung Kỳ là một dịp may mắn. Các con sẽ tận tâm tận lực, đem Chánh Đạo mà tuyên dương. Ngày tới đây nhơn loại bình khương, Long Vân Hội để liên hòa tôn giáo đó các con. Cười...

Vậy Thầy sơ giải năm vấn đề để các con rành.

Thầy ban ơn mỗi con. Thăng.⁽²⁾

⁽²⁾ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tập I, tr. 93-101.

ĐÍNH CHÍNH

Trong các sách đã ấn tổng, còn sót một số lỗi. Chúng tôi chân thành tạ lỗi cùng Quý tác giả và Quý đạo hữu. Xin Quý vị vui lòng sửa chữa lại cho đúng, theo bảng đính chính dưới đây.

Ban Ấn Tổng

Ghi chú: Dòng 3↑ nghĩa là dòng 3 đếm ngược từ dưới lên.

2-2. Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên

Trang 8, dòng 17-19, đã in: collègue le Myre de Vilers. Trường này nguyên là collègue de Mỹ Tho thành lập ngày 17-01-1879, đến ngày 14-6-1881 thì đổi tên thành collègue le Myre de Vilers.

Xin sửa lại: collègue de Mỹ Tho.

Trang 38, dòng 3-7, đã in: Collège de Mỹ Tho do Phó đô đốc, Thống đốc Nam Kỳ, Bá tước Louis Charles Georges Jules Lafont lập ngày 17-01-1879. Đến ngày 14-6-1881 thì Đại tướng, Quyền thống đốc Nam Kỳ Arthur de Trentinian đổi tên trường thành collègue le Myre de Vilers.⁽³²⁾

Xin sửa lại: Một nghị định ngày 17-3-1879 của thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers thành lập *collège de Mỹ Tho* tại tỉnh Mỹ Tho (nghị định bổ sung ngày 14-6-1880). Ngày 02-12-1942, trường đổi tên là *collège Le Myre de Vilers*. Do nghị định 179-NĐ ngày 22-3-1953 của Tổng Trưởng Giáo Dục Nguyễn Thành Giung, trường đổi tên là trung học Nguyễn Đình Chiểu cho tới nay. [*Và hủy bỏ chú thích* ⁽³²⁾.]

Trang 64, dòng 3↑, đã in: Saigon, at a salary of

Xin sửa lại: Saigon, as a trainee secretary at a salary of

Trang 65, dòng 9-11, đã in: for Service d'Immigration, at

Xin sửa lại: for Gouvernement de la Cochinchine, at

3-2. Lời Vàng Sen Trắng

Trang 92, dòng 1↑, chú thích ⁽⁵⁾ xin sửa lại: *Nhơn tử lưu danh* 人死留名: Con người chết rồi còn để lại tên tuổi, tiếng thơm.

18-1. Hương Quế Cho Đời

Trang	Dòng	Đã in	Xin sửa lại
101	10	qua <u>một trong hai</u> tấm	qua <u>bốn</u> tấm
104	7	Huợt <u>Bác</u> Kim Tiên	Huợt <u>Bát</u> Kim Tiên

27-1. Hành Trạng Tiến Bối Cao Triều Phát

Trang	Dòng	Đã in	Xin sửa lại
15	4	Thế Chiến thứ <u>Hai</u>	Thế Chiến thứ <u>Nhất</u>
17	2	(<u>D'</u> Arras)	(Arras)
17	13↑	<u>Pé</u> trus Ký	<u>Pet</u> rus Ký
21	14↑	<u>05</u> -11-1937	<u>15</u> -11-1937
23	7↑	đến <u>30</u> -9-1945	đến <u>15</u> -11-1945
25	2	đội <u>cối</u>	đội <u>nón</u> cối
26	7	<u>lạm</u> quyền chương	<u>nắm</u> quyền chương

39-1. Tìm Hiểu Hai Bài Tiên Thiên Khí Hóa Và Quế Hương Nội Điện

Trang	Dòng	Đã in	Xin sửa lại
6	12↑	<i>Tìm Hiểu Hai Bài <u>Kinh</u></i>	<i>Tìm Hiểu Hai Bài</i>
8	14↑	<i>Thánh Giáo <u>tâm kinh</u></i>	<i>Thánh Giáo <u>chí tâm</u></i>
10	1↑	<i>Ngọc Cảnh <u>Nội Kinh</u></i>	<i>Nội Cảnh <u>Ngọc Kinh</u></i>
11	8		
12	3		
13	10		
15	1↑		
16	13, 21		
39	7, 14		
78	13		
27	6	month of <u>the</u> lunar year	month of <u>a</u> lunar year
39	10↑	<u>cỏ phải</u> chính là	<u>có phải</u> chính là
78	2↑	<u>Thất Khúc</u> Lão Đam	Lão Đam

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải. 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ẮN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012, 2013.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT ĐỒNG BÁT NHÃ.** Huệ Khải, 2010, 2013.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
 - 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huân, 2010.
 - 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
 - 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
 - 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
 - 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
 - 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
 - 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
 - 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
 - 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
 - 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
 - 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.
 - 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
 - 44-2. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011, 2013.
 - 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
 - 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
 - 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
 - 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.
 - 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
 - 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
 - 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần, 2013.
 - 52-2. **TU CỨU CỨU HUYẾN THẤT TỔ.** Huệ Khải, 2012, 2013.
 - 53-1. **CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
 - 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải / 55-2. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012, 2013.
 - 56-1. **ĐẠO LÝ HUYẾN CƠ.** Thiện Bảo. / 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.
 - 58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU.** Đạt Đức, 2013.
 - 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2013.
 - 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.** Đơn Tâm, 2013.
 - 61-1. **GIỌT NGỌC KIM BÀN.** Thanh Căn, 2013.
 - 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ.** Huệ Khải & Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013.
- * **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 1, 2, 3, 4, 5, 6.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I, II, III, IV-2012 và quý I, II-2013. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)

XÂY DỰNG TỦ KINH SÁCH TRONG TỪNG NHÀ BỔN ĐẠO

“... mỗi ngày phải chừa một giờ
để đọc thánh kinh hiền truyện.”

Đức **GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO**
Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn),
ngày 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Từ lúc nhập môn đến giờ, ai cũng có vài quyển kinh sách Cao Đài trong nhà, và trong khoảng bốn năm nay, với sự ra đời của Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo, bổn đạo chúng ta đã lần lượt đón nhận được hơn sáu mươi đầu sách bao gồm những nội dung về: sử Đạo; chú giải kinh văn nhật tụng; giáo lý tổng hợp từ Tam Giáo, Ngũ Chi; đối thoại, giao lưu tôn giáo bạn (qua *Nhịp Cầu Tương Tri* và *Đại Đạo Văn Uyển*...). Đây là khối tài sản tinh thần giúp ta mở mang kiến thức về đạo đức và cũng là tài sản vô hình mà mỗi người tín hữu chúng ta phải chắt chiu, dành dụm trên đường dài tu học và hành đạo để làm giàu thêm công hạnh; đủ khả năng giành lấy phẩm vị thiêng liêng, đạt được mục tiêu Nhơn Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát.

Một số gia đình đạo hữu chúng ta đã có sẵn một số kinh sách, nhưng phần đông thường thiếu điều kiện sắm được tủ sách hoặc kệ sách để sắp xếp, lưu giữ những quyển kinh sách theo thứ tự ngăn nắp. Về điểm này, thiết nghĩ các Ban

Trị Sự, Ban Cai Quản của mỗi thánh thất, thánh tịnh nên phát động một phong trào tạm gọi là *gây dựng tủ kinh sách gia đình*. Nếu gia đình nào nghèo quá, không sắm được tủ kệ đựng kinh sách thì Ban Trị Sự sở tại sẽ có phương cách chung tay giúp đỡ tài chánh để lần lần hầu như gia đình bổn đạo nào trong họ đạo của mình cũng đều có tủ kệ kinh sách, phân loại theo từng đầu sách mà sắp xếp theo từng ngăn.

Xây dựng tủ sách gia đình ví như xây dựng ngôi nhà cho những vị thầy ở, những vị thầy đó là thánh ngôn, thánh giáo, *Tân Luật*, *Pháp Chánh Truyền*, thánh kinh hiền truyện... Lúc ta quên điều gì về đạo lý, vị thầy trong ngôi nhà ấy sẽ nhắc nhở chúng ta nhớ lại; lúc ta thối chí ngã lòng, vị thầy ấy sẽ an ủi, động viên chúng ta vững lòng tinh tiến.

Nhiều người than không có thì giờ đọc sách, hoặc ngần ngại đọc sách vì quen nghe băng đĩa và xem phim ảnh. Tuy nhiên, dù bận thế nào chẳng nữa chúng ta vẫn nên dành mỗi ngày từ một, hai giờ đồng hồ đọc kinh sách, bồi dưỡng kiến thức giáo lý để hoàn thiện nhân cách làm người, làm đệ tử Cao Đài, để không bị vướng vào lối tu mù mịt, không có quan điểm rõ ràng về việc tu thế nào cho đúng, để không bị lung lạc, bị lôi cuốn bởi những “đạo lạ” đang thường xuyên gõ cửa quyến rũ, mê hoặc chúng ta. Mặt khác, trân trọng tủ kinh sách gia đình, thường xuyên đọc thánh kinh hiền truyện cũng là nêu gương để con cháu noi theo mà giữ gìn nếp *văn hóa đọc*, vừa bổ ích cho cá nhân và có ích cho xã hội.

HUYỀN CHƠN
Tòa Thánh Châu Minh

VÀI SUY NGHĨ VỀ TỬ KINH SÁCH ẤN TỔNG

Từ khai Đạo (1926) đến nay gần chín mươi năm nhưng sách vở khảo cứu về đạo Cao Đài hầu như còn ít ỏi, thiếu thốn! Đó là một trở ngại lớn cho hàng tín chúng cũng như học giới ngoài cộng đồng Cao Đài mỗi khi muốn tham khảo sâu rộng về nền tôn giáo mới của dân tộc.

Năm năm qua (tháng 6-2008 / tháng 6-2013), *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* đã mang đến cộng đồng tín hữu Cao Đài cũng như ngoài xã hội những quyển kinh sách giá trị, in đẹp và chất lượng tốt. Có thể nói Chương Trình này đã và đang bù đắp được phần nào những thiếu thốn của tất cả những ai quan tâm muốn tìm hiểu mỗi đạo Kỳ Ba.

Chương Trình Ấn Tổng chính là một phương thức phổ thông phổ truyền giáo lý hiệu quả trong quốc nội cũng như ra hải ngoại, có thể giúp ích nhiều cho những khách thiện duyên thuộc mọi tầng lớp nhân sanh.

Nhờ ơn Thiên Liêng soi dẫn và phù trì, nhờ những tấm lòng cao cả năm năm qua không ngừng hy sinh tiền bạc, tâm huyết, đem hết thời gian và tâm óc tận tụy làm ấn tổng để hoàng dương chánh giáo, phục vụ công cuộc tận độ Kỳ Ba mà số kinh sách Đại Đạo càng ngày càng được phổ cập trong hàng tín chúng. Tại mỗi tư gia đều có thể lập một kệ sách, tủ sách riêng cho gia đình; tại mỗi thánh sở càng có thêm điều kiện thuận lợi để lập tủ sách chung hay phòng đọc sách cho đạo chúng (chưa dám nói tới thư viện).

Như chúng ta đã biết, mỗi đầu kinh sách do Chương Trình Ấn Tổng liên kết xuất bản đều được phân phối về các thánh sở nhà Đạo. Sau khi tiếp nhận, nếu các nơi này không có biện pháp tốt để lưu trữ, bảo quản và phân phối hiệu quả cho tín

đồ, thì sau một thời gian nguồn kinh sách quý báu sẽ thất thoát, thiếu hụt... Những đạo hữu mới nhập môn nếu có cần tìm đọc ắt phải khó khăn, trở ngại.

Do đó, mỗi cơ sở Đạo chúng ta cần sớm có kế hoạch lập tủ lưu trữ kinh sách Cao Đài phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện sẵn có tại từng địa phương. Họ đạo cần kêu gọi đạo tâm và tín hữu hiệp sức góp tặng những kinh sách mà gia đình dư dưng, tập trung tại họ đạo để từng bước lập nên phòng đọc sách tại thánh sở, rồi sau này sẽ lập thành thư viện một khi phòng đọc sách phát triển, và cần mở rộng.

Để trông coi tủ sách, phòng đọc sách tại họ đạo, cần sử dụng lớp trẻ như học sinh cấp ba, sinh viên, và rất cần có thành phần giáo chức... Những đạo hữu này do môi trường học tập, làm việc của mình ngoài xã hội, ít nhiều đã quen việc mượn và trả kinh sách đã mượn. Giới trẻ hoặc giáo chức còn biết sử dụng vi tính, nên sẽ lập hồ sơ quản lý kinh sách nhanh gọn, hiệu quả...

Ở họ đạo Hội An, giới trẻ trong Gia Đình Hưng Đạo bấy lâu đã cùng chia sẻ công quả điều hành tủ kinh sách. Công việc bao gồm phân loại các đầu sách theo từng tôn giáo, từng nội dung cụ thể (như thánh ngôn, thánh giáo, kinh lễ, giáo luật, giáo sử, giáo luận, các câu chuyện về tu dưỡng sống đạo...); lập thư mục tổng hợp để quản lý (dùng máy vi tính); mỗi ngăn tủ còn có bảng tên đề mục kinh sách để dễ tìm mỗi khi cần tới.

Để lưu trữ và giữ gìn kinh sách, mỗi đầu sách được chọn ra từ ba đến năm quyển (tùy theo số lượng có được), đem bao bọc cẩn thận, đánh mã hiệu, đóng dấu riêng của họ đạo, sau đó mới cho tín đồ mượn đọc tại chỗ hoặc cho mượn về nhà có kỳ hạn. Lập sổ theo dõi số kinh sách cho mượn, nhận trả. Thường xuyên kiểm tra sổ...

Ngoài số kinh sách để cho mượn nói trên, với những đầu sách có nhiều và dành cho tín hữu thỉnh về nhà thì cần có tủ riêng hay kho sách lưu trữ, bảo quản, tránh mối mọt. Ở miền Trung thường bị mưa bão, lũ lụt, nên rất cần quan tâm chọn nơi cao ráo.

Cần nên có chủ trương, khuyến khích từ Hội Thánh xuống các họ đạo để phát huy văn hóa đọc bằng cách xem việc thành lập tủ sách hay phòng đọc sách ở họ đạo, lập tủ kinh sách ở gia đình, xây dựng mạng lưới thỉnh biểu kinh sách ấn tống tại họ đạo... là một nội dung cần yếu trong sinh hoạt tu học hành thiện, rèn luyện công quả, công trình.

Giữa các họ đạo, nên có giao lưu trao đổi kinh nghiệm về việc lập tủ sách, phòng đọc sách, cho mượn và phân phối kinh sách miễn phí. Các cuộc lễ kỷ niệm tại một họ đạo nên dành thêm thời gian tổ chức thi điểm sách (giới thiệu tác phẩm) giữa các độ tuổi (thanh thiếu niên, trung niên, nữ phái...) để tạo thành phong trào siêng đọc kinh sách trong đạo chúng, nâng cao trình độ giáo lý. Giữa các thánh sở khá gần nhau nên tổ chức thi đố vui liên họ đạo để vừa kết chặt thêm tình thân hữu, vừa phong phú hóa sinh hoạt tu học, vừa tăng thêm khí thế cho đạo chúng.

Khi có tín hữu nào tự nguyện nhận lãnh công việc góp phần phổ thông phổ truyền giáo lý, phát hành kinh sách ấn tống, thành lập và quản lý tủ sách, phòng đọc sách tại họ đạo... thì nên xét tới tâm lực, nguyện lực, thiện chí và hiệu quả công việc của các đạo hữu đó. Không nên chỉ trích rằng anh đó, chị đó không có “quyền pháp”, không có “chức năng” để nhận lãnh công quả đó.

Các huynh tử trong Chương Trình Ấn Tống chỉ là một số ít ỏi tín đồ “tay trắng” vì không ai có phẩm vị hay chức sắc. Chương Trình Ấn Tống không trực thuộc bất kỳ Hội Thánh

hay tổ chức nào của Đạo. Thử hỏi, các huynh tử ấy lấy đâu ra “quyền pháp” và “chức năng” để phổ thông giáo lý?!

Nhưng năm năm qua, với trí tuệ và tâm huyết, quý huynh tử ấy đã liên tục gửi đến nhơn sanh trên sáu mươi tác phẩm có sức thuyết phục, nên nhơn sanh khắp nơi (kể cả một số vị ở vài tôn giáo bạn) tự nguyện tìm tới ủng hộ tài chánh để kinh sách càng in biểu được nhiều hơn, càng phổ biến được rộng khắp hơn.

Thuận nhơn tâm ắt thuận Trời. Vậy, phải chăng “quyền pháp” và “chức năng” được ban trao chính từ nhơn sanh khắp nơi đã và đang trọn lòng tin cậy Chương Trình, tin cậy những người con áo trắng gồng gánh Chương Trình?

Đạo chúng ta đã lắm thiệt thòi vì trải qua nhiều thời gian bị “im ắng”! Nay có cơ trung hưng hoằng pháp thì nên mở lòng ra mà tiếp sức, đỡ nâng nhau cùng sốt chia công quả. Nếu còn ai chấp nhất, truy vấn nhau về chỗ “quyền pháp” hay “chức năng” để “làm khó” cho nhau, ấy là vì chưa thâm nhập lời răn dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh:

“Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là Hội Thánh hay Tòa Thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”⁽¹⁾

VÕ ĐỨC MINH HIẾU

Phó Ban Giáo Lý - Lễ Nghi, Gia đình Hưng Đạo
Họ đạo Hội An, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

⁽¹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (20-8-1967).

Ý NGHĨA THỰC HÀNH PHÁP THÍ

* Đức **THẦN OAI VIÊN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN** dạy (02-11 Tân Mùi, 10-12-1931):

“Phàm người tu hành mà đặt đặng một bộ kinh sám mà khuyên chúng làm lành thì người ấy đặng thành Tiên. Còn người vẽ chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành Thánh.”

(Chiếu Minh Đán, **Tam Ngươn Giác Thế**. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, tiền bối Cao Triều Trực ấn tống, tr. 36.)

* Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu, 30-01-1970):

“Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phước đức, công quả trọng đại hơn.”

* Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN** dạy (Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Canh Tuất, 18-8-1970):

“Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyện ở những câu:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhưng cứ ngời khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hoằng khai cho mình.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép màu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

... Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không

phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.”

* Đức **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ** dạy (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất, 29-10-1970):

“*Hỡi các con! Giáo lý hay chọn lý Đại Đạo được hoằng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngàn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.”*

Thấm thía lời Thầy dạy trên đây, hằng ngày cúng tứ thời, khi niệm đến câu “*Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai; Nhì nguyện phổ độ chúng sanh*”, người đạo Cao Đài chúng ta nên tự hỏi: Mình đã làm được gì để hoằng khai Đạo Thầy cho đúng nghĩa là một chánh pháp cứu thế Kỳ Ba?

Chúng ta buồn tủi vì tình trạng Đức **Giáo Tông Đại Đạo** nêu lên hơn bốn mươi năm trước, bây giờ vẫn còn phổ biến:

“*Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chẳng?”* (Thiên Lý Đán, 20-9 Kỷ Dậu, 30-10-1969)

Trước hoàn cảnh thiếu thốn giáo lý nói trên, *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* ra đời. Xin anh chị em đạo hữu chúng ta hãy cùng tâm niệm lời Đức **Giáo Tông Đại Đạo** khuyên dạy (Thiên Lý Đán, 15-7 Ất Ty, 11-8-1965):

“*Công quả cùng danh nghĩa Đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhứt trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại, hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.”*